

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

GV: Phạm Thị Hòa

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

Phần	Tên bài/Thời lượng (11 tiết)
1. Đọc	- VB1: <i>Vợ nhặt</i> (Trích – Kim Lân) - VB2: <i>Chí Phèo</i> (Trích – Nam Cao) - Thực hành đọc: <i>Cải ơi!</i> (Nguyễn Ngọc Tư)
	Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết
2. Viết	Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)
3. Nói và nghe	Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	- Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i> . - HS biết đọc hiểu văn bản truyện ngắn hiện đại: + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,... + Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. + Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp được tác giả gửi gắm trong văn bản ; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

	+ Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo được người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản. - HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả. - HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả. - HS biết thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.
--	--

Năng lực số	1.1. NC1b - Khai thác và lọc thông tin: Biết cách sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, YouTube) để tra cứu thông tin về tác giả, bối cảnh sáng tác; bước đầu biết lọc các nguồn tài liệu tin cậy để tìm kiếm bài giảng hoặc các tệp âm thanh đọc diễn cảm bài thơ phục vụ việc cảm thụ văn bản. 1.2. NC1a - Đánh giá dữ liệu và thông tin: Biết cách phân biệt và chọn lọc các bài bình giảng, tài liệu phân tích thơ từ các trang web giáo dục uy tín; bước đầu hình thành tư duy đối chứng để không phụ thuộc vào các nguồn thông tin thiếu xác thực trên mạng xã hội. 2.2. NC1a - Chia sẻ và hợp tác trên môi trường số: Biết cách sử dụng các nền tảng liên lạc phổ biến (Zalo, Email, nhóm học tập) để trao đổi về bài học, chia sẻ các sản phẩm bài viết, sơ đồ tư duy hoặc các tệp tư liệu cần thiết cho việc học tập nhóm. 3.1. NC1a - Phát triển và sáng tạo nội dung số: Biết cách soạn thảo văn bản nghị luận trên máy tính (sử dụng Word); bước đầu tập thiết kế sơ đồ trực quan hóa cấu tứ, hình ảnh bài thơ bằng các công cụ đơn giản (PowerPoint hoặc các phần mềm vẽ sơ đồ tư duy) để làm nổi bật luận điểm. 3.3. NC1a - Thực thi bản quyền và sở hữu trí tuệ: Biết cách ghi chép, trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo khi sử dụng các nhận định, bài bình luận hoặc tư liệu hình ảnh từ Internet vào bài viết nghị luận, đảm bảo tính trung thực và tôn trọng quyền tác giả. 6.2. NC1a - Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong sáng tạo: Sử dụng AI để đặt câu hỏi gợi mở về hình ảnh thơ, tạo các trò chơi nhỏ (quiz) ôn tập kiến thức về bài thơ, hoặc nhờ AI gợi ý những ý tưởng (câu văn, cách ví von) mới mẻ để làm phong phú thêm bài nghị luận văn học...
--------------------	---

II. PHẨM CHẤT

- Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương. - Tích hợp giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GD truyền thống nhân đạo, tình yêu thương con người, sống có bản lĩnh để không bị cám dỗ, tha hóa...
--

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- **Thiết bị kỹ thuật số:** Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.
- **Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm:** Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).
- **Thiết bị truyền thống:** Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ...
- **Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học:** tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini...); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết trình và video (Gamma App, Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno...)

2. Học liệu dạy học:

- **Học liệu in ấn, bản word mềm:** Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.
- **Tư liệu tham khảo văn học:** Sách *Về tác gia và tác phẩm*” (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.
- **Học liệu số (Học liệu đa phương tiện):** Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.
- **Công cụ đánh giá:** Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 1, 2, 3

VĂN BẢN 1: VỢ NHẶT

(Trích)

Kim Lân

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

c. Năng lực số

- **1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Sử dụng được máy tính, điện thoại để truy cập Internet chủ động tra cứu video, tư liệu về Nạn đói năm 1945 và hoàn cảnh ra đời truyện ngắn *Vợ nhặt*.

- **1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống về tác phẩm *Vợ nhặt* trên môi trường số.

2. Phẩm chất

- Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,...

- **Tích hợp giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:** GD truyền thống nhân đạo, tình yêu thương con người, sống có bản lĩnh để không bị cám dỗ, tha hóa...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Công cụ AI: Gemini, Chat, Google AI...

2. Học liệu:

- SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá
- Mã QR / Đường link video tư liệu bối cảnh lịch sử 1945 trên Youtube; không gian dùng chung trực tuyến (nhóm Zalo lớp); công cụ AI Chatbot miễn phí (Gemini/ChatGPT).

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh huy động được những tri thức, kinh nghiệm sống cá nhân về chủ đề sẽ học trong văn bản, tạo tâm thế sẵn sàng cho việc khám phá tác phẩm.

1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Học sinh áp dụng kỹ thuật duyệt và tiếp cận tư liệu đa phương tiện trực tuyến để chủ động tra cứu video, tư liệu về bối cảnh lịch sử nạn đói năm 1945, qua đó khơi gợi hứng thú và huy động tri thức nền cho bài học.

b. Nội dung hoạt động: Xem video tư liệu và suy nghĩ về nạn đói năm 1945.

c. Sản phẩm: Nội dung phản hồi Phiếu học tập số 1 của học sinh trên **nhóm Zalo lớp**.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem video:

(https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I&t=197s)

- HS hoàn thành phiếu học tập (theo hình thức **Think-Pair-Share**)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) xảy ra ở Việt Nam?	
- Có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,...) cũng đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng không?	
Một tác phẩm thơ, văn mà em biết có liên quan?	
Một mẫu chuyện được nghe kể có liên quan?	
Một cảm nhận của cá nhân em khi xem video?	
Một tưởng tượng khi xem?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem video clip và ghi kết quả thảo luận sau khi đã thống nhất vào phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi đại diện 2-3 nhóm HS trình bày sản phẩm, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nêu nhận xét về phần trình bày của các nhóm và ghi nhận những đóng góp tích cực, tôn trọng các ý tưởng khác biệt của HS.

→GV dẫn vào bài bằng câu hỏi SGK:

Cách 1: Có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,...) cũng đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng hay không? Tiết học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời cho câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận diện và phân tích được đặc trưng của truyện ngắn hiện đại, điểm nhìn, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để làm nền tảng giải mã văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Sơ đồ Tri thức Ngữ văn được hoàn thiện bằng công cụ số (Slide/Canva/hoặc ảnh chụp sơ đồ vẽ tay của nhóm).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: *Tôi đi tìm miếng ghép của tôi*

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Giáo viên sử dụng kỹ thuật lớp học đảo ngược để học sinh tự nghiên cứu phần Tri thức Ngữ văn tại nhà.

Học sinh vận dụng trí nhớ và kiến thức đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành thử thách giải mã 4 từ khóa lý thuyết quan trọng về truyện ngắn hiện đại, điểm nhìn và ngôn ngữ văn học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Vận dụng trí nhớ và phần chuẩn bị bài ở nhà để chọn phương án trắc nghiệm hoặc điền từ khóa trực tuyến.

*Câu 1: Yếu tố bao gồm chuỗi sự kiện được gắn với vai trò người kể, điểm nhìn và lời văn gọi là gì? **Truyện kể***

*Câu 2: Vị trí để quan sát, trần thuật và đánh giá trong tác phẩm tự sự được gọi là gì? -> **Điểm nhìn***

*Câu 3: Sự kết nối, giao thoa giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật tạo nên hình thức lời văn nào? -> **Lời nửa trực tiếp / Độc thoại nội tâm***

*Câu 4: Ngôn ngữ âm thanh gắn liền với hoạt động giao tiếp đời sống thường nhật thuộc loại ngôn ngữ nào? -> **Ngôn ngữ nói***

- GV quan sát tinh thần làm việc của cả lớp, màn hình máy tính của GV sẽ ghi nhận trực tiếp biểu đồ làm bài theo thời gian thực.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên chọn học sinh xuất sắc hoàn thành nhanh nhất các câu hỏi.

- GV gọi nhanh 1 học sinh giải thích lại từ khóa ở câu hỏi có nhiều bạn làm sai nhất (nếu có) để tạo tính tương tác tại lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- Giáo viên đánh giá, tuyên dương tinh thần tự học ở nhà của học sinh.

- **Chuẩn hóa kiến thức:** GV chiếu slide nội dung cô gọn (mục I) lên màn hình, yêu cầu học sinh chụp lại màn hình hoặc đánh dấu vào sách giáo khoa để làm căn cứ lý thuyết soi chiếu khi phân tích văn bản.

- **GV dẫn dắt vào văn bản *Vợ nhặt***

I. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Truyện ngắn hiện đại Thể loại tự sự cỡ nhỏ; xoay quanh một, hai tình huống gây ấn tượng mạnh; chi tiết chất lọc, dồn nén và vận dụng bút pháp chấm phá.

2. Câu chuyện và Truyện kể

- *Câu chuyện:* Nội dung cốt lõi (nhân vật, bối cảnh, sự kiện) sắp xếp theo trật tự thời gian phẳng.

- *Truyện kể:* Không đồng nhất với câu chuyện; bao gồm sự kiện gắn liền với vai trò người kể, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật.

3. Điểm nhìn trong truyện kể

- *Khái niệm:* Vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.

- *Phân loại:* Điểm nhìn người kể/nhân vật; bên trong/bên ngoài; không gian/thời gian; tâm lý, tư tưởng.

- *Tác dụng:* Điểm nhìn thấu suốt (định hướng cho người đọc) hoặc đa điểm nhìn (tạo tính đối thoại, phát huy vai trò chủ động của người đọc).

4. Lời người kể chuyện và Lời nhân vật

- *Lời người kể:* Gắn với ngôi kể, điểm nhìn, giọng điệu của vai kể. Chức năng: miêu tả, trần thuật, đánh giá.

- *Lời nhân vật:* Ngôn ngữ đối thoại/độc thoại gắn với ý thức, giọng điệu nhân vật.

	- <i>Mối quan hệ</i>: Giao thoa tạo nên lời nửa trực tiếp, độc thoại nội tâm, lời nhại. 5. Ngôn ngữ nói và Ngôn ngữ viết - <i>Ngôn ngữ nói</i>: Ngôn ngữ âm thanh (thính giác), gắn với giao tiếp thường nhật. Dạng đặc biệt: xuất hiện dưới hình thức văn bản viết. - <i>Ngôn ngữ viết</i>: Thể hiện bằng chữ viết (sách báo, văn bản). Dạng đặc biệt: được truyền tải bằng âm thanh (văn bản đọc).
--	---

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Học sinh nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm; trình bày được các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách nghệ thuật, vị trí văn học, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt được cốt truyện và giải mã được ý nghĩa nhan đề.
- Phát huy NLS:

1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Học sinh biết cách thẩm định độ tin cậy và tính xác thực của các nguồn dữ liệu văn học tra cứu được trên môi trường số.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm bằng bảng trình chiếu.

c. Sản phẩm: Bản trình chiếu PowerPoint/Canva của học sinh có ghi rõ nguồn trích dẫn

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tác phẩm	
Xuất xứ	
Hoàn cảnh sáng tác	
Tóm tắt truyện	
Ý nghĩa nhan đề	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tự chuẩn bị bài ở nhà theo Phiếu học tập số 2. <i>Yêu cầu số:</i> - Khuyến khích HS sử dụng Trí tuệ nhân tạo (Gemini/ChatGPT) hoàn thành phiếu	II. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Kim Lân - Nhà văn tiêu biểu của truyện ngắn. - Phong cách: kể chuyện tự nhiên, giàu chất hiện thực và tính nhân văn; ngôn ngữ bình dị, đậm chất đời sống nông thôn.

học tập, sau đó đối chiếu lại với SGK để kiểm chứng tính chính xác Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ, rà soát lại nội dung Phiếu học tập số 2 trên điện thoại/máy tính hoặc bản viết tay. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm trình bày kết quả. - GV gọi một HS chia sẻ trải nghiệm: "<i>AI tóm tắt truyện Vợ nhặt có làm đúng yêu cầu, mong muốn của em không? Có chi tiết nào bị nhầm lẫn hay cần bổ sung?</i>" để học sinh rèn luyện tư duy phản biện khi dùng công nghệ. - HS khác có thể nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức theo đúng dự kiến sản phẩm của Phiếu học tập số 2. *Nhiệm vụ : Đọc và tìm hiểu chung về ý nghĩa nhan đề văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp theo cặp đôi (hoặc nhóm bàn) và phát ra một thử thách giao tiếp với công nghệ: - <i>Nhiệm vụ:</i> Hãy sử dụng điện thoại thông minh, truy cập vào ứng dụng AI (Gemini/ChatGPT) và nhập câu lệnh (prompt): "Hãy phân tích ngắn gọn ý nghĩa nhan đề Vợ nhặt của Kim Lân trong 3 dòng". - <i>Yêu cầu phản biện:</i> Các em hãy đọc kết quả AI trả về, đối chiếu với Tri thức Ngữ văn trong SGK để nhận xét xem câu trả lời của AI có chính xác không, đã nêu bật được sự đối lập giữa hai từ "Vợ" và "nhặt" chưa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trong nhóm mở điện thoại, nhập câu lệnh vào AI, cùng đọc kết quả và	- Tác phẩm chính: <i>Nên vợ nên chồng, Con chó xấu xí, Tuyển tập Kim Lân.</i> 2. Tác phẩm “Vợ nhặt” . Xuất xứ: In trong tập <i>Con chó xấu xí</i> (tiền thân là tiểu thuyết <i>Xóm ngụ cư</i>). b. Hoàn cảnh sáng tác: Viết sau Cách mạng tháng Tám, hoàn chỉnh sau năm 1954. c. Tóm tắt: Tràng "nhặt" được vợ giữa nạn đói 1945; bà cụ Tứ đón nhận nàng dâu trong xót thương và hi vọng; kết thúc mở với niềm tin vào cách mạng. d. Ý nghĩa nhan đề “Vợ nhặt” - Gây ấn tượng, kích thích sự tò mò. - Thể hiện tình huống truyện độc đáo, éo le. - Gợi sự rùng rợn của thân phận con người trong nạn đói. - Khẳng định giá trị nhân đạo, khát vọng hạnh phúc và niềm tin vào cuộc sống.
---	--

thảo luận nhanh để nhặt ra các từ khóa đúng. - HS tiến hành đối chiếu và ghi nhận xét nhanh vào nháp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 1 - 2 nhóm đứng dậy đọc câu trả lời của AI và đưa ra lời nhận xét của nhóm mình. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét tinh thần chủ động tương tác với AI và tư duy phản biện của học sinh, không phụ thuộc hoàn toàn vào máy móc. - GV chuẩn hóa kiến thức lên màn hình tivi	
--	--

2.3: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đối giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia chương trình Talk show để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, Phiếu học tập số 3 đã hoàn thiện (dạng bản giấy chụp ảnh gửi lên nhóm hoặc file số hóa) của cá nhân và nhóm; kịch bản/hình ảnh trình chiếu phục vụ Talk show.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ * <i>GV chia lớp thành các nhóm</i>, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ (bước 1), chuẩn bị trình bày trước lớp.	IV. Khám phá văn bản 1. Bối cảnh thời gian – không gian - Khung cảnh ngày đối: không gian thê lương, chết chóc (hình ảnh, âm thanh, mùi vị ám ảnh)

Nhóm 1: Bối cảnh thời gian - không gian

Xác định bối cảnh thời gian, không gian truyện.

Nhóm 2: Mạch truyện và tình huống truyện

- Câu chuyện trong *Vợ nhặt* được kể theo trình tự nào và có thể chia làm mấy phần?

- Xác định tình huống truyện và nêu ý nghĩa của nó.

Nhóm 3: Nhân vật và các chi tiết tiêu biểu

- **Trước khi Tràng nhặt được vợ** (Chú ý ngôn ngữ và cách ứng xử của người phụ nữ trước khi theo Tràng về nhà; Việc Tràng chấp nhận hành động “theo về” của một người phụ nữ xa lạ thể hiện nét tính cách gì của nhân vật?)

- **Trên đường đưa vợ về nhà** (Tâm trạng của Tràng và người “vợ nhặt” được bộc lộ qua những biểu hiện bên ngoài (ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ...) nào? Người dân trong xóm nghĩ và bàn luận gì khi thấy Tràng dẫn một người phụ nữ lạ về nhà?)

- **Về đến nhà** (Những chi tiết nào thể hiện sự thay đổi trong tâm trạng của Tràng và người “vợ nhặt” khi về đến nhà? Tình cảm của bà cụ Tứ dành cho người con dâu mới được thể hiện qua giọng điệu và những từ ngữ nào?)

- **Buổi sáng hôm sau** (Chú ý những chi tiết miêu tả sự thay đổi của nhân vật Tràng, bà cụ Tứ và người “vợ nhặt” trong buổi sáng của ngày đầu tiên sau khi Tràng nhặt được vợ)

- **Bữa cơm ngày đói** (Chú ý vai trò của chi tiết nồi chè khoán; Tại sao bà cụ Tứ ngoảnh vội ra ngoài, “không dám để con dâu nhìn thấy” mình khóc? Tràng có tâm trạng như thế nào khi nghe câu chuyện mà người “vợ nhặt” kể? Hình ảnh “lá cờ đỏ” hiện lên trong tâm trí của Tràng có ý nghĩa gì?)

- Theo trình tự của câu chuyện, các nhân vật đã có những thay đổi như thế nào từ diện mạo, tâm trạng đến cách ứng xử?

Nhóm 4: Nghệ thuật kể chuyện

→ làm nổi bật hiện thực khốc liệt của nạn đói 1945.

- **Khung cảnh ngày mới:** cảnh vật, con người đổi thay theo hướng tươi sáng; các nhân vật hướng đến tổ ấm và tương lai → khẳng định sức sống, niềm hi vọng.

2. Mạch truyện và tình huống truyện

- **Mạch truyện:** kể theo trình tự thời gian, kết hợp hồi tưởng; gồm 4 phần.

- **Tình huống truyện:** Tràng “nhặt” được vợ giữa nạn đói.

- **Ý nghĩa:** tình huống độc đáo, tạo sức hấp dẫn; tố cáo hiện thực tàn khốc, làm nổi bật giá trị nhân đạo và khát vọng sống.

3. Nhân vật và các chi tiết tiêu biểu

- **Tràng:** từ vô tư, nghèo khổ → trưởng thành, có trách nhiệm, tin tưởng vào tương lai.

- **Người vợ nhặt:** từ chao chát, liều lĩnh vì miếng ăn → hiền hậu, đúng mực, biết vun vén gia đình.

- **Bà cụ Tứ:** giàu tình mẫu tử, bao dung, lạc quan, luôn gieo hi vọng.

- **Chi tiết nghệ thuật tiêu biểu:** nồi cháo cám, lá cờ đỏ, bữa cơm ngày đói... góp phần thể hiện hiện thực khốc liệt và tư tưởng nhân đạo của tác phẩm.

* Tích hợp giáo dục lí tưởng, đạo đức, lối sống

- Giáo dục ý thức trách nhiệm với gia đình (qua nhân vật Tràng).

- Bồi dưỡng nghị lực, tinh thần lạc quan trước nghịch cảnh (qua bà cụ Tứ).

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tin vào Cách mạng, ý thức cống hiến (qua hình ảnh lá cờ đỏ).

4. Nghệ thuật kể chuyện

- Tình huống truyện độc đáo; kết cấu linh hoạt, có hồi tưởng.

- Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.

- Điểm nhìn, lời kể, giọng điệu tự nhiên, giàu giá trị hiện thực và nhân văn.

5. Quan điểm, tư tưởng của nhà văn

Phân tích những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật (thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu) Nhóm 5: Quan điểm, tư tưởng của nhà văn - Giữa nhan đề <i>Vợ nhặt</i> và nội dung câu chuyện có mối quan hệ với nhau như thế nào? - Hãy nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm. * Yêu cầu số và phân công công việc: Tất cả các thành viên trong nhóm đều phải tham gia vào quá trình thảo luận để giải quyết hệ thống câu hỏi chuyên môn. + Các thành viên cùng ghi ý kiến thống nhất lên bảng phụ/giấy nhớ. + Cả nhóm cùng tham gia xây dựng kịch bản đối thoại ngắn (gồm 1 câu hỏi dự kiến của MC và 1 câu trả lời của nhóm) để tiếp sức cho bạn đại diện nhóm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS các nhóm tiến hành thảo luận trực tiếp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Cử đại diện nhóm trình bày (hoặc gv có thể chỉ định trình bày) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức: - Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động, khen ngợi tinh thần hợp tác nhóm và khả năng ứng dụng công nghệ hiệu quả của học sinh.	- Nhan đề: gợi tình huống éo le, phản ánh thân phận rẻ rúng của con người và khát vọng hạnh phúc. - Chủ đề: phản ánh số phận người nông dân trong nạn đói 1945; khẳng định tình người, khát vọng sống và niềm tin vào tương lai. - Giá trị tư tưởng: + Hiện thực: tố cáo tội ác của phát xít, thực dân; phản ánh thảm cảnh nạn đói. + Nhân đạo: trân trọng phẩm chất, khát vọng sống, tình yêu thương và niềm tin vào Cách mạng.
---	---

2.4: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu:

- Học sinh khái quát hóa được các giá trị về nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa nhân văn sâu sắc của văn bản.
- Học sinh truy cập vào hệ thống (Quizizz/Kahoot) thông qua mã QR/đường link để thực hiện trò chơi trắc nghiệm tổng kết.
- + Học sinh áp dụng cách tạo lập và chỉnh sửa nội dung số cơ bản (sử dụng thiết bị số chụp ảnh sản phẩm, sơ đồ tư duy) để hệ thống hóa kiến thức bài học một cách trực quan.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Học sinh thực hiện sơ đồ tư duy tổng kết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hs dùng bảng phụ hoặc giấy A0 để vẽ sơ đồ tư duy Bước 3: Báo cáo, thảo luận Giáo viên chiếu 2-3 hình ảnh sơ đồ tư duy của học sinh đã làm lên màn hình, tổ chức cho cả lớp nhận xét chéo về tính logic và thẩm mỹ. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chiếu trực tiếp 2 file ảnh sơ đồ tư duy đó lên tivi lớp học để cả lớp cùng quan sát, nhận xét chéo về nội dung và nghệ thuật. GV chốt kiến thức bằng slide. *Tích hợp giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống: <i>"Đúng như các em vừa phát hiện. Họ dù là ai, ở vị trí nào (người chồng, người vợ, hay người mẹ), họ đều gặp nhau ở một giao điểm: Lấy tình yêu thương làm đạo đức lối sống, và lấy niềm tin vào tương lai, vào cách mạng làm lý tưởng dẫn đường..."</i>	V. Khái quát giá trị tác phẩm 1. Nội dung - Khẳng định sức sống, khát vọng hạnh phúc và niềm tin vào tương lai của người lao động nghèo trong nạn đói 1945. - Ca ngợi tình người, tình thương và giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm. 2. Nghệ thuật - Tình huống truyện độc đáo, giàu ý nghĩa. - Kết cấu tự nhiên, nghệ thuật trần thuật hấp dẫn. - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. - Xây dựng nhân vật, đối thoại và không khí truyện đặc sắc. - Ngôn ngữ mộc mạc, giàu sức gợi, đậm chất đời sống nông thôn Bắc Bộ. 3. Giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống - Bồi dưỡng lòng nhân ái, tinh thần sẻ chia, trách nhiệm với gia đình và cộng đồng. - Củng cố niềm tin vào tương lai, khơi dậy ý thức cống hiến cho đất nước.

PHỤ LỤC: BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TỔNG KẾT (Rung chuông Vàng)

Nhóm 1: Tổng kết Giá trị Nội dung

Bộ 1: Câu hỏi: Giá trị nhân đạo sâu sắc nhất mà Kim Lân thể hiện qua "Vợ nhặt" là gì?

- Phản ánh nỗi đau khổ, tủ nhục của người dân nghèo trong nạn đói năm 1945.
- Tố cáo tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã đẩy người dân vào bước đường cùng.
- Khẳng định khát vọng sống, niềm tin bất diệt vào hạnh phúc và tình người ấm áp ngay trên bờ vực cái chết.
- Phê phán sự ích kỷ của những người dân trong xóm ngụ cư trước số phận người khác.

(Đáp án đúng: C)

Bộ 2:

Câu hỏi: Qua diễn biến câu chuyện và số phận các nhân vật, "Vợ nhặt" đã khái quát hiện thực xã hội Việt Nam thời điểm trước Cách mạng tháng Tám như thế nào?

- A. Phản ánh sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế nhưng con người vẫn được đảm bảo quyền tự do sinh sống.
- B. Phê phán sự trì trệ của các hủ tục lạc hậu đã ngăn cản hạnh phúc lứa đôi của người nông dân.
- C. Vạch trần sự thật tàn khốc về nạn đói khủng khiếp, cùng với đó là sự tố cáo tội ác của kẻ thù đã đẩy người nông dân vào cảnh đường cùng, chết chóc.
- D. Khẳng định rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người nông dân cũng có thể tự vươn lên thoát khỏi sự nghèo khó bằng sức lao động của chính mình.

(Đáp án đúng: C)

Nhóm 2: Tổng kết Giá trị Nghệ thuật

Bộ 1: *Câu hỏi: Điểm đặc sắc nhất trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện của "Vợ nhặt" là gì?*

- A. Tình huống truyện mang tính ngẫu nhiên, không gây bất ngờ cho người đọc.
- B. Tình huống "nhặt vợ" vừa éo le, bi hài, vừa cảm động, vừa thúc đẩy diễn biến tâm lý nhân vật.
- C. Tình huống truyện dựa trên những sự kiện lịch sử có thật nhưng thiếu sự sáng tạo hư cấu.
- D. Tình huống truyện tập trung chủ yếu vào việc mô tả cảnh đói khát rợn người của làng quê.

(Đáp án đúng: B)

Bộ 2: *Câu hỏi: Ngôn ngữ kể chuyện của Kim Lân trong tác phẩm có đặc điểm gì nổi bật?*

- A. Sử dụng ngôn ngữ bác học, cầu kỳ, xa lạ với đời sống người nông dân.
- B. Ngôn ngữ trang trọng, thường được dùng trong các văn bản nghị luận.
- C. Giản dị, đời thường nhưng chặt chẽ, giàu sức gợi và đậm chất Bắc Bộ.
- D. Ngôn ngữ mang tính ước lệ, tượng trưng, thoát ly hoàn toàn khỏi đời sống thực tế. *(Đáp án đúng: C)*

Nhóm 3: Tích hợp Giáo dục Đạo đức, Lối sống (01 bộ)

Bộ 1: *Câu hỏi: Hành động "nhặt vợ" của Tràng và sự đón nhận của bà cụ Tứ gợi cho em bài học gì về trách nhiệm đối với cuộc sống?*

- A. Chỉ nên quan tâm đến bản thân mình trong những hoàn cảnh khó khăn.
- B. Cần phải có tinh thần sẻ chia, biết yêu thương, đùm bọc và nuôi dưỡng niềm hy vọng ngay trong nghịch cảnh.
- C. Phải biết tiết kiệm, không được đón nhận người lạ vào gia đình khi đói kém.
- D. Chỉ nên sống cho hiện tại, không cần bận tâm đến tương lai hay những người xung quanh.

(Đáp án đúng: B)

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để thực hiện bài tập viết ngắn.

- Học sinh hình thành tư duy phản biện và tạo lập văn bản

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Hs trình bày đoạn văn hoặc gv gọi 1 vài hs đem sản phẩm lên gv chấm và chỉnh sửa.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV trình chiếu Đoạn văn tham khảo chuẩn để học sinh học tập cách viết có chiều sâu.

BẢNG RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN (150 CHỮ)

(Dùng cho học sinh đối chiếu, đánh giá sản phẩm của AI và bài làm của cá nhân/bạn học)

Tiêu chí	CHƯA ĐẠT	ĐẠT	XUẤT SẮC	Điểm tối đa
Hình thức & Dung lượng	- Viết thành nhiều đoạn văn hoặc sai kiểu đoạn. - Quá dài hoặc quá ngắn	- Đảm bảo đúng cấu trúc 01 đoạn văn duy nhất. - Dung lượng khoảng 150 chữ	- Đúng cấu trúc đoạn văn, dung lượng chuẩn chỉnh. - Có sự mạch lạc cao, các câu liên kết chặt chẽ, tự nhiên.	1.0 điểm
Nội dung & Minh chứng Văn học	- Chưa gọi tên được thông điệp ý nghĩa. - Bài viết chung chung, sáo rỗng,	- Nêu rõ ràng một thông điệp ý nghĩa từ truyện <i>Vợ nhặt</i>. - Phân tích ngắn gọn, hợp lý; có đưa ra được chi tiết tiêu biểu từ tác phẩm	- Gọi tên thông điệp sắc sảo, có chiều sâu tư tưởng. - Bằng chứng văn học chọn lọc đắt giá; phân tích thấu đáo, gắn kết chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	6.0 điểm
Chính tả, Ngữ pháp & Văn phong	- Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ sai nghĩa hoặc lỗi diễn đạt. - Văn phong ngô nghê hoặc quá rập khuôn, máy móc.	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Diễn đạt trôi chảy	- Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. - Cách dùng từ phong phú, giàu sức gợi cảm, văn phong uyển chuyển, lôi cuốn.	1.5 điểm
Tư duy Sáng tạo & Góc nhìn mới	- Sao chép văn mẫu hoặc chép nguyên văn sản phẩm của AI mà không có sự chọn lọc, biến đổi.	- Thể hiện được suy nghĩ riêng, bộc lộ sự đồng cảm chân thành với số phận nhân vật.	- Có phát hiện hoặc góc nhìn mới mẻ, sâu sắc về giá trị nhân đạo. - Biết kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt để tăng sức thuyết phục.	1.5 điểm
TỔNG ĐIỂM				10 ĐIỂM

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Ngay bên vực thẳm của cái chết, ngay trên cái nền bi thảm của nạn đói năm 1945, con người vẫn giữ được lòng tin yêu, vẫn biết khát khao hạnh phúc, vẫn mong ước hướng tới tương lai. Tất cả những đói nghèo, những chết chóc, bi thương bỗng chốc nhòa mờ. Chỉ còn lại tình người sáng lên lấp lánh. Có lẽ, chính tình người đã trở thành thứ sức mạnh diệu kì nhất cứu con người ta thoát khỏi mọi khổ đau, thoát khỏi cùng đường, tuyệt lộ. Chính tình người đã khiến một người đàn ông túng đói thành trượng nghĩa, khiến một người đàn bà rách nát tìm được chỗ tựa nương, khiến người mẹ nghèo càng thêm thương con trai mình và càng thêm đồng cảm với người con dâu là “Vợ nhặt”. Trong không khí ảm đạm, chính tình người đã thấp lên hi vọng về sự sống mà còn là sự sống tươi đẹp gắn liền với gia đình ấm êm, hạnh phúc,...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng kĩ năng đọc truyện để đọc mở rộng các văn bản truyện khác, tích lũy được vốn sống và trải nghiệm cho bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện các bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 4 và đoạn văn bày tỏ quan điểm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Có thể xem truyện ngắn *Vợ nhặt* là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Nêu và phân tích quan điểm của bạn về điều này.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tác phẩm	Truyện cổ tích	Vợ nhặt
Hoàn cảnh của các nhân vật		
Con đường đến với hạnh phúc		
Kết thúc		
Quan điểm cá nhân		

Nhiệm vụ 2: Tìm đọc thêm các tác phẩm truyện ngắn của Kim Lân, các tác phẩm truyện ngắn về nạn đói 1945

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thể hiện quan điểm cá nhân bằng việc hoàn thành phiếu học tập số 4, tìm đọc thêm các tác phẩm (Phân chia công việc theo nhóm nhỏ)

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ quan điểm cá nhân nhiệm vụ 1 (tại lớp nếu còn thời gian)
- HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và chia sẻ, trao đổi (sau 1 tuần)

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích.

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo thực hiện nhiệm vụ 1

Không cần đến phép nhiệm màu, con người với trái tim yêu thương và niềm khao khát hạnh phúc đã có thể vượt tới một kết thúc có hậu ngay trong chính hoàn cảnh khốn cùng. Đó chính là sắc màu cổ tích tuyệt đẹp trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân. Kim Lân đã không tặng cho nhân vật của mình một cuộc sống màu hồng như người xưa đã tặng cho Lọ Lem, Bạch Tuyết,... Nhân vật trong truyện được đặt vào giữa cái đói, cái chết. Đến khi kết thúc truyện, sự ám nọ vẫn chưa tìm đến nhưng họ đã tìm thấy nhau, tìm thấy hạnh phúc, thấy gia đình, thấy tình người. Và đặc biệt, người đọc đến trang cuối vẫn không tìm thấy hũ vàng, không tìm thấy vương miện mà lại cảm nhận được tinh thần lạc quan, ý chí đấu tranh, và niềm tin vào tương lai tươi sáng đang lan tỏa và thôi thúc...

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. CÙNG CỐ VÀ SÁNG TẠO

*NHÓM 1: THIẾT KẾ POSTER ĐỒ HỌA CỐT TRUYỆN

- **Nhiệm vụ:** Tóm tắt toàn bộ cốt truyện và các đơn vị kiến thức cốt lõi của tác phẩm *Vợ nhặt* dưới dạng một Poster đồ họa/Sơ đồ tư duy số.

- **Cách thức thực hiện:**

+ Học sinh sử dụng các phần mềm, ứng dụng thiết kế đồ họa phổ thông và miễn phí trên điện thoại hoặc máy tính (như Canva, PowerPoint).

+ Sản phẩm yêu cầu phải phối hợp hài hòa giữa kênh chữ (tóm tắt ngắn gọn, logic các chặng chuyển biến của mạch truyện: *trước khi nhặt vợ, trên đường về, về đến nhà, buổi sáng hôm sau, bữa cơm ngày đói*) và kênh hình (màu sắc, hình ảnh minh họa phù hợp với bối cảnh tác phẩm).

* NHÓM 2: GIAI ĐIỀU NHÂN VẬT VỚI SUNO AI

- **Nhiệm vụ:** Sáng tác một bài hát về một nhân vật mà em yêu thích nhất trong tác phẩm (*Tràng, người vợ nhặt, hoặc bà cụ Tứ*).

- **Yêu cầu nội dung:** Lời bài hát (Lyrics) do nhóm tự viết (hoặc sử dụng công cụ Chat/Gemini hỗ trợ gieo vần, mượn mà câu chữ) phải làm bật lên được:

1. Lý do yêu thích nhân vật (gắn với các chi tiết tiêu biểu).
2. Tình cảm, sự thấu cảm của bản thân dành cho số phận của nhân vật.
3. Ý tưởng cuộc sống, thông điệp ý nghĩa gọi ra từ nhân vật đó.

- **Cách thức thực hiện:**

+ **Bước 1:** Cả nhóm thảo luận để hoàn thiện phần lời văn học (dạng thơ 4 chữ, 5 chữ hoặc lời tự do để máy dễ bắt nhịp).

+ **Bước 2:** Copy phần lời thả vào công cụ **Suno AI**, chủ động **tùy chọn phong cách nhạc (Style) phù hợp với đặc điểm và tâm lý của nhân vật** để AI xuất bản bài hát.

Gợi ý: Nhân vật **Bà cụ Tứ** nên chọn phong cách Dân ca đương đại (Vietnamese Contemporary Folk), Trữ tình hoặc Pop Ballad chậm để diễn tả sự nghẹn ngào, xót thương; nhân vật **Tràng** có thể chọn phong cách Rap hoặc Pop-Rock vui tươi, mộc mạc; nhân vật **Người vợ nhặt** có thể chọn R&B hoặc Acoustic để thể hiện sự biến chuyển tâm lý.

2. NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ BÀI MỚI (Bắt buộc cho tất cả HS)

- Chuẩn bị bài: **Văn bản 2. Chí Phèo (Trích) – Nam Cao** (Tìm hiểu phần tác giả, tác phẩm và trả lời trước các câu hỏi trong SGK).

- Khuyến khích học sinh thử đặt câu hỏi cho Trí tuệ nhân tạo (Gemini/ChatGPT) để tham khảo trước thông tin bằng câu lệnh: *"Tóm tắt ngắn gọn phong cách nghệ thuật của nhà văn Nam Cao trong 3 dòng"*. Ghi lại câu trả lời vào vở soạn và nhận xét xem ý của AI giống hay khác với nội dung sách giáo khoa để hôm sau thảo luận.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động khởi động	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và thuyết trình trước lớp.	1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Sử dụng được máy tính, điện thoại để truy cập Internet chủ động tra cứu video, tư liệu về Nạn đói năm 1945 và hoàn cảnh ra đời truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> .
2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Học sinh biết cách thẩm định độ tin cậy và tính xác thực của các nguồn dữ liệu văn học tra cứu được trên môi trường số.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 4, 5, 6

VĂN BẢN 2: **CHÍ PHEO** (Trích)

- Nam Cao-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ văn bản.

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

c. Năng lực số

- **1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số:** Sử dụng được máy tính, điện thoại truy cập Internet để chủ động tra cứu video, tư liệu về tác giả Nam Cao, đời sống người nông dân Việt Nam thời kỳ ngột ngạt trước Cách mạng tháng Tám 1945 và hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn *Chí Phèo* (tập *Luống cày*)...

- **1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống (các bài nghiên cứu của Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh, Phong Lê,...) về tác phẩm *Chí Phèo* trên môi trường số.

2. Phẩm chất

- Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,...
- Tích hợp giáo dục (Tích hợp giáo dục lí tưởng, đạo đức, lối sống):
- + Nuôi dưỡng lòng nhân ái, sự thấu cảm sâu sắc trước nỗi đau và bi kịch của những con người yếu thế trong xã hội; có thái độ bao dung, tử tế và không định kiến khi đánh giá con người trong đời sống hiện đại.
- + Rút ra bài học đạo đức về việc giữ gìn bản lĩnh, ý thức bảo vệ phẩm giá và "thiên lương" của bản thân trước các cám dỗ vật chất, bạo lực ngoài đời thực lẫn trên không gian mạng.
- + Xác định rõ ý thức trách nhiệm và lí tưởng cách mạng của thế hệ trẻ: Hiểu được cái giá của tự do độc lập thời bình thông qua bức tranh bế tắc của xã hội cũ; biến nhận thức lịch sử thành động lực cống hiến tri thức cho đất nước.
- + Giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GD truyền thống nhân đạo, tình yêu thương con người, sống có bản lĩnh để không bị cám dỗ, tha hóa...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- **Thiết bị kỹ thuật số:** Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.
- **Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm:** Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).
- **Thiết bị truyền thống:** Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ.

2. Học liệu dạy học:

- Mã QR dẫn link bài giảng điện tử (PowerPoint/Canva), video trích đoạn phim điện ảnh "*Làng Vũ Đại ngày ấy*" phục vụ phân tích hình tượng Chí Phèo và Thị Nở.
- + Học liệu in ấn: Sách giáo khoa Ngữ văn, văn bản truyện ngắn *Chí Phèo* (bản đầy đủ), Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.
- + Công cụ đánh giá: Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.
- Tư liệu tham khảo văn học: Sách "*Nam Cao - Về tác gia và tác phẩm*" (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lí tưởng sống cho học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

Huy động được tri thức nền, kinh nghiệm và vốn sống của học sinh về đề tài người nông dân trước Cách mạng và khái niệm "định kiến xã hội", từ đó kích thích sự tò mò, hứng thú đối với thế giới nhân vật của Nam Cao.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi “**Truy tìm bí mật**”

c. Sản phẩm: Biểu đồ đám mây từ khóa (Word Cloud) hoặc các thẻ ý kiến được hiển thị trực tuyến trên màn hình lớp học (Padlet/Mentimeter) chứa câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV trình chiếu hình ảnh 3 nhân vật trong truyện ngắn Nam Cao: **Lộ** (*Tư cách mõ*), **Lang Rận**, **Chí Phèo**. - GV giao nhiệm vụ: "Hãy tìm từ khóa chỉ ra nguyên nhân bi kịch của các nhân vật trên."



- GV đặt câu hỏi: Hãy tìm từ khóa chỉ ra nguyên nhân bi kịch của các nhân vật trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời
- GV quan sát, khích lệ những câu trả lời có tính phát hiện độc đáo.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Mời 1 - 2 HS đại diện giải thích nhanh vì sao mình lại chọn từ khóa đó (Ví dụ: từ khóa *Đói nghèo*, *Miếng ăn*, *Định kiến*, *Hoàn cảnh*, *Xã hội*...).

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét, tổng hợp các từ khóa của HS. Nhấn mạnh vào hai từ khóa xuất hiện nhiều nhất: "**Hoàn cảnh**" và "**Định kiến**".

- GV kết nối và đặt câu hỏi chiều sâu (theo SGK):

+ *Thế nào là định kiến xã hội? Các định kiến xã hội có thể ảnh hưởng đến cá nhân và cộng đồng như thế nào?*

+ *Trong thực tế, "Chí Phèo" đã trở thành một kiểu tính cách, lối sống. Đó là kiểu tính cách, lối sống nào?*

Dự kiến trả lời:

- Định kiến xã hội là những suy nghĩ áp đặt theo một quy chuẩn (thường là theo tiêu chuẩn của xã hội cũ) lên hành vi, lối sống của người khác thường là tiêu cực. Các định kiến xã hội có thể đem đến ảnh hưởng rất lớn đến cá nhân, cộng đồng. Những người xung quanh họ sẽ sợ bị phán xét, bị trở thành tâm điểm của các cuộc trò chuyện vì vậy họ không dám là chính mình, theo đuổi đam mê của chính mình. Hay đối với cộng đồng luôn mang trong mình những định kiến sẽ kìm hãm sự phát triển, phá cách của con người và từ đó, kìm hãm cả sự phát triển của toàn xã hội.

- "Chí Phèo" thường chỉ cách cư xử của những kẻ hay nghiện rượu, say xỉn, không chịu khó làm ăn, bòn rút tiền của vợ con, không tử tế, thích đánh lộn, không chịu làm ăn và gây đau khổ cho người khác.

➔ Vào bài:

Các em thân mến, qua phần tương tác công nghệ vừa rồi, chúng ta thấy từ khóa 'Định kiến' và 'Hoàn cảnh' hiện lên rất nổi bật. Nam Cao từng viết: 'Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu?'. Xã hội cũ với những định kiến tàn

nhân và hoàn cảnh nghiệt ngã đã bóp nghẹt quyền làm người của những con người lương thiện, biến họ thành 'Tư cách mõ', thành 'Lang Rận' và đau đớn nhất là biến một anh canh điền hiền như đất thành 'quỷ dữ làng Vũ Đại' – Chí Phèo.

Vậy điều gì đã làm nên tầm vóc vĩ đại của kiệt tác này? Liệu sức mạnh nào có thể phá vỡ được vòng vây của định kiến xã hội để cứu rỗi thiên lương con người? Chúng ta sẽ cùng ứng dụng tri thức văn học và cả các công cụ số để đi sâu giải mã thế giới tâm tối nhưng lóe sáng tình người của 'Chí Phèo' trong bài học hôm nay."

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Nêu được các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng của Nam Cao; bối cảnh, nhan đề và cốt truyện của *Chí Phèo*.

- Phát triển Năng lực số:

+ Học sinh rèn luyện năng lực đánh giá, chọn lọc tư liệu chính thống trên không gian mạng, đảm bảo độ tin cậy trước khi đưa vào bài học.

+ Học sinh thực hiện đúng các quy tắc trích dẫn nguồn khi sử dụng tư liệu từ Internet để đảm bảo tính minh bạch và tôn trọng bản quyền.

+ Học sinh thành thạo kỹ năng sáng tạo nội dung số thông qua các công cụ như Canva hoặc PowerPoint để thiết kế bài thuyết trình trực quan, sinh động.

- **Tích hợp Phẩm chất (Lí tưởng sống):** Học sinh bước đầu cảm nhận được chiều sâu tư tưởng của Nam Cao – nhà văn luôn đau đáu về việc giữ gìn thiên lương và nhân phẩm con người, từ đó định hình lối sống có hoài bão, bản lĩnh.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình, phản biện và chốt kiến thức chung về tác giả Nam Cao, tác phẩm *Chí Phèo* dựa trên sản phẩm số đã chuẩn bị trước.

c. Sản phẩm:

- Sản phẩm số của các nhóm (Slide PowerPoint/Canva, Infographic tổng hợp kiến thức hoặc Sơ đồ tư duy).

- Phiếu học tập cá nhân (KWL hoặc hệ thống câu hỏi tóm tắt) ghi chép lại kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia 04 nhóm - Phát triển NLS: 1.1NCb - Sử dụng được máy tính, điện thoại truy cập Internet để chủ động tra cứu video, tư liệu về tác giả Nam Cao, đời sống người nông dân Việt Nam thời kỳ ngột ngạt trước Cách mạng tháng Tám 1945 và hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> (tập <i>Luống cày</i>)...	I. Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả Nam Cao a. Sự nghiệp văn học - Đề tài sáng tác + Đời sống cơ cực của người nông dân. + Các bi kịch của tầng lớp trí thức nghèo ở thành thị. - Tác phẩm tiêu biểu

*Nhóm 1 Tìm hiểu tiểu sử, quan điểm nghệ thuật, các đề tài chính (Nông dân, Trí thức nghèo) và vị trí của Nam Cao. *Nhóm 2 Phân tích các đặc trưng phong cách (tâm lí nhân vật, đa điểm nhìn, ngôn ngữ sinh động). *Nhóm 3 Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác (1941) và ý nghĩa của 3 lần đổi tên truyện (<i>Cái lò gạch cũ</i>, <i>Đôi lứa xứng đôi</i>, <i>Chí Phèo</i>). *Nhóm 4 Tóm tắt cốt truyện <i>Chí Phèo</i> theo dòng thời gian và các chặng đường biến đổi của nhân vật Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + Đại diện lần lượt các nhóm 1, 2, 3, 4 có 3 phút để thuyết minh, giới thiệu về kiến thức của nhóm mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Câu hỏi cho Nhóm 4: "Nhìn vào sơ đồ tóm tắt cốt truyện của nhóm bạn, theo bạn đâu là bước ngoặt quan trọng nhất khiến Chí Phèo từ một con quỷ muốn trở lại làm người?" Đại diện Nhóm 4 trả lời: Đó là chi tiết bát cháo hành của Thị Nở và buổi sáng thức tỉnh tiếng chim hót sau đêm gặp Thị. Bước 4: Đánh giá, kết luận Chuẩn hóa kiến thức: GV chiếu slide sơ đồ tổng kết kiến thức về Sự nghiệp, Phong cách và Vị trí của Nam Cao (như phần nội dung ở câu trả lời trước) để HS chốt ý ghi bài.	“Chí Phèo”, “Giăng sáng”, “Lão Hạc”, “Đời thừa”, “Truyện người hàng xóm” “Sống mòn”, “Đôi mắt”, “Ở rừng”, ... b. Phong cách nghệ thuật - Chú trọng diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật, xây dựng các tính cách phức tạp, thực hiện nhiều đột phá trong nghệ thuật tự sự với lối trần thuật phối hợp nhiều điểm nhìn, giọng điệu; - Cách kết cấu linh hoạt; - Cách sử dụng ngôn ngữ sinh động, vừa gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp đời thường, vừa giàu suy tưởng. c. Vị trí và tầm ảnh hưởng - Nam Cao khẳng định vị trí trong lịch sử văn học bằng thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. - Là nhà văn lớn, một cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại. - Là nhà văn hiện thực nhân đạo xuất sắc của thế kỉ XX. 2. Tác phẩm Chí Phèo a. Đọc văn bản b. Tìm hiểu chú thích c. Nhan đề - Lúc đầu, Nam Cao đặt tên truyện là <i>Cái lò gạch cũ</i>. - Nhà xuất bản Đời mới năm 1941, đổi thành <i>Đôi lứa xứng đôi</i>. - Năm 1945 trong tập <i>Luống cày</i> do Hội Văn hóa cứu quốc xuất bản, tác giả đặt tên mới là <i>Chí Phèo</i>. =>Ý nghĩa nhan đề: d. Tóm tắt cốt truyện
--	---

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đối giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...
- Về năng lực số (NLS) tích hợp vào hoạt động:

1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống (các bài nghiên cứu của Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh, Phong Lê,...) về tác phẩm *Chí Phèo* trên môi trường số.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản *Nhiệm vụ 2.1: Tìm hiểu mạch truyện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu lên màn hình Tivi/Máy chiếu một sơ đồ mạch truyện cuộc đời Chí Phèo nhưng các mảnh ghép sự kiện đang bị xáo trộn vị trí (hoặc bị khuyết một vài từ khóa quan trọng ở các chặng: trước đi tù, sau đi tù, gặp Thị Nở, cái chết). - GV giao nhiệm vụ: <i>sắp xếp lại các sự kiện theo đúng mạch tự sự của tác phẩm.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận và sắp xếp (mất đúng 1 - 2 phút).	II. Khám phá văn bản 1. Mạch truyện - <i>Chí Phèo vừa đi vừa chửi.</i> - <i>Quá khứ là trẻ mồ côi, làm canh điền cho Bá Kiến, bị ghen và đẩy vào tù.</i> - <i>Trở về với nhân hình nhân tính bị hủy hoại, bị Bá Kiến tiếp tục biến thành tay sai.</i> - <i>Gặp Thị Nở, thức tỉnh, muốn quay lại cuộc sống lương thiện nhưng bị từ chối.</i> - <i>Tuyệt vọng, đâm chết Bá Kiến và tự sát. Hình ảnh "cái lò gạch cũ" lặp lại.</i>

GV quan sát ghi nhận nhóm nào hoàn thành nhanh nhất. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện nhóm đó đứng tại chỗ đọc lại mạch truyện theo đúng trật tự đã sắp xếp. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá phần trình bày của HS, chốt kiến thức. *Nhiệm vụ 2.2: Tìm hiểu đề tài – chủ đề Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tranh biện cặp đôi tìm hiểu đề tài, chủ đề của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tranh biện cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu các cặp đôi trình bày, các cặp khác đóng góp ý kiến, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá phần trình bày của HS *Nhiệm vụ 2.3: Tìm hiểu không gian, thời gian. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu lên màn hình Tivi/Máy chiếu sơ đồ đồ họa khuyết từ khóa về trục Thời gian đa chiều và Không gian nghệ thuật trong truyện <i>Chí Phèo</i>. - Các trục chính tương ứng với tên gọi các chặng thời gian và không gian được ẩn đi bằng các ký hiệu \$[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]\$. Giáo viên giữ lại phần nội dung dấu hiệu văn bản trong ngoặc đơn để làm gợi ý cho học sinh. - GV giao nhiệm vụ: <i>Các thành viên thảo luận nhanh trong 2 phút, dựa vào các dấu hiệu văn bản gợi ý để thao tác chọn và điền các từ khóa chính xác vào các ô trống tương ứng trên sơ đồ.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh các nhóm tập trung quan sát, đọc quét các dấu hiệu văn bản trên màn hình thiết	2. Đề tài – chủ đề - Khái quát một hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước năm 1945: một bộ phận nông dân lao động lương thiện bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa. 3. Không gian, thời gian a. Thời gian: Thời gian nghệ thuật (Thời gian tâm lý): + <i>Thời gian đa chiều:</i> . Hiện tại (<i>Dấu hiệu: Tiếng chửi của Chí Phèo ở đầu tác phẩm, sự cô độc và bất mãn hiện tại.</i>)
--	---

bị và tiến hành chọn các mảnh ghép từ khóa để hoàn thiện sơ đồ hệ thống. - <i>Giao diện tương tác trên thiết bị của học sinh bao gồm:</i> * Phần 1: Trục Thời gian đa chiều: + [...1...](Dấu hiệu: Tiếng chửi của Chí Phèo ở đầu tác phẩm, sự cô độc và bất mãn hiện tại). + [...2...](Dấu hiệu: Nguồn gốc của Chí Phèo, đứa trẻ trần truồng xám ngắt bỏ rơi bên chiếc lò gạch cũ). + [...3...](Dấu hiệu: Anh canh điền 20 tuổi lương thiện làm việc cho nhà Lí Kiến -> bị ghen -> đi tù thực dân). + [...4...](Dấu hiệu: Chí Phèo trở về làng Vũ Đại với nhân hình quỷ dữ, làm tay sai ăn vạ -> bước ngoặt gặp Thị Nở và khao khát hoàn lương). + [...5...](Dấu hiệu: Đoạn kết tác phẩm, Chí Phèo tự sát, trong óc Thị Nở thoáng hiện ra hình ảnh chiếc lò gạch cũ bỏ không). + <i>Ngân hàng từ khóa chọn lựa:</i> Hiện tại / Quá khứ xa / Quá khứ gần / Hiện tại / Quá khứ luân hồi. *Phần 2: Hệ thống Không gian nghệ thuật: [...6...] Không gian tù đọng, ngột ngạt, hình ảnh thu nhỏ của xã hội nông thôn phong kiến cũ. [...7...]: Không gian của tình thương và sự thức tỉnh thiên lương. +<i>Ngân hàng từ khóa chọn lựa:</i> Làng Vũ Đại / Túp lều ven sông và Đêm trăng. - GV quan sát học sinh thảo luận Bước 3: Báo cáo, thảo luận - <i>GV đặt câu hỏi:</i> "Nhìn vào sơ đồ số, các em thấy chặng cuối cùng của trục thời gian quay ngược về Quá khứ luân hồi bằng hình ảnh cái lò gạch cũ hiện ra khi Chí Phèo vừa chết. Theo nội dung văn bản, việc hiện tại và quá khứ soi sáng cho nhau như vậy có ý nghĩa nghệ thuật gì?"	->Quá khứ xa (Dấu hiệu: Nguồn gốc của Chí Phèo, đứa trẻ trần truồng xám ngắt bỏ rơi bên chiếc lò gạch cũ). ->Quá khứ gần (Dấu hiệu: Anh canh điền 20 tuổi lương thiện làm việc cho nhà Lí Kiến -> bị ghen -> đi tù thực dân). ->Hiện tại (Dấu hiệu: Chí Phèo trở về làng Vũ Đại với nhân hình quỷ dữ, làm tay sai ăn vạ -> bước ngoặt gặp Thị Nở và khao khát hoàn lương). ->Quá khứ luân hồi (Dấu hiệu: Đoạn kết tác phẩm, Chí Phèo tự sát, trong óc Thị Nở thoáng hiện ra hình ảnh chiếc lò gạch cũ bỏ không). Ý nghĩa nghệ thuật: Hiện tại và quá khứ soi sáng cho nhau, tạo nên sự cộng hưởng về cảm xúc và tạo ấn tượng phỏng đoán về một tương lai tiếp tục bế tắc (vòng lặp luân hồi) nếu xã hội cũ không thay đổi. b. Không gian nghệ thuật trong truyện “Chí Phèo” – Nam Cao: - Làng Vũ Đại: không gian tù đọng, ngột ngạt, hình ảnh thu nhỏ của xã hội nông thôn phong kiến cũ - Túp lều ven sông và Đêm trăng: không gian của tình thương và sự thức tỉnh thiên lương. c. Sự kết hợp giữa không gian và thời gian nghệ thuật trong “Chí Phèo”: Không gian và thời gian nghệ thuật trong truyện “Chí Phèo” nhiều khi lẫn vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau thành không gian - thời gian tâm lí của nhân vật.
--	--

- Học sinh suy ngẫm, phát biểu trực tiếp tại lớp: Chỉ ra ý nghĩa tạo nên sự cộng hưởng về cảm xúc và tạo ấn tượng phỏng đoán về một tương lai tiếp tục bế tắc (vòng lặp luân hồi) nếu xã hội cũ không thay đổi.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV đánh giá, ghi điểm thi đua cho các nhóm

- **Chuẩn hóa kiến thức (Học sinh ghi bài):**

GV giữ nguyên sơ đồ chuẩn hóa trên màn hình để học sinh chốt ý vào vở:

***Nhiệm vụ 2.4: Tìm hiểu lời kể, ngôi kể và điểm nhìn**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phát vấn

Các em có 3 phút thảo luận tại chỗ: phân tích Điểm nhìn nghệ thuật trong truyện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thảo luận nhanh và trả lời.

Nhóm 1 (Đoạn mở đầu - Tiếng chửi):

1. Điểm nhìn dịch chuyển từ ai sang ai? ->

(Người kể chuyện -> Chí Phèo)

2. Hình thức lời văn ở đây là gì? (Lời nửa trực tiếp / Độc thoại nội tâm)

3. Ý nghĩa: Soi chiếu mảng tâm trạng gì của Chí? -> (Sâu kín, cô độc, bất mãn)

Nhóm 2 (Đoạn gây sự ở nhà Bá Kiến):

1. Điểm nhìn của người kể chuyện đan xen với ai? -> (Người dân làng Vũ Đại)

2. Người xung quanh làm gì khi Chí Phèo đến ăn vạ? -> (Bàn tán, xì xèo, suy luận)

Nhóm 3 (Đoạn đón nhận bát cháo hành):

1. Tác giả đặt điểm nhìn ở vai trò là người như thế nào? -> (Chứng kiến, thấu suốt tâm lý)

2. Thái độ của người kể đối với ước muốn của Chí và Thị? -> (Tôn trọng, đồng cảm)

3. Giọng điệu trần thuật ở đoạn này ra sao? -> (Gần gũi, dễ hiểu)

Nhóm 4 (Đoạn kết thúc tác phẩm):

1. Khi Chí chết, tác giả hòa vào giọng điệu của ai? -> (Dân làng Vũ Đại)

2. Tác giả có đưa ra lời bình luận trực tiếp nào không? -> (Không) 3. Mục đích là để tạo ra góc nhìn như thế nào? -> (Đa chiều, khách quan) Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận Chuẩn hóa kiến thức: GV giữ nguyên nội dung cô gọn trên màn hình để học sinh ghi nhớ các ý cốt lõi vào vở: *Nhiệm vụ 2.5: Tìm hiểu nhân vật Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh các nhóm thảo luận - Nhóm 1 (Làng Vũ Đại & Bà cô): + Dân làng e sợ Chí Phèo vì ngoại hình và hành động gì? -> (Hình xăm rồng phượng / Chửi bới, ăn vạ) + Bà cô Thị Nở đại diện cho điều gì và lý do từ chối Chí? -> (Định kiến xã hội / Thằng không cha mẹ, rạch mặt) - Nhóm 2 (Bá Kiến & Thủ đoạn): + Bá Kiến đã thay đổi những giọng điệu nào với Chí? -> (Giọng nhỏ nhẹ -> Thân mật -> Quát con hại Chí) + Mục đích tối cao của những hành động đó là gì? -> (Dụ dỗ, biến Chí thành tay sai) - Nhóm 3 (Thị Nở & Bát cháo hành): + Hành động thể hiện lòng trắc ẩn của Thị Nở là gì? -> (Nấu cháo hành chăm sóc Chí) + Hình ảnh cái lò gạch cũ ở cuối truyện gợi lên quy luật gì? -> (Vòng tròn luẩn quẩn, tha hóa xã hội cũ) - Nhóm 4 (Diễn biến tâm trạng Chí Phèo): + Dấu hiệu Chí Phèo thức tỉnh vào buổi sáng? -> (Nghe tiếng chim hót, nhớ ước mơ xưa, sợ rượu) + Phản ứng của Chí sau khi bị cự tuyệt và ý nghĩa câu nói cuối cùng? -> (Đau đớn nín kén -> Đòi quyền lương thiện)	4. Lời kể, ngôi kể và điểm nhìn - Ngôi kể: Ngôi thứ ba; người kể chuyện giấu mình, có khả năng bao quát sự việc và đi sâu vào nội tâm nhân vật. - Điểm nhìn: Dịch chuyển linh hoạt giữa người kể chuyện, Chí Phèo, Thị Nở và dân làng Vũ Đại; kết hợp lời kể, lời nửa trực tiếp và độc thoại nội tâm. - Tác dụng: Khắc họa sâu sắc tâm lí nhân vật, tạo cái nhìn đa chiều, khách quan; làm nổi bật giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.
--	---

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu học sinh đại diện nhóm báo cáo
- GV đặt câu hỏi điều phối chiều sâu cho nhóm 4: "Tại sao khi bị cự tuyệt, trong cơn điên và tuyệt vọng, càng uống rượu Chí Phèo lại càng tỉnh và 'cứ thẳng đường mà đi đến nhà Bá Kiến' chứ không phải nhà Thị Nở?"
- **HS trả lời trực tiếp:** Vì phần người chân chính trong Chí đã quay về, hấn tỉnh táo nhận ra Bá Kiến mới là kẻ thù tối cao, là kẻ trực tiếp giết dây tước đoạt cuộc đời lương thiện của hắn.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét ngắn gọn, ghi điểm cho các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ tương tác số.
- **Chuẩn hóa kiến thức:** GV chiếu slide nội dung cô gọn (ở mục A) để học sinh ghi nhớ ý cốt lõi vào vở.

5. Nhân vật

a. Nhân vật Bá Kiến - Điển hình cho giai cấp thống trị tàn bạo, nham hiểm

- **Bản chất:** Là kẻ khôn ngoan lọc lõi, nham hiểm và tàn bạo, đại diện cho cường hào ác bá ở nông thôn cũ.
- **Thủ đoạn trị dân:** Sử dụng các phương châm độc ác: "*Bám thẳng có tóc, không bám thẳng trọc đầu*", "*Thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ có cùng liều thân*", ngăm dọa người ta xuống sông rồi lại dắt tay lên bờ để bắt đền ơn.
- **Nghệ thuật khắc họa giọng điệu:** Thay đổi giọng điệu linh hoạt để thao túng Chí Phèo: từ giọng nhỏ nhẹ, chuyển sang thân mật gạ gẫm, rồi nháy mắt quát con để lấy lòng Chí.
- **Vai trò:** Kẻ trực tiếp đẩy Chí Phèo vào tù, sau đó dùng tiền và rượu để biến anh canh điền lương thiện thành con quỷ dữ, tay sai đắc lực cho hắn.

b. Nhân vật Thị Nở - Biểu tượng của lòng trắc ẩn và tình thương cứu rỗi

- **Vẻ ngoài và số phận:** Xấu xí ma chê quỷ hờn, dở hơi, nghèo khổ, bị xã hội xa lánh.
- **Lòng trắc ẩn (Bát cháo hành):** Hành động nấu bát cháo hành chăm sóc Chí Phèo khi bị ốm

là minh chứng cho sự quan tâm chân thành, mộc mạc, không vụ lợi lần đầu tiên Chí được nhận từ một bàn tay đàn bà.

- **Hình ảnh cái lò gạch cũ ở cuối truyện:** Nỗi nghĩ ngợi của Thị về một "Chí Phèo con" tương lai - Biểu tượng cho vòng tròn luẩn quẩn, quy luật tàn bạo của sự tha hóa người nông dân trong xã hội cũ.

c. Nhân vật Chí Phèo - Bi kịch tha hóa và khát vọng hoàn lương

***Chặng 1: Từ anh canh điền lương thiện đến con quỷ dữ làng Vũ Đại (Bi kịch tha hóa):**

- **Quá khứ:** Đứa trẻ mồ côi, năm 20 tuổi làm canh điền hiền lành như đất, giàu lòng tự trọng, có ước mơ bình dị.

- **Sau khi ra tù:** Bị hủy hoại cả nhân hình (đầu trọc lóc, răng trắng hớn, mặt đen cong cong đầy vết sẹo) lẫn nhân tính (ngập trong những cơn say, đập đầu, rạch mặt ăn vạ, đâm thuê chém mướn).

***Chặng 2: Diễn biến tâm trạng buổi sáng thức tỉnh (Khát vọng hoàn lương):**

- **Cảm nhận không gian, âm thanh:** Nghe thấy tiếng chim ríu rít, tiếng cười nói đi chợ, tiếng gõ mái chèo -> Những âm thanh quen thuộc ngày nào giờ khơi dậy nỗi buồn sâu sắc.

- **Nhận thức bản thân:** Tỉnh dậy sau cơn say dài, thấy rùng mình khi nghĩ đến rượu; nhận ra mình đã già, đói rét, ốm đau và cô độc.

- **Hồi tưởng ước mơ:** Nhớ về ao ước xưa (chồng cuộc mướn cày thuê, vợ dệt vải) -> Thèm lương thiện, khát khao làm hòa với mọi người.

***Chặng 3: Phản ứng tâm lí sau khi bị cự tuyệt và cái chết cuối truyện:**

- **Khi bị Thị Nở từ chối (Định kiến từ bà cô):** Từ vui sướng -> ngẩn người hụt hẫng -> đau đớn níu kéo (đuổi theo nắm tay Thị) -> tuyệt vọng (uống rượu nhưng càng uống càng tỉnh, ám ảnh hơi cháo hành).

+ **Cột mốc hành động và câu nói "Ai cho tôi lương thiện?":** Cầm dao đến thẳng nhà Bá

*Nhiệm vụ 2.6: Tìm hiểu giá trị hiện thực và tư tưởng nhân đạo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn tìm hiểu giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS trình bày kết quả. - HS khác bổ sung thêm những cảm thụ riêng. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá phần trình bày của HS.	Kiến đòi quyền làm người -> Đâm chết kẻ thù tối cao và tự sát trên ngưỡng cửa trở lại làm người. 6. Giá trị hiện thực và tư tưởng nhân đạo a. Giá trị hiện thực: - Phản ánh sự áp bức, bóc lột, tàn ác của xã hội thực dân, phong kiến đối với người nông dân. - Khắc họa số phận bi thảm của người nông dân trước Cách mạng: nghèo khổ, bần cùng, bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa. b. Giá trị nhân đạo - Lên án xã hội thực dân, phong kiến đã hủy hoại cả thể xác và tâm hồn con người. - Thể hiện niềm cảm thương sâu sắc trước số phận những người nông dân lương thiện bị tha hóa. - Khẳng định bản chất lương thiện và khát vọng được làm người của con người dù trong hoàn cảnh khốn cùng. - Cảnh báo về số phận bế tắc, tuyệt vọng của người nông dân nếu xã hội không được thay đổi.
---	--

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu:

- Khái quát và hệ thống hóa được giá trị nội dung (bản án xã hội, tinh thần nhân đạo) và đặc sắc nghệ thuật (nhân vật điển hình, nghệ thuật trần thuật đa điểm nhìn, miêu tả tâm lí) của kiệt tác *Chí Phèo*.

b. Nội dung:

- GV tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc độc lập, tương tác trực tuyến và chốt kiến thức cốt lõi vào vở.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy hoàn chỉnh về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm hiển thị trực quan trên màn hình Tivi từ kết quả tổng hợp của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV trình chiếu lên màn hình Tivi một Sơ đồ tư duy khuyết tổng kết lại toàn bộ giá trị của	IV. Tổng kết 1. Nội dung, ý nghĩa:

tác phẩm. Trục nội dung và nghệ thuật đã có sẵn, nhưng các từ khóa cốt lõi thể hiện tinh thần của cốt dự kiến sản phẩm trong đang được thay bằng các ô số [1], [2], [3], [4]. - GV giao nhiệm vụ: <i>Mỗi em có 1 phút suy ngẫm độc lập để chọn cụm từ chính xác điền vào các vị trí còn khuyết trên sơ đồ nghệ thuật và nội dung hiển thị trên màn hình "</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Hệ thống từ khóa định hướng dựa trên ảnh . - Về Nội dung: Bản án đánh thép lên xã hội tàn bạo, niềm thương cảm đối với số phận người [...1...]. - Về Nghệ thuật: Xây dựng nhân vật [...2...] bất hủ; Nghệ thuật [...3...] linh hoạt, tự nhiên với giọng điệu xót thương, cảm thông ẩn sau vẻ lạnh lùng; Bút pháp miêu tả [...4...] tinh vi, sắc sảo. - (Từ khóa dự kiến HS gõ: 1. Nông dân / 2. Điển hình / 3. Trần thuật / 4. Tâm lí). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV chỉ định 1 học sinh đứng tại chỗ đọc lại toàn bộ khung tổng kết hoàn chỉnh đã được cả lớp "hợp lực" giải mã thành công. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá cao tư duy khái quát hóa bài học của học sinh thông qua trò chơi tương tác số. - Chuẩn hóa kiến thức (Học sinh ghi vở):	- Kết án đánh thép xã hội tàn bạo, bắt công cướp đi quyền làm người của người nông dân. - Thể hiện niềm thương cảm sâu sắc, tinh thần nhân đạo đối với số phận những người nông dân bị tha hóa nhưng vẫn vẹn nguyên thiên lương. 2. Nghệ thuật: - Xây dựng thành công nhân vật điển hình bất hủ (Bá Kiến, Chí Phèo) đặt trong hoàn cảnh điển hình. - Nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tự nhiên; phối hợp đa điểm nhìn; giọng điệu trần thuật đan xen giữa lạnh lùng khách quan và xót thương, cảm thông sâu sắc. - Bút pháp miêu tả tâm lí và diễn biến tâm lí nhân vật tinh vi, sắc sảo.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Học sinh so sánh, chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt và đưa ra nhận xét sâu sắc về ý nghĩa nhân văn trong đoạn kết của hai truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) và *Vợ nhặt* (Kim Lân) (Nhiệm vụ 2); xác định đúng hướng triển khai đoạn văn nghị luận về chi tiết bát cháo hành (Nhiệm vụ 1).
- **Về Phẩm chất (Tích hợp Giáo dục Đạo đức & Lí tưởng):**
 - + *Đạo đức, lối sống:* thấu cảm trước sức mạnh của tình người, có thái độ bao dung và chống lại định kiến vô cảm.
 - + *Lí tưởng:* Nhận thức rõ sự bế tắc của người nông dân xã hội cũ, từ đó trân trọng giá trị độc lập, tự do và ánh sáng giải phóng của thời đại Cách mạng.

b. Nội dung: GV giao 2 nhiệm vụ luyện tập mang tính phân hóa. Học sinh làm việc theo nhóm bàn giải quyết Nhiệm vụ 2 trực tiếp tại lớp; thực hiện cá nhân Nhiệm vụ 1 tại nhà; nộp sản phẩm và đánh giá chéo trên không gian số dùng chung.

c. Sản phẩm: Bảng dữ liệu so sánh đoạn kết; Đoạn văn nghị luận văn học 150 chữ đạt chuẩn Rubric.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức bài học và năng lực cá nhân để sáng tạo ra các sản phẩm văn học độc đáo (sơ đồ tư duy, poster nghệ thuật, video diễn xuất).

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm kiếm tài năng kết nối kiệt tác *Chí Phèo*” theo khu vực lựa chọn: Diễn viên hoặc Họa sĩ.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy sáng tạo, Poster nhân vật nghệ thuật hoặc Video clip nhập vai diễn xuất được đăng tải trên thư mục lưu trữ của lớp.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu thể lệ cuộc thi trực tuyến “Tìm kiếm tài năng” lên màn hình Tivi.

- **GV giao nhiệm vụ:** Về nhà, mỗi cá nhân hoặc nhóm tự chọn 1 trong 2 khu vực sau để tham gia:

+ **Khu vực Diễn viên:** Chọn một đoạn trích tâm đắc trong truyện 'Chí Phèo', quay một clip ngắn (dưới 3 phút) nhập vai tái hiện lại diễn biến tâm lý nhân vật.

+ **Khu vực Họa sĩ:** Vẽ sơ đồ tư duy sáng tạo tổng hợp toàn bài hoặc thiết kế poster nghệ thuật khắc họa nhân vật Chí Phèo (bằng tay hoặc bằng công cụ Canva/Paint nếu biết sử dụng).

+ Thời hạn nộp bài: Trước tiết học sau."

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tự lực cá nhân hoặc liên kết nhóm bàn ở nhà để lên ý tưởng, chuẩn bị trang phục/đạo cụ (đối với diễn xuất) hoặc giấy bút/ứng dụng thiết kế (đối với họa sĩ).

- HS hoàn thiện sản phẩm, chụp ảnh hoặc xuất file video và trực tiếp đăng tải lên thư mục lưu trữ dùng chung của lớp học.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận (Có thể thực hiện vào đầu tiết học sau)

- GV chọn ra 1 sản phẩm video diễn xuất hay nhất và 2 poster xuất sắc nhất của học sinh từ không gian số để trình chiếu công khai trên Tivi lớp học vào đầu giờ tiết sau.

- HS cả lớp quan sát, thảo luận và bình luận, nhận xét về sự sáng tạo của các bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định (GV thực hiện chấm điểm trực tuyến)

- GV nhận xét chung về tinh thần sáng tạo, kỹ năng ứng dụng công nghệ để tạo lập sản phẩm của học sinh.

- GV tiến hành cộng điểm thi đua, khen thưởng trực tiếp cho những cá nhân/nhóm có sản phẩm chất lượng tốt.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Với bài cũ:

Hoàn thiện bài tập viết đoạn văn về chi tiết bát cháo hành (Nhiệm vụ 1 - Luyện tập) và nộp đúng hạn trên cột cá nhân của Padlet lớp.

- Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống (các bài nghiên cứu của Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh, Phong Lê,...) về tác phẩm *Chí Phèo* trên môi trường số. (**1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số**)

- Tìm đọc thêm các tác phẩm khác của Nam Cao có cùng đề tài về người nông dân trước cách mạng (như *Lão Hạc*, *Giăng sáng*, *Tư cách mõ...*).

2. Chuẩn bị bài mới:

- Đọc trước văn bản Thực hành đọc: *Cải ơi!* (Nguyễn Ngọc Tư).

- Nghiên cứu trước lý thuyết phần Thực hành tiếng Việt: *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết* để chuẩn bị cho các nhiệm vụ trên lớp của tiết sau.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và thuyết trình trước lớp.	1.1NCb - Sử dụng được máy tính, điện thoại truy cập Internet để chủ động tra cứu video, tư liệu về tác giả Nam Cao, đời sống người nông dân Việt Nam thời kỳ ngột ngạt trước Cách mạng tháng Tám 1945 và hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> (tập <i>Luống cày</i>)...
2	Hướng dẫn tự học tại nhà	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống (các bài nghiên cứu của Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh, Phong Lê,...) về tác phẩm <i>Chí Phèo</i> trên môi trường số.

Tiết:

CẢI OI!
(Nguyễn Ngọc Tư)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- **Tự chủ & Tự học:** Học sinh tự đọc, tự giải quyết vấn đề và tự đánh giá được kết quả đọc của bản thân.
- **Giao tiếp & Hợp tác:** Trình bày được ý kiến cá nhân và tương tác phản biện văn minh với bạn học.

b. Năng lực Ngữ văn (Đặc thù):

- **Thực hành đọc:** Học sinh tự đọc văn bản và nhận diện được các yếu tố hình thức (ngôi kể, điểm nhìn, hệ thống nhân vật) và nội dung (chi tiết tiêu biểu, đề tài) trong truyện ngắn hiện đại.
- **Phân tích & Đánh giá:** Học sinh tự tìm được bằng chứng trong văn bản để lý giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp nhân văn và những nét đặc sắc trong ngôn ngữ văn học của Nguyễn Ngọc Tư.

c. Phát triển Năng lực số (NLS):

- **1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số:** Học sinh sử dụng thành thạo thiết bị thông minh để truy cập nguồn tài nguyên số của tiết học.
- **2.1.NC1a - Tương tác thông qua công nghệ số:** Học sinh tương tác, phản hồi kết quả đọc trên Padlet theo thời gian thực để tạo "dấu vết học tập".
- **3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** Học sinh sử dụng công cụ số để hiển thị và đánh giá chéo sản phẩm của bạn học một cách khoa học.

2. Phẩm chất

- Nhân văn: Biết rung cảm trước những số phận bất hạnh và trân trọng khát khao được yêu thương, kết nối của con người qua tác phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Thiết bị trình chiếu: Máy chiếu hoặc Tivi thông minh (kết nối mạng ổn định để hiển thị không gian tương tác số).
- Thiết bị học tập: Mỗi HS (hoặc nhóm 2 HS) sử dụng 1 thiết bị thông minh (điện thoại/máy tính bảng) để thực hiện thao tác đọc hiểu và tương tác số.

2. Học liệu:

- Học liệu cứng: Sách giáo khoa Ngữ văn 11, Sách giáo viên.
- Học liệu số (Công cụ tự đọc):
 - + Bản đồ hướng dẫn đọc (Digital Reading Map): File thiết kế (dạng link QR) chia văn bản thành 3 chặng đọc (Sự kiện - Nhân vật - Tư tưởng).
 - + Không gian tương tác: Link Padlet đã thiết lập sẵn các cột/trạm đọc để HS thực hành tương tác trực tiếp.
 - + Rubric Checklist tinh gọn: Bảng tiêu chí đánh giá tự động (dạng link hoặc ảnh hiển thị trên Padlet) để HS tự theo dõi tiến độ và chất lượng đọc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS cảm nhận được không khí gia đình, sự kết nối/đứt gãy tình thân và xác lập tâm thế tự đọc văn bản *Cải ơi!*.

- Phát triển Năng lực số (NLS):

+ **1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số:** HS chủ động sử dụng thiết bị cá nhân quét mã QR để truy cập tài nguyên bài học.

+ **2.1.NC1a - Tương tác thông qua công nghệ số:** HS tương tác phản hồi kết quả trên không gian số theo thời gian thực để tạo "đấu vết học tập".

b. Nội dung hoạt động: HS xem video và tương tác nhanh qua "Mây từ khóa" (Word Cloud).

c. Sản phẩm: "Bản đồ cảm xúc" của cả lớp hiển thị trực quan trên màn hình.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu mã QR dẫn đến clip (đã rút gọn) và link Mentimeter/Padlet với câu hỏi: "*Một từ khóa nói về cảm giác của em sau khi xem cảnh phim này?*"

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quét mã QR, xem video và gõ từ khóa cảm nhận lên hệ thống số của lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV hiển thị "Mây từ khóa" trên màn hình Tivi.

- HS quan sát cảm xúc chung của cả lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- **GV chốt định hướng:** Nhìn vào đám mây từ khóa các em vừa tạo: *cô độc, bế tắc, câm nín*, có thể nhận thấy sự đồng cảm của cả lớp trước nỗi đau của tình thân bị đứt gãy.

Để giải mã nỗi đau ấy và tìm lại hơi ấm tình người, chúng ta sẽ bước vào hoạt động tiếp theo.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS nắm vững các nét cơ bản về tác giả Nguyễn Ngọc Tư, phong cách văn xuôi Nam Bộ; tóm tắt được cốt truyện và xác định cấu trúc bố cục văn bản *Cải ơi!*.

- Phát triển Năng lực số (NLS):

+ **1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** HS chủ động chọn lọc, đánh giá tính chính xác của các nguồn tài liệu về tác giả và phong cách tác giả trên không gian số.

+ **6.3.NC1b - Đánh giá trí tuệ nhân tạo:** HS sử dụng AI để tóm tắt cốt truyện và gợi ý cấu trúc văn bản, sau đó chủ động đối chiếu, kiểm chứng kết quả từ AI với văn bản gốc và Sách giáo khoa để khẳng định tính chính xác của kiến thức.

b. Nội dung hoạt động: HS truy cập "Thư viện số" để tự tra cứu và hệ thống hóa thông tin qua sơ đồ tư duy hoặc bảng số.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy hoặc bảng tổng hợp thông tin cá nhân của HS trên hệ thống số.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả Nguyễn Ngọc Tư

-GV gửi Link/QR "Hồ sơ số" (chứa link video, bài tóm tắt) và yêu cầu HS khai thác dữ liệu để điền vào "Bảng hệ thống thông tin" trên hệ thống học tập của lớp. - 1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số: HS chủ động sử dụng thiết bị thông minh để quét mã QR/truy cập link, tiếp cận nguồn tài nguyên số phục vụ bài học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS truy cập tài nguyên số, đọc/xem tài liệu, thực hiện điền thông tin (cá nhân hoặc nhóm) trực tiếp vào bảng số (ví dụ: Google Form/Padlet). - 2.1.NC1a - Tương tác thông qua công nghệ số: HS thực hiện thao tác tương tác, nhập liệu và lưu trữ kết quả thảo luận trực tuyến trên nền tảng dùng chung. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Thay vì trình bày 1 phút, HS "trình diễn số" bằng cách nhấn nút "Chia sẻ bảng kết quả" lên màn hình lớn. GV chọn 1 bảng đầy đủ nhất để làm căn cứ thảo luận. - 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: HS thể hiện khả năng trình bày, hiển thị kết quả làm việc thông qua công cụ số, tối ưu hóa không gian lớp học trực quan. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV sử dụng "Đáp án chuẩn" (dạng Infographic) để HS tự đối chiếu. GV chốt lại bằng 3 từ khóa về tác giả/tác phẩm để định hình tư duy. - 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: HS tiếp nhận nội dung học tập thông qua hình thức Infographic, qua đó rèn luyện khả năng quan sát và hệ thống hóa kiến thức bằng hình ảnh số.	a. Tiểu sử Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, là một gương mặt truyện ngắn tiêu biểu của văn học hiện đại Việt Nam. b. Sự nghiệp văn học - Tác phẩm nổi bật: “Cánh đồng bất tận”, “Ngọn đèn không tắt”,... - Phần giới thiệu từ video (HS tự xem thêm) c. Vị trí và tầm ảnh hưởng - Lọt vào top 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất tại Việt Nam 2018 do tạp chí Forbes bình chọn. 2. Tác phẩm a. Thể loại: Truyện ngắn. b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: - Nằm trong tập truyện “Cánh đồng bất tận” được phát hành năm 2005. - Viết về mảnh đất và con người Nam Bộ chân thành, sâu nặng nhưng lại mộc mạc, giản dị, chân chất. c. Tóm tắt tác phẩm: - “Cải ơi” – tác phẩm truyện ngắn đặc sắc của Nguyễn Ngọc Tư nói về một hành trình đầy gian khổ đi tìm đứa con gái thất lạc tên “Cải” của người cha tên “Năm” đã gần 12 năm trời. - Cải không phải là con ruột của ông, đó là con riêng của vợ hai ông với người chồng trước đó nhưng với tình yêu con, bảo vệ con nên ông đã chăm sóc và nuôi dưỡng con như con đẻ của mình. - Một tình cảnh éo le khiến gia đình ông mâu thuẫn, Cải làm mất đôi trâu của nhà nên đã bỏ nhà đi, ông Năm bị đồn tiếng xấu là hại con đem giấu xác. Tất cả mọi người bà con láng giềng đều không tin tưởng ông. Vì quá buồn bã ông Năm quyết định đi tìm Cải.
---	--

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- **Đọc:** Nhận diện được sự thay đổi điểm nhìn và sự hòa quyện giữa lời người kể chuyện - lời nhân vật.

- **Phân tích:** Đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật và sự kiện tiêu biểu trong truyện ngắn hiện đại.

- **Giải mã:** Trình bày được thông điệp về tình người và triết lý nhân sinh từ văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành các nhóm bàn (4–6 HS/nhóm) và giao một nhiệm vụ nghiên cứu duy nhất trên Phiếu học tập bằng giấy (Phiếu số 3): - Nhóm 1 (Nhan đề & Chủ đề): Đọc kỹ nhan đề và văn bản để chỉ ra mối liên hệ giữa tiếng gọi "<i>Cải ơi!</i>" với chủ đề về tình phụ tử trong nghịch cảnh. - Nhóm 2 (Câu chuyện & Truyện kể): Tóm tắt câu chuyện gốc và nhận xét cách nhà văn phá vỡ trật tự thời gian (đạn xen quá khứ - hiện tại) để tổ chức truyện kể nhằm mục đích gì? - Nhóm 3 (Ngôi kể & Điểm nhìn): Xác định ngôi kể và chỉ ra cách nhà văn dịch chuyển từ điểm nhìn khách quan sang điểm nhìn bên trong (nội tâm các nhân vật ông Năm, Thán, Diễm Thương). - Nhóm 4 (Lời người kể & Lời nhân vật): Tìm dẫn chứng về sự đan xen, cộng hưởng giữa lời của người kể chuyện với lời của nhân vật (lời nửa trực tiếp). - GV nhắc nhở: Tất cả học sinh đóng thiết bị số, tập trung lật sách giáo khoa, thảo luận và viết tay vào phiếu giấy. Duy nhất 01 học sinh (thư ký nhóm) dùng điện thoại chụp ảnh lại sản phẩm giấy khi hết giờ để gửi vào nhóm Zalo lớp. [2.1.NC1a]. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: Tập trung cao độ vào trang sách, tranh luận, trích dẫn chi tiết văn học, ghi chép bằng bút vào phiếu giấy. - Thư ký nhóm: Chụp ảnh sản phẩm giấy của nhóm thật rõ nét, gửi lên Zalo lớp. - Giáo viên: Theo dõi, khơi gợi cảm xúc bằng lời nói để học sinh nhận diện được giọng điệu Nam Bộ đặc trưng của Nguyễn Ngọc Tư. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	II. Đọc hiểu văn bản 1. Ý nghĩa nhan đề và chủ đề 1.1. Ý nghĩa nhan đề: - <i>Hình thức:</i> Câu cảm thán – tiếng gọi thiết tha, khắc khoải, tuyệt vọng. - <i>Ý nghĩa:</i> Là hiện thân của tình yêu thương vô bờ, tình phụ tử kiên định, bền bỉ đến tận cùng của người cha dành cho đứa con không máu mủ dù chịu nhiều tiếng oan. 1.2. Chủ đề: Ngợi ca tình phụ tử thiêng liêng (vượt lên trên cả quan hệ huyết thống) và nhắc nhở mỗi chúng ta biết trân trọng, thấu hiểu đáng sinh thành. 2. Câu chuyện và cách tổ chức truyện kể - Câu chuyện (Cốt truyện gốc): Hành trình gần 12 năm ông Năm Nhỏ đi tìm đứa con gái riêng của vợ tên Cải (bỏ đi từ năm 13 tuổi) để chứng minh mình không ngược đãi con như lời đồn. - Cách tổ chức truyện kể: Phá vỡ trật tự thời gian tuyến tính, đan xen linh hoạt giữa quá khứ và hiện tại. → Ý nghĩa thẩm mỹ: Diễn tả chân thực hành trình tìm con dang dặc, làm nổi bật nỗi mong mỏi đau đáu, khao khát cháy bỏng và tình cha chan chứa nước mắt của ông Năm. 3. Người kể chuyện & Hệ thống điểm nhìn - Người kể chuyện: Ngôi thứ ba (toàn tri), thái độ thương cảm, xót xa đối với số phận nhân vật. - Hệ thống điểm nhìn: Điểm nhìn bên trong (đứng từ lập trường nội tâm của từng nhân vật) chiếm ưu thế.

- GV mở nhóm Zalo lớp trên máy tính kết nối Tivi, chiếu trực tiếp ảnh chụp phiếu giấy của các nhóm (thay thế thao tác treo bảng phụ/viết bảng, giúp tiết kiệm thời gian). - Đại diện nhóm đứng tại chỗ báo cáo dựa trên hình ảnh phiếu giấy trên Tivi. HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét và phản biện hoàn toàn bằng lời nói để giữ sự tập trung cao độ. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ học tập nghiêm túc và kỹ năng số hóa tối giản của các thư ký. - GV chuẩn hóa kiến thức (bằng các Slide nội dung chốt lại dưới đây). - GV dùng 3 phút lắng đọng để bình về tiếng gọi "<i>Cải ơi!</i>" vang lên trong vô vọng ở cuối tác phẩm. - Tích hợp đạo đức, lối sống: Hướng học sinh đến lòng biết ơn đáng sinh thành; khơi dậy sự thấu cảm, bao dung, không dùng định kiến để cô lập những con người nghèo khổ quanh mình.	→ Hiệu quả: Tái hiện sắc nét, thấu đáo thế giới nội tâm tinh tế: sự khắc khoải, hụt hẫng của ông Năm; nỗi lo lắng của Thán; và vẻ lạnh nhạt bọc lót tổn thương của Diễm Thương. 4. Lời người kể chuyện và Lời nhân vật - Lời người kể chuyện: Khắc họa các cử chỉ, hành động ngoại hiện của nhân vật. - Lời nhân vật: Các đoạn đối thoại và những câu văn bộc lộ suy nghĩ nội tâm. - Sự kết hợp độc đáo: Lời người kể chuyện và lời nhân vật cộng hưởng, đan xen nhau (lời nửa trực tiếp). → Hiệu quả: Giúp nhà văn đi sâu vào tầng sâu tâm lý nhân vật, tạo nên giọng điệu mộc mạc, tự nhiên, tăng sức hấp dẫn và tính chân thực cho hành trình tìm con đày bi kịch.
--	--

2.3: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu:

- **Năng lực văn học:** HS khái quát được giá trị nội dung (tình phụ tử, tình người) và các đặc sắc nghệ thuật (cách kể chuyện, sự đan xen lời văn, điểm nhìn bên trong) của văn bản *Cải ơi!*.
- **Năng lực số (3.1.NC1a):** Áp dụng được cách tạo lập và cấu trúc lại nội dung kiến thức dưới dạng một sản phẩm số cơ bản (thực hiện ở nhà) để làm học liệu ôn tập.

b. Nội dung hoạt động:

- HS trả lời câu hỏi tổng kết của GV để hoàn thiện sơ đồ tri thức trên lớp.
- GV giao **Nhiệm vụ số hóa học liệu** về nhà cho học sinh.

c. Sản phẩm:

- Bản ghi nhớ kiến thức trong vở ghi của học sinh.
- **Sản phẩm số (Về nhà):** 01 trang Infographic hoặc Sơ đồ tư duy số tổng kết bài học (thiết kế bằng Canva/PowerPoint) do đại diện các nhóm thực hiện và nộp lên nhóm Zalo lớp.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV trình chiếu hệ thống câu hỏi tổng kết lên màn hình Tivi lớp học: • Về nội dung: Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào?	III. Tổng kết 1. Nội dung: Tình phụ tử thiêng liêng và tình người sâu nặng. 2. Nghệ thuật: - Cách kể chuyện hấp dẫn. - Kết hợp được ngôn ngữ kể và ngôn ngữ nhân vật.

• Về nghệ thuật: Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? - Yêu cầu số: GV yêu cầu học sinh sử dụng thiết bị số cá nhân (điện thoại thông minh) truy cập vào đường link biểu mẫu trực tuyến (Google Form/Padlet) hoặc phản bình luận trong nhóm Zalo lớp để chuẩn bị phản hồi nhanh câu trả lời Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân trong 02 phút và gõ trực tiếp câu trả lời ngắn gọn (về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm) vào biểu mẫu trực tuyến hoặc nhóm Zalo lớp thay vì viết ra giấy - GV theo dõi luồng câu trả lời được cập nhật theo thời gian thực trên máy tính cá nhân, phát hiện các câu trả lời hay hoặc các lỗi hiểu sai của học sinh để kịp thời hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV không gọi học sinh đứng dậy đọc bài viết tay như truyền thống. Thay vào đó, GV mở giao diện phản hồi trực tuyến của cả lớp trên máy tính kết nối Tivi, chọn ngẫu nhiên bài làm của 2 HS để trình chiếu công khai trước lớp trong 01 phút - GV yêu cầu các HS khác quan sát màn hình Tivi, lắng nghe phần giải thích của bạn để nhận xét, bổ sung chéo. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét tinh thần chủ động đóng góp dữ liệu bài học và ý thức tương tác văn minh trên môi trường mạng của học sinh. - GV chốt và chuẩn hóa kiến thức bằng Slide bài giảng trực quan:	- Điểm nhìn từ bên trong giúp tác giả khai thác sâu thế giới nội tâm nhân vật.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng tri thức về đặc điểm truyện ngắn hiện đại (điểm nhìn bên trong, sự đan xen lời người kể chuyện và lời nhân vật) để giải mã nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa biểu tượng của văn bản *Anh Hai*.

- **Phát triển Năng lực số (NLS):** HS thực hiện thao tác số hóa tối giản (chụp ảnh sản phẩm giấy) để tương tác, chia sẻ dữ liệu trong không gian dùng chung của lớp học (nhóm Zalo/Padlet), phục vụ quá trình làm việc nhóm hiệu quả.

b. Nội dung: HS đọc ngữ liệu truyện ngắn *Anh Hai* (Lý Thanh Thảo), thảo luận theo cặp đôi (nhóm bàn) để hoàn thiện hệ thống 5 câu hỏi bài tập.

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập bằng giấy của các nhóm ghi đầy đủ câu trả lời cho 5 câu hỏi.
- **Sản phẩm số:** File ảnh chụp bài làm bằng giấy của nhóm hiển thị trực quan trên màn hình Tivi lớp học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

- GV chiếu ngữ liệu và hệ thống 5 câu hỏi của văn bản "Anh Hai" lên màn hình Tivi lớp học, đồng thời phát phiếu học tập bằng giấy cho các nhóm bàn (4–6 HS/nhóm).
- GV phát lệnh rõ ràng để quán triệt kỷ luật công nghệ:
"Tất cả học sinh tắt điện thoại, tập trung lật mở phiếu bài tập, đọc và cùng nhau thảo luận để viết câu trả lời bằng bút vào phiếu giấy. Khi hết giờ, duy nhất bạn thư ký của mỗi nhóm mới được dùng 01 điện thoại để chụp ảnh bài làm gửi lên nhóm Zalo lớp để chúng ta tiến hành báo cáo".

Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi bên dưới:

ANH HAI

- *Ăn thêm cái nữa đi con!*
 - *Ngán quá, con không ăn đâu!*
 - *Ráng ăn thêm một cái, má thương. Ngoan đi cưng!*
 - *Con nói là không ăn mà. Vứt đi! Vứt nó đi!*
- Thằng bé lắc đầu nguây nguây, gạt mạnh tay. Chiếc bánh kem văng qua cửa xe rơi xuống đường sát mép cống. Chiếc xe hơi lảng bóng rờ máy chạy đi.*
- Hai đứa trẻ đang bới móc đống rác gần đó, thấy chiếc bánh nằm chổng chơ xô đến nhặt. Mắt hai đứa sáng rực lên, dán chặt vào chiếc bánh thơm ngon. Thấy bánh lấm láp, đứa con gái nuốt nước miếng bảo thằng con trai:*
- *Anh Hai thổi sạch rồi mình ăn. Thằng anh phùng má thổi. Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho. Đứa em sốt ruột cũng ghé miệng thổi tiếp. Chính cái miệng háu đói của nó làm bánh rơi tòm xuống cống hôi hám, chìm hẳn.*
 - *Ai biểu anh Hai thổi chi cho mạnh – Con bé nói rồi thút thít.*
 - *Ừa. Tại anh! Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi!*

(Theo Lý Thanh Thảo)

Câu 1. Câu chuyện trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

Câu 3. Xác định ít nhất 1 từ tượng hình, 1 từ tượng thanh có trong văn bản.

Câu 4. Sự việc nào làm nổi bật ý nghĩa nhan đề? Đó là ý nghĩa gì?

Câu 5. Câu *Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho* đi thể hiện ý nghĩa gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- **Học sinh:** Tập trung đọc văn bản, thảo luận sôi nổi bằng lời nói truyền thống để giải quyết 5 câu hỏi (từ nhận diện từ tượng hình/tượng thanh, phương thức biểu đạt cho đến việc giải mã nghĩa biểu tượng của câu văn "*Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho*" và sự nuông nhện ở chi tiết kết truyện). Thư ký nhóm ghi chép câu trả lời vào phiếu giấy.

- **Giáo viên:** Đi lại giữa các nhóm để quan sát, khích lệ học sinh phát hiện ra sự chuyển dịch điểm nhìn từ cảnh chiếc xe hơi sang thế giới nội tâm thềm lòng và tình anh em của hai đứa trẻ nghèo.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Khi hết giờ thảo luận, thư ký của các nhóm dùng điện thoại chụp lại thật rõ nét phiếu bài tập bằng giấy của nhóm mình và gửi ngay vào nhóm Zalo lớp (Thao tác diễn ra trong 30 giây).

- GV mở Zalo lớp trên máy tính kết nối Tivi, chọn chiếu ảnh chụp bài làm của 2 nhóm bất kỳ lên màn hình (thay thế hoàn toàn cho việc treo bảng phụ hay viết bảng).

- **Báo cáo và phản biện:** Đại diện nhóm được chọn đứng tại chỗ thuyết trình ngắn gọn kết quả bài làm của nhóm mình dựa trên hình ảnh trên Tivi. Học sinh các nhóm khác ngồi dưới lớp quan sát màn hình, lắng nghe và giơ tay nhận xét, phản biện trực tiếp bằng lời nói để giữ sự tập trung cao độ.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét thái độ thảo luận nghiêm túc của lớp và khen ngợi thao tác số hóa sản phẩm nhanh gọn của các thư ký.

- GV chuẩn hóa kiến thức trên màn hình Tivi bám sát nội dung cốt lõi:

Trả lời:

Câu 1: Tự sự.

Câu 2: Câu chuyện kể về cách cư xử của thằng bé con nhà giàu và hai đứa trẻ, tác giả ca ngợi tình anh em ruột thịt yêu thương, đùm bọc dù cuộc sống nghèo khổ.

Câu 3:

- Từ tượng hình: *Nguầy nguậy, chổng chơ, lấm láp, hôi hám, xô, chổng chơ*

- Từ tượng thanh: *Thút thút*

Câu 4:

- Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi!

- Ý nghĩa: Ca ngợi tình cảm anh em ruột thịt yêu thương, đùm bọc, nhường nhịn, sẻ chia, gắn bó khăng khít.

Câu 5:

- Nghĩa tả thực: Bụi bẩn đã dính vào bánh thì khó mà phủi, thổi đi hết.

- Nghĩa biểu tượng: Nó biểu tượng cho những khó khăn, cơ cực, vất vả, thiếu thốn, thiệt thòi cũng như cái nghèo khổ cứ đeo bám mãi lấy hai anh em.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

HS vận dụng kết quả đọc hiểu văn bản *Cải ơi!* để bày tỏ sự thấu cảm sâu sắc trước số phận nhân vật; biết chuyển hóa cảm xúc văn học thành một sản phẩm nghệ thuật mộc mạc, ý nghĩa.

- **Phát triển Năng lực số (NLS):** HS biết cách phối hợp với Trí tuệ nhân tạo (Suno AI) để xuất bản một sản phẩm âm nhạc hoàn chỉnh; biết xem xét, đánh giá kết quả từ hệ thống AI xem đã truyền tải đúng "hồn văn" của tác phẩm chưa.

b. Nội dung:

Học sinh làm việc theo nhóm (giữ nguyên nhóm cũ hoặc chia theo sở thích âm nhạc) thực hiện nhiệm vụ ở nhà: Tự viết lời (Lyrics) và dùng công nghệ Suno AI để sáng tác một bài hát về nhân vật ông Năm Nhỏ hoặc tiếng kêu "*Cải ơi!*".

c. Sản phẩm:

- 01 file âm thanh/video bài hát (định dạng mp3/mp4) được đăng tải lên nhóm Zalo lớp.
- Bản văn bản lời bài hát (Lyrics) kèm theo **02 dòng nhận xét phản biện công nghệ** của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ dự án nhỏ về nhà thông qua việc trình chiếu yêu cầu lên Tivi và gửi file hướng dẫn vào nhóm Zalo lớp:

THỬ THÁCH SÁNG TẠO SỐ: GIAI ĐIỆU NHÂN VẬT VỚI SUNO AI

- **Nhiệm vụ:** Hãy sáng tác một bài hát ngắn kể về hành trình 12 năm tìm con đầy nước mắt của ông Năm Nhỏ hoặc sự day dứt từ tiếng kêu "*Cải ơi!*" ở cuối tác phẩm.
- **Yêu cầu nội dung lời văn (Lyrics):** Các nhóm phải tự viết lời bằng thơ (4 chữ, 5 chữ hoặc lục bát) hoặc lời tự do. Lời bài hát phải làm bật lên được: Bi kịch bị hoài nghi của ông Năm, tình phụ tử kiên định, và khát vọng được thấu hiểu.
- **Yêu cầu kỹ thuật số:**

- + **Bước 1:** Thả phần lời do nhóm tự viết vào công cụ tạo nhạc miễn phí Suno AI.
- + **Bước 2:** Chủ động lựa chọn phong cách nhạc (Style) phù hợp với tâm lý nhân vật. (*Gợi ý: Nên chọn phong cách Dân ca đương đại Nam Bộ - Vietnamese Contemporary Folk, Pop Ballad chậm hoặc Trữ tình điệu Bolero để diễn tả sự ghen ngào, xót thương*).
- + **Yêu cầu phản biện số:** Khi nộp sản phẩm, nhóm phải đính kèm 2–3 câu nhận xét: *Giai điệu do AI tạo ra đã thể hiện đúng tâm trạng dần vật, đau đớn của nhân vật chưa? Có chỗ nào máy hát bị sai luyến láy Nam Bộ mà cần con người chỉnh sửa lại không?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Các thành viên trong nhóm thảo luận qua nhóm chat, cùng nhau gieo vần để hoàn thiện phần lời văn học đầy cảm xúc.
- Thành viên phụ trách công nghệ của nhóm copy lời, nhập vào Suno AI, chọn style nhạc và bấm xuất bản bài hát.
- Cả nhóm cùng nghe lại sản phẩm của AI, viết đoạn đánh giá phản biện theo yêu cầu của GV.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Thư ký các nhóm nộp link bài hát hoặc file nhạc kèm lời văn, đoạn nhận xét phản biện lên nhóm Zalo lớp.
- Vào đầu tiết học tuần sau, GV dành 3 phút để mở radio bật đoạn nhạc hay nhất của nhóm làm tốt nhất cho cả lớp cùng lắng nghe để tạo tâm thế xúc động trước khi vào bài mới.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV tiến hành nghe, thả tim và đưa ra nhận xét khen ngợi tinh thần nhân văn của các nhóm trên nhóm Zalo lớp.
- GV tuyên dương những nhóm có lời thơ sâu sắc, chọn phong cách nhạc phù hợp và có tư duy phản biện tốt (biết chỉ ra điểm hạn chế của AI khi không thể tự diễn tả được sự nức nở, ghen ngào thật như giọng hò, giọng cải lương của con người).
- GV lưu trữ các bài hát này vào "Thư viện học liệu số" của lớp để học sinh có thể nghe lại khi ôn tập chủ đề về điểm nhìn truyện kể.

Gợi ý một đoạn Lời bài hát (Lyrics) để GV làm mẫu cho HS (nếu cần):
(Phong cách nhạc: Vietnamese Contemporary Folk / Acoustic chậm, buồn)

(Lời 1)

Mười hai năm dầm mưa dãi nắng,
Chiếc ghe lướt đi qua vạt sông dài.
Người ta trách ông "ác hơn ác đức",
Ông ngậm đắng cay đi tìm bóng ai...

(Điệp khúc)

Cải ơi! Gió lay bông bần rụng trắng.
Cải ơi! Tiếng ca cổ buồn mênh mông.
Dù lên tivi mang danh kẻ trộm,
Chỉ mong con nhìn, một lần nghe ông...

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Củng cố (NĂng lực số 3.1.NC1a):** Hệ thống hóa kiến thức bài *Cải ơi!* bằng sơ đồ tư duy (vẽ tay chụp ảnh rõ nét hoặc thiết kế bằng Canva/PowerPoint) rồi gửi vào nhóm Zalo lớp.
- Đọc mở rộng (NĂng lực số 1.1.NC1b):** Tra cứu internet tại các trang văn học chính thống để tìm đọc thêm truyện ngắn khác của Nguyễn Ngọc Tư hoặc truyện cùng đề tài gia đình.
- Chuẩn bị bài mới (NĂng lực số 6.3.NC1b):**
 - Đọc trước bài *Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết*.
 - Thử đặt câu hỏi cho AI (Gemini/ChatGPT): "*Cho 1 ví dụ về ngôn ngữ nói và chuyển nó sang ngôn ngữ viết*". Ghi lại ví dụ của AI vào vở soạn để đối chiếu với sách giáo khoa.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết: 7

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Những kĩ năng thuộc về hoạt động nói và hoạt động nghe trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói.

- Những kĩ năng thuộc về hoạt động viết và hoạt động đọc trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ viết.

- Phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; tránh nói như viết hoặc viết như nói.

c. Năng lực số

- **1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số:** Học sinh sử dụng máy tính hoặc điện thoại thông minh để truy cập Internet, chủ động tra cứu và thu thập các đoạn hội thoại thực tế (tin nhắn mạng xã hội, bình luận trực tuyến) hoặc các văn bản chính thống để làm ngữ liệu phân tích.

3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: Học sinh thực hiện thao tác chụp ảnh bài làm trên giấy của nhóm để chia sẻ và hiển thị trực quan sản phẩm trên màn hình Tivi lớp học, phục vụ công tác báo cáo và thảo luận.

2. Phẩm chất

Tự giác thực hành luyện tập thêm và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đặc điểm khi giao tiếp. Có thái độ nghiêm túc và có trách nhiệm với lời nói của bản thân khi tham gia hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- **Thiết bị kỹ thuật số:** Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- **Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm:** Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- **Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học:** tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini...); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết tình và video (Gamma App, Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno...)

2. Học liệu dạy học:

- Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.
- Sách *Về tác gia và tác phẩm* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.
- Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.
- Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề và kết nối nội dung cho bài học.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tinh thần tập thể, đoàn kết và kỹ năng hợp tác.
- **Phát triển Năng lực số (NLS):**

1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số: HS chủ động truy cập, tiếp nhận và giải mã thông tin từ dữ liệu đa phương tiện trực tuyến để thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung hoạt động:

GV chiếu clip, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh vào phiếu học tập bằng giấy.

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV kết nối máy tính với Tivi lớp học, hướng dẫn HS truy cập/quan sát clip tư liệu trực tuyến trên Youtube (https://www.youtube.com/watch?v=bXXzFzBhWVE) (1.1.NC1b). - GV phát Phiếu trả lời nhanh bằng giấy cho các cặp đôi. <i>GV quán triệt kỷ luật số:</i> Các cặp đôi tắt điện thoại, tập trung xem và thảo luận bằng lời để viết vào phiếu giấy. Chỉ duy nhất 01 bạn đại diện dùng thiết bị để chụp ảnh nộp bài ở cuối giờ.	- Nội dung Clip: Cách giáo dục trẻ em của một gia đình trong một bữa ăn - Yếu tố tạo nên tiếng cười: + Diễn xuất hài hước. + Tình huống hài hước. + Lời nói hài hước. - Từ ngữ đáng chú ý: HS ghi lại một số từ ngữ theo suy nghĩ cá nhân.								
<table border="1"><thead><tr><th colspan="2">HIẾU TRẢ LỜI NHANH</th></tr></thead><tbody><tr><td>Nội dung Clip</td><td></td></tr><tr><td>Yếu tố tạo nên tiếng cười</td><td></td></tr><tr><td>Từ ngữ đáng chú ý</td><td></td></tr></tbody></table>	HIẾU TRẢ LỜI NHANH		Nội dung Clip		Yếu tố tạo nên tiếng cười		Từ ngữ đáng chú ý		
HIẾU TRẢ LỜI NHANH									
Nội dung Clip									
Yếu tố tạo nên tiếng cười									
Từ ngữ đáng chú ý									
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem clip, tiến hành thảo luận cặp đôi để hoàn thiện các câu hỏi trên phiếu giấy.									

- GV quan sát, khích lệ HS chú ý đến ngữ điệu, cử chỉ và các từ ngữ đời thường của nhân vật. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS đứng tại chỗ trình bày kết quả nhanh trong 1 phút. - Lớp lắng nghe và nhận xét, phản biện trực tiếp bằng lời nói Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét tinh thần hợp tác và kỹ năng số hóa học liệu nhanh gọn của HS. - GV chuẩn hóa câu trả lời và dẫn dắt vào bài mới: <i>Không phải ngẫu nhiên mà người ta chia ra phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Làm thế nào để nhận biết và không nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, chúng ta hãy cùng tìm hiểu bài học: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.</i>	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. Mục tiêu:

Năng lực Ngôn ngữ (Đặc thù): HS nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa hai dạng ngôn ngữ này.

- Phát triển Năng lực số (NLS):

+ HS biết cách sử dụng thiết bị số để tìm kiếm và tiếp cận các nguồn dữ liệu văn bản chính thống trên Internet phục vụ bài học.

+ HS biết đánh giá, sàng lọc để chọn ra nguồn thông tin có độ tin cậy cao trên môi trường số.

+ HS thực hiện được thao tác số hóa tối giản (chụp ảnh sản phẩm) để chia sẻ học liệu trong không gian dùng chung của lớp học.

b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc Tri thức Ngữ văn trong SGK để nắm lý thuyết.

- HS thảo luận nhóm bàn, **kết hợp sử dụng thiết bị số để tra cứu, sàng lọc ngữ liệu thực tế trên mạng Internet** nhằm hoàn thiện Bảng so sánh đặc điểm ngôn ngữ nói - viết (Phiếu học tập số 1).

- HS làm bài tập thực hành 1, 2 trong SGK vào vở bài tập.

c. Sản phẩm:

- **Sản phẩm văn học:** Phiếu học tập số 1 (Bảng so sánh) bằng giấy của các nhóm; câu trả lời bài tập 1, 2 vào vở ghi của cá nhân.

- **Sản phẩm số:** File ảnh chụp kết quả phiếu giấy của các nhóm và đường link/tên nguồn dữ liệu số tin cậy mà học sinh đã tra cứu được hiển thị trên Tivi lớp học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ	I. Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

- GV tổ chức trò chơi "**Đấu trường Nói - Viết**" giữa 2 đội chơi đã được phân công chuẩn bị từ tiết học trước:

+ **Đội 1 (Sức mạnh Ngôn ngữ nói):** Chịu trách nhiệm chính về mảng ngôn ngữ nói, bài tập 1 SGK và sản phẩm Nói về *Truyện Kiều*.

+ **Đội 2 (Vẻ đẹp Ngôn ngữ viết):** Chịu trách nhiệm chính về mảng ngôn ngữ viết, bài tập 2 SGK và sản phẩm Viết về *Truyện Kiều*.

- GV giới thiệu Ban giám khảo (3 HS) và MC điều phối trận đấu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các đội chơi ngồi theo nhóm, có 5 phút để mở lại vở soạn, rà soát lại các học liệu số, poster hoặc bài nói/viết đã được nhóm chuẩn bị trước ở nhà để thống nhất chiến thuật thi đấu.

- Ban giám khảo tập hợp đáp án biểu điểm bằng giấy do GV cung cấp để chuẩn bị chấm điểm trực tiếp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

***Vòng 1: Tốc chiến nhận diện (5 phút)**

- *Cách thức:* GV chiếu 6 ngữ liệu (a, b, c, d, e, f) lên màn hình Tivi. Mỗi đội cử 3 thành viên lên bảng phần viết truyền thống, thi ghi mã chữ cái vào hai cột Ngôn ngữ nói và Ngôn ngữ viết theo tiêu chí nhanh và đúng.

- *Sản phẩm:* Kết quả trên bảng phần (Ngôn ngữ nói: b, d, f; Ngôn ngữ viết: a, c, e).

***Vòng 2: Bản lĩnh tri thức (8 phút)**

- *Cách thức:* Thư ký Đội 1 kết nối máy tính trình chiếu file sơ đồ tư duy/Infographic tóm tắt đặc điểm Ngôn ngữ nói đã số hóa ở nhà. Đại diện Đội 1 trình bày lý thuyết trong 2 phút. Đội 2 đặt câu hỏi chất vấn trực tiếp bằng lời nói.

- Sau đó hai đội đổi vai, Đội 2 trình chiếu sơ đồ số về Ngôn ngữ viết, đại diện trình bày và Đội 1 phản biện.

1. Nhận diện ngữ liệu – VÒNG 1 –TỐC CHIẾN NHẬN DIỆN

Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
b, d, f	a, c, e

2. Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết – VÒNG 2 – BẢN LĨNH TRI THỨC

2.1. Ngôn ngữ nói:

- **Tình huống giao tiếp:** Người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, thay vai luân phiên. Người nói ít có thời gian và điều kiện lựa chọn và gọt giũa lời nói. Chỉ tồn tại nhất thời và được truyền đi trong phạm vi không gian hạn chế.

- **Phương tiện ngôn ngữ:** Âm thanh.

- **Phương tiện hỗ trợ:** Ngữ điệu; Nét mặt, ánh mắt; Cử chỉ, điệu bộ.

- **Hệ thống yếu tố ngôn ngữ:**

+ **Từ ngữ:** Các khẩu ngữ, từ ngữ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ; Các trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy, chêm xen...

+ **Câu:** Có kết cấu linh hoạt như câu tỉnh lược, câu có yếu tố trùng lặp hay dư thừa...

+ **Văn bản:** Không có sự chặt chẽ, mạch lạc.

2.2. Ngôn ngữ viết:

- **Tình huống giao tiếp:** Người viết và người đọc thường không có sự tiếp xúc trực tiếp. Người viết có thời gian để suy ngẫm, lựa chọn cách biểu đạt, vì vậy ngôn ngữ viết nói chung được gọt giũa. Có khả năng lưu trữ thông tin lâu dài và hướng tới một phạm vi người đọc rộng lớn.

- **Phương tiện ngôn ngữ:** Chữ viết.

- **Phương tiện hỗ trợ:** Dấu câu; Hình ảnh minh họa; Sơ đồ, bảng biểu.

- **Hệ thống yếu tố ngôn ngữ:**

+ **Từ ngữ:** Có cơ hội chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt; Sử dụng ngôn ngữ phổ thông.

+ **Câu:** Chặt chẽ, mạch lạc, câu dài, nhiều thành phần phức tạp.

+ **Văn bản:** Kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao.

- *Sản phẩm*: Sơ đồ tư duy số của hai đội hiển thị trên Tivi và những câu hỏi phản biện trực tiếp.

***Vòng 3: Giải mã ngữ liệu (7 phút)**

- *Cách thức*: Đại diện Đội 1 đứng tại chỗ trình bày kết quả phân tích Bài tập 1 SGK (Đặc điểm ngôn ngữ nói được tái tạo trong *Vợ nhặt* và *Chí Phèo*). Đại diện Đội 2 trình bày Bài tập 2 SGK (Đặc điểm ngôn ngữ viết trong đoạn trích *Vợ nhặt*).

- *Yêu cầu phản biện số*: Trong quá trình chuẩn bị bài tập ở nhà, các đội phải chứng minh mình đã tra cứu dữ liệu từ các nguồn điện tử chính thống, biết sàng lọc và trích dẫn câu chữ chuẩn xác của văn bản gốc thay vì chép các bài giải sáo rỗng trên mạng.

***Vòng 4: Sáng tạo nghệ thuật (8 phút)**

- *Cách thức*: Hai đội trình diễn sản phẩm thực hành về chủ đề "*Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện Kiều*" đã đóng gói sẵn ở nhà:

- **Đội 1 (Thi Nói)**: Đại diện đội lên bục giảng thực hiện bài thuyết trình nói. Các thành viên ngồi dưới dùng màn hình Tivi chiếu một đoạn video ngâm thơ hoặc hình ảnh minh họa bối cảnh để hỗ trợ bài nói sinh động.

- **Đội 2 (Thi Viết)**: Thư ký đội trình chiếu một trang văn bản nghị luận đã được trau chuốt, thiết kế đẹp mắt dạng Poster văn học lên Tivi (**3.1.NC1a**). Đại diện đội đọc diễn cảm đoạn văn viết đó.

Sản phẩm: Bài thuyết trình nói trực tiếp và poster văn bản viết hiển thị trên Tivi.

Bước 4: Đánh giá kết luận

- Ban giám khảo tổng hợp điểm từ bảng kiểm và công bố đội chiến thắng.

- GV nhận xét tinh thần thi đấu, tư duy ngôn ngữ và kỹ năng tương tác, làm chủ không gian số của cả hai đội.

- **GV chuẩn hóa tri thức (Chốt kiến thức)**: GV chốt lại toàn bộ nội dung lý thuyết (Bảng phụ lục đặc điểm nói - viết) và đáp án chi tiết

II. Thực hành phân tích đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết- VÒNG 3: GIẢI MÃ NGỮ LIỆU

1. Bài tập 1 (Trang 36, 37, 38 SGK) - Phân tích đặc điểm ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo:

- **Đoạn trích a (*Vợ nhặt* – Kim Lân)**: Tác giả thay vai liên tục từ người kể chuyện đến lời của nhân vật Tràng, thể hiện rõ tâm trạng của nhân vật Tràng khi thị bất ngờ xuất hiện. Trong lời thoại của nhân vật, tác giả sử dụng những từ cảm thán như: “À”, “Đấy”, “nhá”, “Hà” và những từ địa phương như “hăng”.

- **Đoạn trích b (*Chí Phèo* – Nam Cao)**: Tác giả sử dụng linh hoạt từ ngữ của văn nói như: “biết gì”, “oi”, “rồi”, “ai”, “chứ”, “đấy”,... → Thể hiện sự gian xảo trong lời nói và con người của bá Kiến, xoa dịu một Chí Phèo say rượu, hung hăng chỉ bằng vài câu nói ngắn; cho thấy sự đơn giản, dễ hiểu đôi khi lại có giá trị thuyết phục đối với người nghe cao hơn.

2. Bài tập 2 (Trang 38 SGK) - Phân tích các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết:

- **Đoạn trích (*Vợ nhặt* – Kim Lân)**: Dùng từ ngữ bình dị, gần gũi nhưng có sự dụng công trong việc trau chuốt từ ngữ, cấu trúc để gợi lên khung cảnh tang tóc, thê lương của xóm ngụ cư khi cái đói tràn về.

- **Đặc điểm từ và câu**: Sử dụng các câu văn ngắn, cách diễn đạt đơn giản (“Người chết như ngả rạ”, “Cái đói đã tràn đến xóm này từ lúc nào”...) kết hợp biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh và nhiều từ lấy mang ý nghĩa biểu tượng (“xác xơ”, “ngăn ngắt”, “úp súp”, “heo hút”...) nhằm gợi lên một khung cảnh rừng rợn, tiêu điều, đáng thương của con người trong nạn đói năm Ất Dậu.

III. Thực hành nói và viết phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ nói và viết - VÒNG 4: SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

của Bài tập 1, Bài tập 2 lên màn hình Tivi để học sinh ghi nhận vào vở. - GV dành 3 phút cuối bình giảng sâu sắc về giá trị ngôn từ: "Các em thân mến, dù là ngôn ngữ nói mộc mạc, sinh động trong lời thoại của nhân vật Tràng, bá Kiến; hay ngôn ngữ viết trau chuốt, tài hoa dưới ngòi bút tả cảnh đối của Kim Lân, và đặc biệt là sự đạt đến đỉnh cao tinh tế trong <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du – tất cả đều là tài sản vô giá của tiếng Việt. Thời đại công nghệ số mang đến cho các em những icon, những từ viết tắt nhanh gọn trên Zalo, Facebook. Điều đó không xấu, nhưng nó dễ làm nghèo nàn đi tâm hồn nếu các em quên mất cách nói lời hay, quên mất cách viết những câu văn chín chu, có trách nhiệm. Hãy biết thực hành ngôn ngữ một cách thông minh, phù hợp với từng ngữ cảnh để giữ gìn sự trong sáng của tiếng nước mình."	- Đội 1 - Sản phẩm thực hành dạng Ngôn ngữ nói: Bài thuyết trình nói trực tiếp trước lớp về nội dung: <i>Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện Kiều (Nguyễn Du)</i>, có sử dụng ngữ điệu, ánh mắt kết hợp phương tiện hỗ trợ đa phương tiện trực quan. - Đội 2 - Sản phẩm thực hành dạng Ngôn ngữ viết: Bản Poster/Infographic văn học số hóa chứa đoạn văn nghị luận trình bày cấu trúc câu chặt chẽ, từ ngữ trau chuốt về nội dung: <i>Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện Kiều (Nguyễn Du)</i>.
---	--

PHỤ LỤC: BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SÁNG TẠO (HS TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ CHÉO)

***Hướng dẫn học sinh sử dụng bảng kiểm tại lớp:**

- Bước 1: Trong lúc Đội 1 trình bày, tất cả thành viên Đội 2 (và ngược lại) sẽ cầm bảng kiểm này trên tay, tập trung quan sát và cho điểm vào cột bên phải. *Thang điểm: 10 điểm (Mỗi tiêu chí tối đa 2 điểm. Đạt hoàn hảo: 2đ | Đạt phần lớn: 1.5đ | Đạt trung bình: 1đ | Chưa đạt: 0.5đ)*

•

- Bước 2: Khi kết thúc vòng 4, đại diện các nhóm sẽ thu phiếu, thống nhất điểm số trung bình của nhóm mình dành cho nhóm bạn và đứng dậy đọc rõ lý do vì sao cho điểm ở tiêu chí số hóa hoặc tiêu chí ngôn ngữ.

- Bước 3: Ban giám khảo học sinh tổng hợp phiếu đánh giá chéo này cùng với điểm của giáo viên để đưa ra kết quả phân định thắng bại cuối cùng.

Tiêu chí đánh giá	ĐỘI 1: SẢN PHẨM NÓI(Thuyết trình kết hợp đa phương tiện)	ĐỘI 2: SẢN PHẨM VIẾT(Poster/Infographic văn học số hóa)	Điểm
1. Nội dung văn học	Bài nói làm bật lên được nét đặc sắc, vẻ đẹp ngôn từ tài hoa của Nguyễn Du trong <i>Truyện Kiều</i> .	Đoạn văn nghị luận có luận điểm rõ ràng; phân tích sâu sắc vẻ đẹp ngôn ngữ tinh tế trong <i>Truyện Kiều</i> .	 /2đ

Tiêu chí đánh giá	ĐỘI 1: SẢN PHẨM NÓI (Thuyết trình kết hợp đa phương tiện)	ĐỘI 2: SẢN PHẨM VIẾT (Poster/Infographic văn học số hóa)	Điểm
2. Đặc trưng thể loại	Sử dụng đúng đặc điểm ngôn ngữ nói : Ngữ điệu sinh động, tự nhiên; phối hợp cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt hướng về người nghe.	Sử dụng đúng đặc điểm ngôn ngữ viết : Từ ngữ chọn lọc, trau chuốt; câu văn mạch lạc, chặt chẽ, không bị lỗi "viết như nói".	 /2đ
3. Kỹ thuật số hóa (3.1.NC1a)	Sử dụng thành thạo thiết bị để trình chiếu video/hình ảnh minh họa; các yếu tố nghe - nhìn phối hợp nhịp nhàng, đúng thời điểm với bài nói.	Thiết kế hình thức Poster/Infographic bằng công cụ số (Canva/PPT) cân đối; bố cục rõ ràng; font chữ dễ đọc; xuất file chất lượng nét.	 /2đ
4. Thẩm định tư liệu (1.2.NC1a)	Ngữ liệu trích dẫn thơ Kiều chuẩn xác; có chứng minh được việc tra cứu từ nguồn tư liệu chính thống trực tuyến.	Hệ thống từ ngữ, văn bản trích dẫn trong bài viết chính xác tuyệt đối; có ghi rõ nguồn trích dẫn uy tín trên poster.	 /2đ
5. Tương tác & Phản biện	Bản lĩnh khi đứng trước đám đông; trả lời sắc bén, thuyết phục các câu hỏi chất vấn từ đội bạn.	Cách dàn trang trực quan giúp người đọc dễ tiếp cận; giải trình tự tin trước những lời nhận xét về cấu trúc câu chữ.	 /2đ
TỔNG ĐIỂM	Sản phẩm đạt yêu cầu khi tổng điểm từ 7.0 trở lên và không có tiêu chí nào dưới 1.0 điểm.		 /10đ

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

Năng lực Ngôn ngữ (Đặc thù): HS vận dụng các kiến thức về đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để thực hành chuyển đổi linh hoạt từ văn bản kịch bản (ngôn ngữ viết) sang lời thoại, cử chỉ, điệu bộ trong diễn xuất thực tế đời sống (ngôn ngữ nói).

- **Phát triển Năng lực số (NLS):** HS biết cách sử dụng và tương tác với công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI Chatbot như Gemini/ChatGPT) để tìm kiếm ý tưởng, tham khảo cấu trúc kịch bản, đồng thời thực hiện phản biện và chỉnh sửa nội dung thoại nhằm đảm bảo sự phù hợp và chính xác cho nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung hoạt động:

HS phối hợp tương tác công nghệ tại nhà để viết kịch bản và thực hành diễn xuất tình huống thực tiễn tại lớp

c. Sản phẩm:

- **Sản phẩm văn học:** Bản kịch bản giấy của nhóm và phần diễn xuất trực tiếp của học sinh tại lớp.

- **Sản phẩm số:** Câu lệnh (prompt) tương tác và nội dung gợi ý kịch bản từ AI được học sinh lưu lại trong vở soạn bài

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ dự án nhỏ thực hiện tại nhà theo nhóm bàn: Xây dựng và biểu diễn tiểu phẩm ngắn (3 - 5 phút) về chủ đề: "Ước mơ làm nhà văn". - GV hướng dẫn các nhóm khi xây dựng kịch bản tại nhà, hãy thử nhập câu lệnh (prompt) vào AI Chatbot để tham khảo ý tưởng. <i>Ví dụ câu lệnh: "Hãy gợi ý một kịch bản đối thoại ngắn 3 phút giữa hai mẹ con, người con muốn làm nhà văn nhưng còn e ngại, người mẹ thấu hiểu và cổ vũ con. Sử dụng từ ngữ gần gũi, khẩu ngữ đời thực".</i> - GV quán triệt: HS chỉ dùng AI để lấy ý tưởng khơi nguồn cảm hứng, sau đó phải tự tay viết và gọt giũa kịch bản theo cảm xúc chân thực của mình, tránh lạm dụng, sao chép nguyên bản của máy. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm) - Các nhóm truy cập công cụ AI, tương tác để nhận gợi ý kịch bản, ghi chép lại câu lệnh và kết quả phản biện vào vở soạn bài (6.3.NC1b). - Nhóm tiến hành viết kịch bản chính thức ra giấy (Ngôn ngữ viết), phân vai và tập luyện lời thoại, kết hợp cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt (Ngôn ngữ nói) để chuẩn bị biểu diễn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm lên bục giảng tự tin thể hiện vở kịch trực tiếp. - Các nhóm còn lại chú ý quan sát, lắng nghe lời thoại, ngữ điệu và sử dụng Phiếu đánh giá/Bảng kiểm bằng giấy để nhận xét, phản biện trực tiếp bằng lời nói. Bước 4: Đánh giá kết luận	1. Ý tưởng cốt lõi: - <i>Tình huống:</i> Nhân vật A muốn làm nhà văn, người mẹ tình cờ biết được ước muốn đó. - <i>Nhân vật:</i> + A: Đam mê văn thơ, có sáng tác riêng nhưng còn e ngại, chỉ dám tâm sự với mẹ. + Mẹ A: Ủng hộ ước mơ, lắng nghe, góp ý sửa sai và tiếp thêm động lực cho con. 2. Học liệu số hình thành tại nhà: - Minh chứng câu lệnh tương tác và phần tự gọt giũa kịch bản từ gợi ý của AI trong vở soạn . 3. Sản phẩm thực tế tại lớp: - Bản kịch bản văn học bằng giấy của nhóm. - Lời thoại sinh động, mộc mạc (ngôn ngữ nói) kết hợp ngữ điệu, ánh mắt, cử chỉ xuất thần của các diễn viên học sinh trên bục giảng.

- GV nhận xét phần diễn xuất của HS; khen ngợi năng lực chuyển đổi nhuần nhuyễn từ ngôn ngữ viết (kịch bản) sang ngôn ngữ nói (diễn xuất) cùng các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, nét mặt). - GV đánh giá cao các nhóm có tư duy phản biện tốt, biết dùng AI để hỗ trợ học tập một cách thông minh, lành mạnh chứ không phụ thuộc. GV tuyên dương, cộng điểm khuyến khích cho sản phẩm tốt.	
--	--

BẢNG KIỂM: ĐÁNH GIÁ DIỄN XUẤT CỦA CÁC NHÓM

Tiêu chí đánh giá	Mức độ 1: Chưa đạt(1 điểm)	Mức độ 2: Khá(2 điểm)	Mức độ 3: Tốt(3 điểm)	Điểm nhóm chấm
1. Kịch bản văn học (Ngôn ngữ viết)	Kịch bản quá ngắn hoặc sơ sài; cốt truyện rời rạc; mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ.	Kịch bản có cấu trúc rõ ràng, thể hiện đúng tình huống "Ước mơ làm nhà văn"; câu từ mạch lạc.	Cốt truyện hấp dẫn, có chiều sâu nhân văn; lời thoại nhân vật gọt giũa chín chu, kết cấu câu chặt chẽ.	 /3đ
2. Diễn xuất & Thoại (Ngôn ngữ nói)	HS đọc lại kịch bản, nói lí nhí; không có sự phối hợp cử chỉ, nét mặt; lời thoại bị lấp bấp.	HS thuộc bài, nói to, rõ ràng; bước đầu biết phối hợp điệu bộ, ánh mắt phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.	Lời thoại tự nhiên, giàu cảm xúc; làm bật lên sự đối lập giữa tính cách nhân vật; cử chỉ, nét mặt xuất thần.	 /3đ
3. Sáng tạo & Tập thể (Năng lực chung)	Bối cảnh sơ sài; các thành viên phối hợp thiếu nhịp nhàng; tiểu phẩm bị quá hoặc thiếu thời gian quy định.	Có chuẩn bị đạo cụ cơ bản; các vai diễn phối hợp ăn ý; thời lượng đảm bảo từ 3 - 5 phút.	Đạo cụ, bối cảnh sáng tạo; thông điệp ý nghĩa, tạo được cảm xúc sâu sắc cho người xem; phối hợp nhóm hoàn hảo.	 /3đ
+ Điểm thưởng Năng lực số	<i>Không chấm mức độ.</i> Cộng ngay 1.0 điểm nếu nhóm trình bày được minh chứng (chụp ảnh/ghi lại trong vở soạn) câu lệnh prompt thông minh	 /1đ		

Tiêu chí đánh giá	Mức độ 1: Chưa đạt(1 điểm)	Mức độ 2: Khá(2 điểm)	Mức độ 3: Tốt(3 điểm)	Điểm nhóm chấm
(Minh chứng tương tác AI) (6.3.NC1b)	và cách nhóm tự phản biện, gọt giũa kịch bản dựa trên gợi ý của AI Chatbot.			
TỔNG ĐIỂM SẢN PHẨM	(Cộng điểm của cả 4 mục trên để ra kết quả cuối cùng)			 /10đ

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Hệ thống hóa kiến thức (Củng cố): Học sinh tự vẽ sơ đồ tư duy tổng kết các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Khuyến khích sử dụng các công cụ sơ đồ tư duy số (như Coggle, MindMup, Canva) hoặc vẽ tay chụp ảnh rõ nét rồi tải lên không gian lưu trữ dùng chung của lớp (3.1.NC1a).

2. Hoàn thành bài tập (Vận dụng mở rộng): Xem lại kịch bản tiểu phẩm "Ước mơ làm nhà văn" của nhóm, tự soát lại các lỗi chính tả, lỗi dùng từ khẩu ngữ khi viết để đảm bảo tính chuẩn xác của ngôn ngữ viết (Tránh lỗi viết như nói).

3. Chuẩn bị bài mới (Chủ động tra cứu):

- Đọc trước nội dung bài: *Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả).*

- Sử dụng thiết bị số truy cập Internet để tìm kiếm, đọc trước một số bài văn nghị luận mẫu uy tín trên các trang văn học chính thống nhằm nhận diện cấu trúc và ngôn ngữ của kiểu bài nghị luận này (1.1.NC1b).

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động khởi động	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và thuyết trình trước lớp.	1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số: Học sinh sử dụng máy tính hoặc điện thoại thông minh để truy cập Internet, chủ động tra cứu và thu thập các đoạn hội thoại thực tế (tin nhắn mạng xã hội, bình luận trực tuyến) hoặc các văn bản chính thống để làm ngữ liệu phân tích.

2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: Học sinh thực hiện thao tác chụp ảnh bài làm trên giấy của nhóm để chia sẻ và hiển thị trực quan sản phẩm trên màn hình Tivi lớp học, phục vụ công tác báo cáo và thảo luận.
---	--------------------------------	---	--

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN
(Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực Ngữ văn (Đặc thù):

- **Năng lực Viết (Năng lực ngôn ngữ):** HS vận dụng được kiến thức về thể loại (truyện) và kiểu bài (nghị luận) để tạo lập văn bản có luận điểm rõ ràng, lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác thực nhằm phân tích đặc điểm cách kể của tác giả.
- **Năng lực Thẩm mỹ:** HS cảm thụ được vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm (cách tạo tình huống, hình tượng người kể chuyện, giọng điệu...) và thể hiện được tư duy đánh giá cá nhân thông qua văn bản nghị luận.

c. Năng lực số:

- **1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số:** HS chủ động sử dụng công cụ trực tuyến để truy xuất, thu thập tư liệu văn học chính thống phục vụ quá trình triển khai luận điểm.
- **1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** HS thể hiện năng lực sàng lọc, đối chiếu để chọn lọc nguồn thông tin đáng tin cậy trên môi trường số, đảm bảo tính chuẩn xác của các dẫn chứng nghị luận.
- **3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** HS ứng dụng phần mềm văn phòng/công cụ tư duy số để cấu trúc dàn ý, biên tập và tối ưu hóa văn bản nghị luận trước khi xuất bản/chia sẻ.

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp, giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá.
- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Máy tính kết nối Internet, máy chiếu/Tivi lớp học.
- Thiết bị số cá nhân/nhóm (Điện thoại thông minh/Máy tính bảng) phục vụ tra cứu và biên tập dàn ý số.
- Giấy A0 hoặc bảng phụ (tùy chọn phương án truyền thống).

2. Học liệu:

- SGK Ngữ văn 11, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo.

- Hệ thống các trang mạng văn học chính thống (Văn học và Tuổi trẻ, các bài phê bình của Viện Văn học...).
- Phiếu học tập, Rubric đánh giá bài viết dạng bản in hoặc bản số.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế thoải mái, kết nối tri thức và định hướng cho học sinh về yêu cầu của kiểu bài nghị luận về cách kể của tác giả.
- Tích hợp NLS: Biết cách dùng thiết bị để truy cập, tiếp nhận dữ liệu văn bản từ môi trường số (**1.1.NC1b**); thực hiện số hóa học liệu ở mức độ đơn giản để báo cáo (**3.1.NC1a**).

b. Nội dung hoạt động:

GV hướng dẫn HS sử dụng thiết bị số để truy cập, đọc hai truyện ngắn tư liệu, thảo luận cặp đôi để thực hiện phiếu đối sánh về cách kể chuyện.

c. Sản phẩm:

- *Sản phẩm văn học*: Phiếu đối sánh bằng giấy của các cặp đôi.
- *Sản phẩm số*: Ảnh chụp phiếu học tập của các cặp đôi được tải lên thư mục dùng chung của lớp (**3.1.NC1a**).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm															
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu mã QR hoặc đường link rút gọn dẫn đến file PDF chứa nội dung hai truyện ngắn tư liệu (Truyện ngắn 1 và Truyện ngắn 2 - Phụ lục 1) lên màn hình Tivi. - GV phát Phiếu học tập đối sánh bằng giấy cho các cặp đôi. - Yêu cầu: Mỗi cặp đôi sử dụng 01 điện thoại, quét mã QR để truy cập và cùng nhau đọc tư liệu trực tuyến (1.1.NC1b), sau đó thảo luận điền vào phiếu giấy.			- Điểm chung: Cả 2 truyện ngắn đều viết về đôi bàn tay con người. - Nội dung: + Truyện 1: Cuộc chuyện trò của 2 ông cháu về ý nghĩa đôi bàn tay + Truyện 2: Nỗ lực xin việc của một chàng trai được trả giá xứng đáng khi hiểu ra ý nghĩa đôi bàn tay của mẹ - Mạch truyện: + Truyện 1: ++ Những đối thoại của 2 ông cháu về tác dụng của đôi tay. ++ Gọi mở về đôi bàn tay của những người lao động. + Truyện 2: ++ Một sinh viên trẻ xuất sắc đi xin việc nhưng công ty chưa nhận ngay vì anh chưa hiểu hết được ý nghĩa đôi tay mẹ. ++ Hôm sau, anh được nhận vào làm sau khi trực tiếp rửa tay cho mẹ, làm															
<table><tr><th>Tiêu chí đối sánh</th><th>Truyện ngắn 1</th><th>Truyện ngắn 2</th></tr><tr><td>Điểm chung</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Nội dung</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Mạch truyện</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Vẻ đẹp</td><td></td><td></td></tr></table>				Tiêu chí đối sánh	Truyện ngắn 1	Truyện ngắn 2	Điểm chung			Nội dung			Mạch truyện			Vẻ đẹp		
Tiêu chí đối sánh	Truyện ngắn 1	Truyện ngắn 2																
Điểm chung																		
Nội dung																		
Mạch truyện																		
Vẻ đẹp																		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện quét mã, truy cập đọc hai truyện ngắn trên màn hình thiết bị số (1.1.NC1b).																		

- HS thảo luận cặp đôi, phân tích điểm chung về đề tài và điểm khác biệt về mạch truyện, nội dung của hai tác giả để hoàn thiện phiếu giấy. - Khi hết giờ, đại diện cặp đôi dùng điện thoại chụp lại ảnh phiếu giấy gửi vào nhóm Zalo/Padlet lớp (3.1.NC1a). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mở giao diện nhóm lớp trên Tivi, chọn ngẫu nhiên ảnh chụp sản phẩm của 2 cặp đôi để cả lớp cùng quan sát (3.1.NC1a). - Đại diện cặp đôi được chọn đứng tại chỗ thuyết minh ngắn gọn về kết quả đối sánh bằng lời nói trực tiếp. - Các cặp đôi khác lắng nghe, phản biện và bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét thái độ hợp tác và kỹ năng thao tác học liệu số nhanh gọn của các cặp đôi (3.1.NC1a). - GV chuẩn hóa nội dung (Dự kiến sản phẩm cột bên phải) và dẫn dắt vào bài mới: <i>"Như các em đã thấy, cùng viết về đôi bàn tay, nhưng Truyện 1 là một cuộc đối thoại trực tiếp đầy gợi mở, còn Truyện 2 lại là một cốt truyện có thắt nút, mở nút độc đáo với mạch trần thuật đi từ bất ngờ này đến xúc động khác. Mỗi nhà văn đều có một 'vũ khí bí mật' – đó chính là CÁCH KỂ CHUYỆN (ngôi kể, điểm nhìn, xây dựng cốt truyện, giọng điệu...). Để giúp người đọc thấy được cái hay, cái tài của nhà văn qua những kỹ thuật ấy, chúng ta cần biết cách viết một văn bản nghị luận văn học chuẩn. Hôm nay chúng ta cùng vào bài: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện - Những đặc điểm trong cách kể của tác giả."</i>	công việc của mẹ và hiểu được ý nghĩa của nó. - Vẽ đẹp: Mỗi truyện hay theo cách riêng.(HS thể hiện quan điểm cá nhân)
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu

- Nhận diện và phân biệt được yêu cầu của kiểu bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả) với kiểu bài phân tích chủ đề, nhân vật.
- Tích hợp NLS: Biết cách ứng dụng phần mềm văn phòng/thiết kế sơ đồ số (như Canva, sơ đồ tư duy) để lập bảng so sánh và chia sẻ dữ liệu trong nhóm (3.1.NC1a).

b. Nội dung hoạt động

HS đọc mục yêu cầu trong SGK/39, thảo luận nhóm bàn và sử dụng thiết bị số để xây dựng sơ đồ/bảng so sánh đối chiếu hai kiểu bài.

c. Sản phẩm

- *Sản phẩm văn học*: Câu trả lời của học sinh về đặc điểm cốt lõi thiên về nghệ thuật của kiểu bài mới.
- *Sản phẩm số*: Sơ đồ/bảng đối sánh số hiển thị trực quan trên Tivi lớp học của các nhóm (3.1.NC1a).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc mục yêu cầu trong SGK/39. - GV giao nhiệm vụ thảo luận nhóm bàn: Sử dụng 01 điện thoại/máy tính bảng của nhóm để truy cập vào link công cụ vẽ sơ đồ dùng chung do GV thiết lập (hoặc dùng Canva), cùng nhau hoàn thiện sơ đồ đối sánh dựa trên 2 câu hỏi định hướng (3.1.NC1a): + Câu 1: Bài viết nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả) cần đáp ứng những yêu cầu gì? + Câu 2: Những yêu cầu này khác gì (khác biệt cốt lõi) so với bài nghị luận phân tích chủ đề và nhân vật đã học? - <i>Kỷ luật số</i>: Chỉ mở đúng ứng dụng làm sơ đồ nhóm, không làm việc riêng trực tuyến. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK, thảo luận trực tiếp bằng lời nói để chốt lọc từ khóa. - Đại diện các nhóm thao tác trên thiết bị số để kéo thả, xây dựng sơ đồ đối sánh tư duy giữa hai kiểu bài và nhấn gửi sản phẩm về cho giáo viên (3.1.NC1a). Bước 3: Báo cáo, thảo luận	Yêu cầu khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề và nhân vật): - Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm. - Nêu nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm. - Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm. - Phân tích mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm. - Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật. - Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân.  Thiên về khía cạnh nội dung	Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả): - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích) - Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...) - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lý lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ. - Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.  Thiên về khía cạnh nghệ thuật

- GV mở link tổng hợp sản phẩm trên máy tính kết nối Tivi lớp học, chọn trình chiếu sơ đồ của 2 nhóm xuất sắc nhất (3.1.NC1a). - Đại diện nhóm đứng tại chỗ báo cáo, nhấn mạnh vào sự chuyển dịch trọng tâm từ "Nội dung" sang "Nghệ thuật trần thuật". - HS các nhóm khác quan sát màn hình, nghe và nhận xét trực tiếp bằng lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét sản phẩm, biểu dương tư duy hệ thống và kỹ năng làm chủ công cụ thiết kế số của các nhóm (3.1.NC1a). - GV chốt bảng kiến thức chuẩn lên màn hình Tivi để học sinh tự đối chiếu ghi nhớ:	
--	--

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- Hiểu được bố cục, trình tự lập luận và mạch triển khai ý của văn bản nghị luận mẫu về nghệ thuật tự sự trong truyện ngắn.
- Tích hợp NLS: Biết cách ứng dụng công cụ sơ đồ số hoặc bảng tương tác (như Canva, Jamboard, MindMup) để trực quan hóa mạch logic của văn bản nghị luận mẫu phục vụ báo cáo nhóm **(3.1.NC1a).**

b. Nội dung hoạt động:

HS đọc bài viết tham khảo trong SGK trang 39 - 43, thảo luận nhóm bốn để trả lời câu hỏi và sử dụng thiết bị số để sơ đồ hóa mạch triển khai các ý của bài viết mẫu.

c. Sản phẩm:

- *Sản phẩm văn học*: Câu trả lời của HS về các phương diện nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa*.
- *Sản phẩm số*: Sơ đồ tư duy số hóa mạch triển khai ý của văn bản tham khảo hiển thị trên Tivi lớp học **(3.1.NC1a).**

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tự đọc thầm bài viết tham khảo "<i>Một vài nét về nghệ</i>	Bài viết tham khảo: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn <i>Đời thừa</i>.

<i>thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa</i>" (SGK trang 39 - 43) theo hệ thống chỉ dẫn bên phải văn bản. - GV chia nhóm 4 học sinh và giao nhiệm vụ: Sử dụng 01 thiết bị số của nhóm để truy cập vào không gian thiết kế chung do GV cung cấp, thảo luận và cùng nhau xây dựng một sơ đồ tư duy số hóa thể hiện mạch triển khai các ý của bài viết tham khảo dựa trên 3 câu hỏi định hướng (3.1.NC1a): 1. <i>Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý nào?</i> 2. <i>Khi phân tích từng phương diện, tác giả bài viết đi theo trình tự lập luận nào?</i> 3. <i>Hãy sắp xếp và kết nối các chặng triển khai ý của bài viết thành một sơ đồ mạch logic.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản mẫu độc lập, sau đó thảo luận nhóm để chốt lọc luận điểm, luận cứ. - Các nhóm thao tác trên thiết bị số để xây dựng sơ đồ chuỗi lập luận của văn bản tham khảo (từ mở bài, thân bài đến kết bài) và nộp sản phẩm trực tuyến về cho giáo viên (3.1.NC1a). - GV quan sát, đôn đốc các nhóm hoàn thành đúng hạn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV trình chiếu sơ đồ số mạch triển khai ý của 2 nhóm lên màn hình Tivi (3.1.NC1a). - Đại diện nhóm đứng tại chỗ trình bày về trình tự phân tích một phương diện nghệ thuật tự sự (Mô tả → Chỉ chức năng → Đánh giá hiệu quả).	1. Những phương diện đáng chú ý về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa: - Tổ chức mạch truyện. - Người kể chuyện. - Lối trần thuật hướng nội. - Thái độ của người kể với nhân vật. - Lối trần thuật. 2. Trình tự phân tích từng phương diện nghệ thuật tự sự trong Đời thừa: - Miêu tả yếu tố đó (người kể chuyện trong truyện ở ngôi thứ mấy, trần thuật theo điểm nhìn nào). - Chỉ ra chức năng, vai trò của yếu tố đó (Người kể chuyện giúp người đọc hình dung được thế giới nội tâm của nhân vật Hộ đang trải qua những xung đột gì; thái độ của người kể chuyện với nhân vật có điều gì đáng chú ý). - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật của yếu tố đó (qua người kể chuyện, Nam Cao thể hiện cái nhìn sâu sắc như thế nào về đời sống, về con người). 3. Sơ đồ mạch triển khai các ý: - Giới thiệu tác phẩm và phương diện nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích. - Mô tả và đánh giá cách Nam Cao kiến tạo truyện kể. - Chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện ngắn (ngôi kể và điểm nhìn). - Phân tích vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lối trần thuật trong việc khắc họa nhân vật. - Chỉ ra mối liên hệ giữa người kể chuyện trong tác phẩm với nhà văn. - Đánh giá giá trị của tác phẩm
--	--

- HS các nhóm khác quan sát màn hình, lắng nghe, nhận xét chéo bằng lời nói trực tiếp. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét sản phẩm sơ đồ tư duy số của các nhóm, đánh giá cao khả năng bóc tách mạch lập luận văn học của học sinh (3.1.NC1a). - GV chuẩn hóa kiến thức chuẩn lên màn hình Tivi	
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Học sinh hiểu và thực hành thuần thục các thao tác chính trong quy trình viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (trọng tâm là những đặc điểm trong cách kể của tác giả).
- Tích hợp NLS:
 - + Biết dùng công cụ tìm kiếm trực tuyến để thu thập, sàng lọc các bài phê bình, hoàn cảnh sáng tác chính thống từ các nguồn mạng uy tín phục vụ chặng Chuẩn bị và Tìm ý.
 - + Biết ứng dụng phần mềm biên tập văn bản/sơ đồ để thiết kế dàn ý nhóm và số hóa bài viết cá nhân.

b. Nội dung: HS lựa chọn đề tài, thực hành tra cứu dữ liệu số để tìm ý, lập dàn ý nhóm bàn và tiến hành viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh.

c. Sản phẩm:

- *Sản phẩm văn học:* Nội dung phiếu học tập cá nhân; dàn ý chi tiết và bài viết văn bản nghị luận.
- *Sản phẩm số:* Link dàn ý số dạng sơ đồ tư duy; tệp văn bản (Word/Docs) bài viết đã được rà soát lỗi chính tả tự động.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
1. CHẶNG 1: CHUẨN BỊ VIẾT Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra 3 đề bài tham khảo lên màn hình Tivi (Chất thơ trong <i>Dưới bóng hoàng lan</i> ; Tình huống truyện trong <i>Chữ người tử tù</i> ; Nghệ thuật tự sự trong <i>Một chuyện đùa nho nhỏ</i>). - GV phát Phiếu học tập số 1 bằng giấy. Yêu cầu HS chọn 1 đề bài và sử dụng điện thoại thông minh để tra cứu nhanh văn bản gốc hoặc các thông tin chung về tác phẩm trên Internet (1.1.NC1b).	1. Chuẩn bị viết: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
	Hướng dẫn	Thực hành	Kết quả
	1. Bạn ấn tượng về cách kể chuyện trong tác phẩm truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) nào?		
	2. Xem xét một số yếu tố nghệ thuật của truyện	a. Tác phẩm truyện đó mang đặc sắc gì trong nghệ thuật xây dựng tình huống và xây dựng nhân vật? b. Nêu đặc điểm, vai trò và chức năng của người kể	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân, tra cứu trực tuyến để thu thập thông tin chuẩn xác về ngôi kể, tình huống hoặc hệ thống sự kiện của truyện đã chọn (1.1.NC1b). - HS sàng lọc nguồn tư liệu tin cậy (tránh các trang giải văn mẫu không chính thống) và ghi kết quả nhận diện vào Phiếu học tập số 1 (1.2.NC1a). Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 HS đứng tại chỗ chia sẻ nhanh kết quả ấn tượng ban đầu về cách kể chuyện của tác phẩm và nguồn mạng văn học mà các em vừa tiếp cận (1.2.NC1a). Bước 4: Đánh giá, kết luận Đánh giá, kết luận: GV nhận xét về kỹ năng định vị thông tin, thẩm định học liệu số của học sinh và chuyển sang bước tiếp theo (1.2.NC1a). 2. CHẶNG 2: TÌM Ý VÀ LẬP DÀN Ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm (4 HS/nhóm). Nhóm 1, 2 thực hiện nhiệm vụ Tìm ý (Phiếu số 2); Nhóm 3, 4 thực hiện nhiệm vụ Lập dàn ý (Phiếu số 3). - Nhiệm vụ số hóa (3.1.NC1a): Thay vì viết giấy A0, các nhóm sử dụng thiết bị số truy cập vào link thiết kế sơ đồ tư duy chung (Canva/MindMup) để cùng nhau đồng biên tập, kéo thả và hoàn thiện sơ đồ dàn ý của nhóm mình. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc gợi ý tìm ý/lập dàn ý trong SGK.	(Một truyện có thể có một trong các yếu tố hoặc có tất cả các yếu tố)	chuyện trong tác phẩm truyện đó. c. Xem xét cách xây dựng truyện kể của tác phẩm truyện (cách tổ chức hệ thống sự kiện, điểm nhìn, lời văn,...) đó												
	2. Tìm ý, lập dàn ý: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 <table><tr><th>Hướng dẫn</th><th>Thực hành</th></tr><tr><td>1. Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, mối liên hệ giữa tác phẩm với nhà văn cùng bối cảnh thời đại và các khuynh hướng, trường phái văn học nghệ thuật liên quan.</td><td></td></tr><tr><td>2. Xác định những phương diện cụ thể trong cách kể chuyện của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu vào phân tích.</td><td></td></tr><tr><td>3. Phân tích hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc.</td><td></td></tr><tr><td>4. Đánh giá giá trị của tác phẩm bạn đã chọn trên phương tiện nghệ thuật: + Tác phẩm có vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nghệ sĩ? + Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mỹ mới mẻ thế nào?</td><td></td></tr></table>				Hướng dẫn	Thực hành	1. Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, mối liên hệ giữa tác phẩm với nhà văn cùng bối cảnh thời đại và các khuynh hướng, trường phái văn học nghệ thuật liên quan.		2. Xác định những phương diện cụ thể trong cách kể chuyện của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu vào phân tích.		3. Phân tích hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc.		4. Đánh giá giá trị của tác phẩm bạn đã chọn trên phương tiện nghệ thuật: + Tác phẩm có vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nghệ sĩ? + Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mỹ mới mẻ thế nào?	
	Hướng dẫn	Thực hành												
1. Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, mối liên hệ giữa tác phẩm với nhà văn cùng bối cảnh thời đại và các khuynh hướng, trường phái văn học nghệ thuật liên quan.														
2. Xác định những phương diện cụ thể trong cách kể chuyện của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu vào phân tích.														
3. Phân tích hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc.														
4. Đánh giá giá trị của tác phẩm bạn đã chọn trên phương tiện nghệ thuật: + Tác phẩm có vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nghệ sĩ? + Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mỹ mới mẻ thế nào?														
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 <table><tr><th>Hướng dẫn</th><th>Thực hành</th></tr><tr><td>1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết</td><td></td></tr><tr><td>2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.</td><td></td></tr><tr><td>3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài:</td><td></td></tr></table>				Hướng dẫn	Thực hành	1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết		2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.		3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài:				
Hướng dẫn	Thực hành													
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết														
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.														
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài:														

- Các thành viên trong nhóm thảo luận trực tiếp, đồng thời thao tác trên không gian số để hoàn thiện kết cấu 3 phần (Mở bài - Thân bài phân tích theo trình tự 3 bước - Kết bài) thành sơ đồ trực quan (3.1.NC1a). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV kết nối máy tính trình chiếu sơ đồ dàn ý số của 1 nhóm Tìm ý và 1 nhóm Lập dàn ý lên Tivi (3.1.NC1a). Các nhóm khác dùng lời nói để nhận xét, phản biện về tính logic của hệ thống luận điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận Đánh giá, kết luận: GV chỉnh sửa trực tiếp trên file sơ đồ số của HS để chốt khung dàn ý mẫu mực (3.1.NC1a).	+ Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. + Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ. - Thân bài: Căn cứ vào việc xác định các yếu tố làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện mà bạn chọn phân tích, triển khai bài viết thành các luận điểm tương ứng. Khi phân tích các yếu tố này, có thể đi theo các trình tự: + B1: miêu tả yếu tố đó, + B2: chỉ ra chức năng, vai trò của nó; + B3: đánh giá hiệu quả của nó,... - Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.	
3. CHẶNG 3: VIẾT Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào dàn ý đã thống nhất để viết một đoạn văn (hoặc bài văn hoàn chỉnh tùy thời lượng) vào vở ghi hoặc gõ trực tiếp trên máy tính/điện thoại cá nhân (3.1.NC1a). - <i>GV nhắc nhở tiêu chuẩn văn học:</i> Triển khai đoạn văn có câu chủ đề; dẫn lời văn/chi tiết minh họa tốt; kết hợp hài hòa giữa lý và tình. - <i>GV nhắc nhở tiêu chuẩn số:</i> Sử dụng tính năng kiểm tra lỗi chính tả/ngữ pháp tự động trên phần mềm soạn thảo trước khi hoàn thành (3.1.NC1a). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS tập trung cao độ thực hiện bài viết cá nhân. (Nếu gõ máy, HS bật	3. Viết: DÀN Ý THAM KHẢO (Phụ lục 2 bên dưới)	

chế độ soát lỗi để tự tinh chỉnh văn bản) (3.1.NC1a). Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 HS đọc bài viết trực tiếp (hoặc gửi file bài viết số lên màn hình lớp học để cả lớp cùng nhìn) (3.1.NC1a). HS khác nhận xét về cách dùng từ gọt giũa, lối hành văn nghị luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá bài viết dựa trên Rubric định lượng và chốt lại những lưu ý quan trọng khi phân tích đặc điểm cách kể của tác giả.	
--	--

Phụ lục 1:

Truyện 1: ĐÔI TAY ĐỂ LÀM GÌ

Bé Bi; rất thân với ông nội. Hàng ngày Bi thường trò chuyện cùng ông. Một lần, ông nội hỏi Bi:

- Con người cần có đôi tay để làm gì?

Bi đáp:

- Để chơi banh ông ạ!
- Thế còn để làm gì nữa?
- Để cầm muỗng ăn cơm nữa ông nội ơi!

Nhìn Bi âu yếm, ông lại hỏi:

- Còn để làm gì nữa nào?

Nghĩ một chút rồi Bi lại nói:

- Ông nội ơi, còn để vuốt ve con mèo phải không ạ?

Nghe Bi hỏi, ông nội gật gật đầu rồi lại hỏi:

- Ô, Bi nghĩ kĩ xem, đôi tay còn để làm gì nữa không?
- À à để ném hòn sỏi xuống sông nữa ông ơi!

Suốt buổi chiều, bé Bi trò chuyện với ông về đôi tay. Nó nói đúng cả đấy nhưng chỉ nói về mỗi đôi tay của nó thôi.

Thế còn đôi tay của ba, của mẹ, đôi tay của các cô chú công nhân, của cô giáo, của các bác sĩ, của các chú bộ đội và những người lao động khác thì để làm gì nhỉ? Đố bé biết đấy!

(Thái Hà phỏng theo truyện cùng tên của E.Permiak - Liên Xô)

Truyện 2: Đôi bàn tay của mẹ!

Có một chàng trai trẻ vừa tốt nghiệp Đại học loại xuất sắc nộp đơn dự tuyển vào một vị trí quản lý tại một công ty lớn.

Anh ta vượt qua các vòng đầu tiên. Đến vòng cuối cùng, đích thân ông Giám đốc phỏng vấn để đưa ra quyết định cuối cùng. Ông Giám đốc phát hiện ra một điều từ CV của chàng trai trẻ rằng

trong suốt các năm học, anh ta luôn đạt thành tích học tập một cách xuất sắc. Từ trường Trung học cho đến khi vào Đại học và thi tốt nghiệp, không năm nào mà chàng trai này không đạt được danh hiệu xuất sắc.

Ông Giám đốc hỏi, “Anh có bao giờ nhận được học bổng từ trường không”. “Không bao giờ”, chàng trai trả lời. Ông Giám đốc bèn hỏi tiếp, “Vậy là cha anh đã trả toàn bộ học phí cho anh phải không?”. Chàng trai trẻ trả lời: “Cha tôi đã mất từ hồi tôi được một tuổi, toàn bộ số tiền học phí là do mẹ tôi gánh vác”.

“Vậy mẹ anh làm việc ở công ty nào?” Ông Giám đốc hỏi. Chàng trai trẻ bèn trả lời, “Mẹ tôi làm công việc giặt quần áo”.

Ông Giám đốc nghe vậy bèn đề nghị chàng trai trẻ đưa hai bàn tay ra cho ông xem. Hai bàn tay chàng trai khá đẹp và mềm mại. Ông Giám đốc hỏi: “Vậy trước đây có bao giờ anh giúp đỡ mẹ anh trong việc giặt quần áo chưa?”. “Chưa bao giờ”, chàng trai trẻ trả lời, “Mẹ tôi lúc nào cũng chỉ muốn tôi học và đọc thật nhiều sách. Hơn nữa, mẹ tôi có thể giặt quần áo nhanh hơn tôi.” Ông Giám đốc nghe thấy vậy bèn nói: “Tôi có một yêu cầu. Hôm nay lúc anh về nhà, hãy đi và rửa hai bàn tay của mẹ anh. Rồi hãy đến gặp tôi vào sáng ngày hôm sau”. Chàng trai trẻ cảm giác rằng cơ hội trúng tuyển của mình vào công ty này rất cao. Anh ta liền vui vẻ về nhà gặp mẹ và nói với bà hãy để anh ta rửa hai bàn tay của bà ngày hôm nay. Bà mẹ nghe vậy cảm thấy rất lạ, trong lòng bà dấy lên những cảm xúc vui buồn lẫn lộn, bà bèn đưa hai bàn tay mình ra cho chàng trai.

Chàng trai trẻ chậm chậm rửa sạch bàn tay của mẹ mình. Từng giọt nước mắt của chàng trai rơi xuống khi anh ta thực hiện công việc của mình. Lần đầu tiên chàng trai nhận ra rằng đôi bàn tay của mẹ mình thật là nhăn nheo, hơn nữa hai bàn tay còn chằng chịt những vết sẹo và chai sạn. Những vết sẹo này hẳn là rất đau đớn vì chàng trai cảm nhận được bà mẹ khế rùng mình mỗi khi chàng trai rửa chúng trong nước. Đây cũng là lần đầu tiên chàng trai trẻ nhận ra rằng chính đôi bàn tay này hàng ngày làm công việc giặt quần áo để có thể trang trải đủ tiền học phí của anh ta ở trường học. Những vết sẹo trên đôi bàn tay của bà mẹ cũng là cái giá cho kết quả đậu tốt nghiệp, cho những bằng điểm xuất sắc và cho cả tương lai của anh ta. Sau khi rửa sạch đôi bàn tay của bà mẹ, chàng trai trẻ lặng lẽ giặt nốt luôn chỗ quần áo còn lại trong ngày. Tối hôm đó, bà mẹ và chàng trai đã nói chuyện với nhau rất lâu.

Sáng ngày hôm sau, chàng trai trẻ quay lại công ty phỏng vấn. Ông Giám đốc nhận thấy nước mắt còn đọng trên khóe mắt của chàng trai trẻ bèn hỏi: “Anh có thể cho tôi biết anh đã làm gì và học được những gì ở nhà của anh ngày hôm qua không?”

Chàng trai trả lời: “Tôi đã rửa đôi bàn tay của mẹ tôi, và tôi cũng đã giặt nốt chỗ quần áo còn lại.”

Vậy anh hãy cho tôi biết cảm giác của anh như thế nào? Ông Giám đốc hỏi.

Chàng trai trẻ bèn trả lời trong nước mắt:

"Thứ nhất: Tôi hiểu được nhờ có mẹ mà tôi có được ngày hôm nay.

Thứ hai: Tôi hiểu được kiếm tiền vất vả đến như thế nào.

Thứ ba: Tôi đã nhận thức được sự quan trọng và giá trị của tình cảm gia đình."

Ông Giám đốc nói: “Đó chính xác là những gì tôi cần tìm ở một nhà quản lý. Tôi muốn tìm những ứng viên có thể nhận thức được sự giúp đỡ của những người khác, người có thể hiểu được

sự khó nhọc của người khác khi hoàn thành một công việc nào đó, và là người không đặt tiền bạc là mục đích sống duy nhất của mình. Xin chúc mừng. Anh đã được tuyển.”

Bàn tay của mẹ...cho con tất cả!

(Truyện ngắn ST)

Phụ lục 2:

DÀN Ý THAM KHẢO

Chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam)

1. Tìm hiểu đề:

Đề bài thuộc kiểu đề tự do - chỉ nêu chủ đề mà không bắt buộc về cách thức, phương pháp triển khai chủ đề đó. Chủ đề được nêu trong đề bài này là chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam). Về thực chất, có thể hiểu, đề bài yêu cầu phân tích để tìm ra những biểu hiện của chất thơ cũng như vai trò của nó trong việc tạo nên dấu ấn phong cách Thạch Lam và thành công của truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*. Để thực hiện yêu cầu này của đề bài, học sinh cần nắm vững, hiểu rõ khái niệm "chất thơ", chất thơ trong truyện ngắn để trên cơ sở đó xác định đúng và phân tích thấu đáo biểu hiện cũng như giá trị của chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*.

2. Dàn ý:

a. Mở bài:

- Đọc truyện ngắn Thạch Lam, dễ thấy cốt truyện của ông không có gì đặc biệt, thậm chí đôi khi đơn giản đến như không có. Nhân vật của ông cũng không thuộc vào những lớp người có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội. Vậy mà tác phẩm vẫn có được một sức truyền cảm lớn để có thể neo đậu lâu bền trong lòng người đọc, tạo nên một sức cuốn hút nhẹ nhàng mà da diết cho người đọc mỗi lần đọc lại, sống lại cùng với nó. Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sức truyền cảm, sự hấp dẫn, cuốn hút ấy chính là chất thơ lắng đọng lan toả từ những trang văn.

- Truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* ("Nắng trong vườn" - 1938) là một truyện ngắn giàu chất thơ.

b. Thân bài:

b.1. Chất thơ và chất thơ trong truyện ngắn:

- "Chất thơ": Tính chất trữ tình - tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng, tình cảm với vẻ đẹp của cách biểu hiện nó để có thể khơi gợi những rung động thẩm mỹ và tình cảm nhân văn.

- Chất thơ trong truyện ngắn: Được tạo nên khi nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế cái mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn.

- Một truyện ngắn (hoặc tác phẩm văn xuôi) được coi là giàu chất thơ khi mỗi bận tâm của người viết không đặt vào việc kể lại một biến cố, sự việc, hành động mà là việc làm bật lên một trạng thái của đời sống hoặc của tâm hồn con người.

b.2. Chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*:

- Nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn.

- Nhà văn xây dựng những nhân vật của mình đều nhuốm màu tâm trạng, đều mang vẻ đẹp mong manh dễ vỡ, tâm hồn đầy tinh tế dễ dàng rung động trước những biến đổi của cuộc sống.
- Tác phẩm của ông đều sáng ngời vẻ đẹp của tình người.
- Không có cốt truyện, mạch truyện không vận động theo mạch của những tình tiết, sự kiện mà vận động theo mạch cảm xúc, tâm trạng nhân vật.
- Bức tranh đời sống được tái hiện với sự đan xen, song hành và xâm nhập của cảm giác thực tại và hồi ức quá khứ mà dường như, cái nổi trội lên, chi phối sự vận động của mạch truyện lại là hành trình của những kí ức.

c. Kết bài:

- Truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*, từ hình thức nghệ thuật tới nội dung được biểu hiện đều chan chứa chất thơ - cái chất thơ được chưng cất từ đời sống bình dị, thường nhật bằng chính rung động của tâm hồn nhà văn, chất thơ toả ra từ tình yêu cái đẹp, từ cái nhìn tinh tế trước thiên nhiên, đời sống và niềm tin ở thiện căn của con người...
- Có thể nói, truyện *Dưới bóng hoàng lan* tựa như một bài thơ trữ tình, dù không thật giàu có sâu sắc về ý nghĩa xã hội thì vẫn "đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm, thơm lành và mát dịu" (Nguyễn Tuân). Đó vừa là giá trị riêng của tác phẩm, vừa là cốt cách văn chương của Thạch Lam để tạo ra một sức hấp dẫn bền lâu trong lòng độc giả.

Phụ lục 3:

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CÀN CỐ GẮNG(0 – 4.5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU(5.0 – 7.5 điểm)	XUẤT SẮC(8.0 – 10 điểm)	ĐIỂM
1. Hình thức & Kỹ thuật văn bản (Trọng số 3đ)	Bố cục rời rạc; chưa biết cách triển khai câu chủ đề; mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt.	Đủ bố cục 3 phần; các đoạn văn có câu chủ đề; diễn đạt dễ hiểu; mắc ít lỗi chính tả.	Lập luận sắc bén, trật tự logic; văn phong gọt giũa; ứng dụng phần mềm rà soát lỗi để văn bản sạch đẹp (3.1.NC1a).	 /3đ
2. Nội dung nghị luận (Trọng số 5đ)	Bài viết sơ sài; sa đà kể cốt truyện; không nêu được đặc điểm cách kể của tác giả.	Xác định đúng trọng tâm nghệ thuật (chất thơ/tình huống...); phân tích được vai trò và hiệu quả thẩm mỹ.	Luận điểm sâu sắc, làm nổi bật phong cách nhà văn; đi đúng quy trình: Miêu tả yếu tố → Chức năng → Hiệu quả nghệ thuật.	 /5đ
3. Minh chứng & Năng lực số (Trọng số 2đ)	Không chuẩn bị tư liệu; sao chép văn mẫu tràn lan trên mạng.	Có sử dụng thiết bị số để tra cứu thông tin nền về tác phẩm trước khi viết (1.1.NC1b).	Khai thác nguồn mạng uy tín để thu thập tư liệu; trích dẫn trung thực, không đạo văn, đính kèm link dẫn ý nhóm chuẩn xác (1.2.NC1a).	 /2đ

TIÊU CHÍ	CÀN CỐ GẮNG(0 – 4.5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU(5.0 – 7.5 điểm)	XUẤT SẮC(8.0 – 10 điểm)	ĐIỂM
TỔNG ĐIỂM	(Điểm tổng = Điểm 3 tiêu chí cộng lại)			 /10đ

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Viết được một văn bản nghị luận hoàn chỉnh về một tác phẩm truyện, phân tích sâu sắc và thuyết phục các đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả (tình huống truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật...).

- Phát triển Năng lực số:

+ Biết ứng dụng các phần mềm văn phòng để định dạng văn bản hành chính chẵn chu và tải sản phẩm lên không gian số dùng chung của lớp.

+ Biết cách sử dụng công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI Chatbot) để hỗ trợ rà soát, phát hiện các lỗi lặp từ, lỗi diễn đạt rườm rà và gọt giũa ngôn từ cho bài viết cá nhân.

b. Nội dung:

HS tự chọn một trong hai đề tài (Nghệ thuật xây dựng tình huống và nhân vật trong *Chữ người tử tù* hoặc *Vợ nhặt*), tương tác với công cụ số để hoàn thiện và nộp bài viết ở nhà.

c. Sản phẩm:

- **Sản phẩm văn học:** Bài văn nghị luận hoàn chỉnh (bản số hóa Word/Docs).

- **Sản phẩm số:** Minh chứng câu lệnh tương tác với AI để tự sửa lỗi văn phong (chụp màn hình đính kèm ở cuối bài viết)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Chọn 1 trong 2 đề tài: Phân tích nghệ thuật xây dựng tình huống và nhân vật trong truyện ngắn <i>Chữ người tử tù</i> (Nguyễn Tuân) hoặc <i>Vợ nhặt</i> (Kim Lân). - Hướng dẫn quy trình số hóa (6.3.NC1b): GV yêu cầu sau khi viết xong bản nháp, HS có thể nhập một đoạn văn của mình vào AI Chatbot với câu lệnh: "<i>Tôi là học sinh lớp 11, đây là đoạn văn nghị luận của tôi. Hãy phát hiện các lỗi lặp từ, lỗi diễn đạt rườm rà (nếu có) và gợi ý cách gọt giũa câu chữ cho trau chuốt hơn</i>". HS tự cân nhắc lựa chọn những gợi ý phù hợp để sửa bài.	1. Yêu cầu văn học: - <i>Về cấu trúc:</i> Bố cục 3 phần rõ ràng, mạch lạc. Thân bài phân tích sâu nghệ thuật độc đáo của tác giả (Tình huống truyện độc lạ, nghệ thuật khắc họa nhân vật qua ngoại hình, nội tâm...). - <i>Về ngôn từ:</i> Sử dụng ngôn ngữ viết trau chuốt, chính xác; lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục lấy từ tác phẩm. 2. Yêu cầu số hóa: - File văn bản được căn lề, định dạng font chữ nghiêm túc, sạch đẹp (3.1.NC1a).

- GV quy định thời gian nộp (03 ngày sau tiết học) và hình thức nộp: Tải file Word/Docs lên thư mục Drive/Padlet của lớp (3.1.NC1a). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (Tại nhà) - Cá nhân HS tự lực viết bài nháp dựa trên dàn ý. - HS tương tác với AI để rà soát lỗi văn phong, tự gọt giũa lại bài viết của mình cho chín chu, gieo vào đó cảm xúc chân thực (6.3.NC1b). - HS chụp lại 01 ảnh màn hình cuộc đối thoại với AI đính vào cuối file bài viết làm minh chứng tương tác (6.3.NC1b). - Đặt tên file theo cú pháp: <i>HoTen_Lop_BaiVietNghiluan</i> và tải lên không gian lưu trữ chung (3.1.NC1a). Bước 3: Báo cáo, thảo luận (Không gian số - Trước tiết học sau) - GV mở quyền truy cập thư mục bài viết cho cả lớp. - HS vào đọc bài viết của các bạn trong lớp, sử dụng tính năng "Bình luận" (Comment) trực tuyến để nhận xét, học hỏi cách dùng từ hoặc góp ý bổ sung cho bài viết của bạn (3.1.NC1a). Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV thực hiện trực tuyến/tiết học sau) - GV nhận xét tinh thần tự giác, thái độ trung thực khi làm bài và văn hóa tương tác trên không gian mạng của học sinh (1.2.NC1a). - GV chấm điểm bài viết dựa trên Rubric đánh giá đã ban hành ở Hoạt động Luyện tập. Tuyên dương những bài viết có góc nhìn sắc sảo, lối hành văn gọt giũa và biết dùng công cụ AI để tự nâng cao chất lượng bài viết của mình (6.3.NC1b).	- Có minh chứng trực quan về việc dùng câu lệnh để tham khảo AI nhằm phát hiện lỗi diễn đạt, thể hiện tư duy chủ động khi gọt giũa văn bản (6.3.NC1b).
--	---

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Hoàn thiện sản phẩm viết (Củng cố):

Tiếp tục gọt giũa bài văn nghị luận hoàn chỉnh (*Chữ người tử tù* hoặc *Vợ nhặt*), kiểm tra lỗi chính tả tự động và nộp file lên không gian lưu trữ số đúng thời hạn quy định (3.1.NC1a).

2. Đọc và phản hồi bài viết của bạn (Học tập tương tác):

Truy cập vào thư mục lưu trữ chung của lớp, đọc tối thiểu bài viết của 02 bạn khác và sử dụng tính năng "Bình luận" (Comment) trực tuyến để nhận xét chéo về cách lập luận hoặc cách dùng từ gọt giũa của bạn **(3.1.NC1a)**.

3. Chuẩn bị bài mới (Chủ động xây dựng học liệu):

- Đọc trước nội dung bài: **Nói và Nghe: Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.**

- **Chuẩn bị học liệu số nâng cao:** Dựa vào chính bài văn nghị luận hoàn chỉnh vừa viết ở nhà, học sinh tóm tắt hệ thống luận điểm cốt lõi để phác thảo trước một sơ đồ tư duy hoặc một bản trình chiếu slide (PowerPoint/Canva) ngắn gọn, chuẩn bị làm phương tiện hỗ trợ trực quan cho bài thuyết trình nói trên lớp ở tiết học sau **(3.1.NC1a)**.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

Tiết: 11

THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết lựa chọn một tác phẩm truyện mang nét nổi bật về nghệ thuật kể chuyện, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức thuyết trình.

- HS biết cách phân tích các yếu tố đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

c. Năng lực số (NLS):

- ứng dụng phần mềm trình chiếu (PowerPoint/Canva) để thiết kế slide/sơ đồ tóm tắt luận điểm và tự thao tác trình chiếu làm phương tiện trực quan hỗ trợ bài nói.

- HS tuân thủ luật sở hữu trí tuệ, biết trích dẫn nguồn uy tín khi sử dụng hình ảnh/tư liệu từ Internet trong sản phẩm trình chiếu của mình.

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

- **Trách nhiệm & Lối sống văn minh:** Nuôi dưỡng lí tưởng sống tốt đẹp thông qua việc thấu hiểu thông điệp nghệ thuật của tác phẩm; thể hiện lối sống văn minh qua thái độ lịch sự khi nghe và sử dụng ngôn từ nhã nhặn khi tranh luận; **tuân thủ luật sở hữu trí tuệ** khi sử dụng hình ảnh/tư liệu số trực tuyến trong bài nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Máy tính giáo viên kết nối Internet, máy chiếu/Tivi lớp học.

- Thiết bị lưu trữ (USB) hoặc tài khoản đám mây của học sinh để đồng bộ sản phẩm trình chiếu lên Tivi.
- Thiết bị số cá nhân/nhóm (nếu dùng để ghi chép hoặc chấm điểm trực tuyến).

2. Học liệu:

- SGK Ngữ văn 11, kế hoạch bài dạy.
- Sản phẩm số hóa: Bản trình chiếu slide hoặc Sơ đồ tư duy số của bài văn nghị luận đã gọt giũa từ tiết Viết.
- Phiếu học tập, Phiếu tự đánh giá và Phiếu đánh giá chéo bài thuyết trình (bản in hoặc bản số).

III. TIỀN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú và kết nối kinh nghiệm cá nhân của HS với chủ đề bài thuyết trình, giúp HS sẵn sàng tâm thế thực hiện nhiệm vụ học tập.
- **Phát triển Năng lực số (NLS):** HS chủ động sử dụng thiết bị số để truy cập, tiếp nhận thông tin và dữ liệu đa phương tiện từ môi trường số liên quan đến chủ đề bài nói.

b. Nội dung:

GV hướng dẫn HS nghe đọc một đoạn trích truyện ngắn, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu mã QR (hoặc link rút gọn) lên màn hình Tivi, dẫn đến file đa phương tiện chứa văn bản và file âm thanh đọc diễn cảm đoạn mở đầu truyện <i>Cánh đồng bất tận</i> (Nguyễn Ngọc Tư). <i>Rồi ngọn lửa hơi hót thở dưới nôi com đã lên tim, người đàn bà vẫn còn nằm trên ghe. Ngay cả ý định ngồi dậy cũng xao xác tan mau dưới những tiếng rên dài. Mối chị sưng vều ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cầu nhéo tím ngắt.</i> <i>Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lét hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giăng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rực chung quanh đã vực tinh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá vói vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài,</i>	Sức hấp dẫn từ trích đoạn truyện ngắn <i>Cánh đồng bất tận</i> của Nguyễn Ngọc Tư - Câu chuyện: Một cô gái bị một toán người hành hạ, đánh đập, cô bỏ chạy, bị rượt đuổi và trốn lên được một chiếc thuyền chài. - Mở đầu truyện: đầy bất ngờ, gây nên sự tò mò, khiến người đọc phải băn khoăn: + Tại sao cô gái ấy lại lâm vào tình thế khổ sở? + Trốn trên chiếc ghe lạ, rồi số phận cô ra sao? - Vai trò nhân vật “Tôi”: + Truyện kể ở ngôi thứ nhất, nhưng người kể chuyện là một nhân vật trong truyện có mối quan hệ với nhân vật chị

<i>nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chặt mái tóc dày kia, đục đặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc dứt lìa, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lặn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.</i> <i>Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mới bỏ chạy. Tôi mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe đạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thực mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhảy nhót điên cuồng. Rồi tiếng chửi rửa chối lòi chìm đi, tiếng bầy vịt tao tác kêu dưới sạp chìm đi, trong tôi chỉ có âm thanh của chiếc máy Koler4 nổ khan, rung bần bật dưới tay Điền, khắc ra những đám khói khét lẹt, đen ngòm. Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngo ngoé theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vẩy lên phơ phất phơ phất ... Cha tôi không đóng vai trò gì trong cuộc tháo chạy ấy, ông im lặng, khi đã đi khá xa, cha ra đằng mũi cầm sào. Tôi bò vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười méo mào, nói cảm ơn bằng mắt và thiệp đi.</i> - GV phát lệnh nhiệm vụ thảo luận cặp đôi: Mỗi cặp sử dụng 01 điện thoại quét mã để đọc/nghe trích đoạn (3.1.NC1a), sau đó suy nghĩ trả lời 4 câu hỏi định hướng - Câu chuyện kể về điều gì? - Nhận xét về mở đầu truyện? - Nhân vật “Tôi” có ý nghĩa gì trong sự phát triển mạch truyện? - Em ấn tượng với yếu tố nào trong nghệ thuật kể chuyện? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS quét mã QR, chủ động theo dõi văn bản trên màn hình thiết bị cá nhân (3.1.NC1a). - Các cặp đôi thảo luận, thống nhất ý kiến và gõ nhanh 2-3 từ khóa câu trả lời cho mỗi câu hỏi lên trang tương tác chung của lớp do GV thiết lập (3.1.NC1a). Bước 3. Báo cáo, thảo luận	+ Sự chứng kiến của nhân vật tôi sẽ hé lộ cho chúng ta những góc khuất trong cuộc đời nhân vật <i>chị</i> - Một số yếu tố truyện tạo tính hấp dẫn cho bạn đọc: + Mạch truyện không trùng khớp với câu chuyện tạo sự tò mò. + Các yếu tố miêu tả, biểu cảm đan lồng trong truyện giúp người đọc hình dung rõ nét nỗi đau đớn của con người, đồng thời đẩy lên nỗi xót xa thương cảm đối với nhân vật. + Lời kể chân thật, gần gũi,...
---	---

- GV mở giao diện trang tương tác chung trên màn hình Tivi để cả lớp cùng quan sát các từ khóa của các cặp đôi (3.1.NC1a). - GV gọi ngẫu nhiên đại diện 2 cặp đôi đứng tại chỗ thuyết minh bộc lộ rõ quan điểm, phân tích sâu bằng lời nói. - Các cặp đôi khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung trực tiếp. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV đánh giá thao tác kỹ thuật số và tinh thần hợp tác nhóm của HS (3.1.NC1a). - GV chuẩn hóa kiến thức (Dự kiến sản phẩm cột bên phải) và dẫn dắt: <i>"Như các em đã thấy, một câu chuyện dù có gai góc đến đâu nhưng nếu không có bàn tay tài hoa của người kể chuyện thì không thể chạm đến tim độc giả. Sức hấp dẫn của Cánh đồng bất tận đến từ ngôi kể thứ nhất chân thật, từ cách tổ chức mạch truyện bất ngờ và giọng điệu đầy xót thương. Để giúp người nghe thấu hiểu và bị thuyết phục bởi những nét đặc sắc nghệ thuật này, hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành: Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện."</i>	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Xác định được các yêu cầu cốt lõi đối với người nói, người nghe và quy trình chuyển đổi từ bài viết sang bài thuyết trình văn học.

- **Phát triển năng lực số (NLS):** Biết cách kiểm tra, thiết lập và đồng bộ hóa các tệp dữ liệu trình chiếu (PowerPoint/Canva) từ thiết bị cá nhân lên hệ thống máy tính/màn hình lớp học để chuẩn bị cho bài nói.

b. Nội dung: HS đọc hướng dẫn trong SGK, thảo luận nhóm bàn để hệ thống hóa các yêu cầu đối với người nói, người nghe và quy trình chuẩn bị học liệu số phục vụ bài thuyết trình.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy hoặc bảng tổng hợp ngắn gọn về nhiệm vụ của người nói và người nghe..

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thông tin hướng dẫn về phần Chuẩn bị Nói và Nghe trong SGK trang 44. - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm bàn thảo luận nhanh trong 3 phút để thực hiện các yêu cầu sau:	I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE 1. Đối với người nói - <i>Yêu cầu:</i> + Giới thiệu thông tin cơ bản về tác phẩm truyện. + Phân tích rõ các khía cạnh nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện (ngôi kể,

1. <i>Xác định từ khóa về các yêu cầu cốt lõi của người nói và quy trình chuyển đổi từ bài viết sang bài nói.</i> 2. <i>Xác định tâm thế và những thứ người nghe cần chuẩn bị trước khi vào buổi thuyết trình.</i> - Thao tác số phối hợp (3.1.NC1a): Trong lúc các nhóm thảo luận, các HS đại diện lên thuyết trình ở hoạt động sau tiến hành kết nối, kiểm tra thử tệp trình chiếu (PowerPoint/Canva) của mình trên thiết bị lớp học để đảm bảo không lỗi hiển thị. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm bàn, đối chiếu sách giáo khoa để chốt lọc thông tin và ghi nhanh hệ thống ý kiến ra phiếu nháp. - Các học sinh làm nhiệm vụ thuyết trình thực hiện việc đồng bộ học liệu số lên màn hình lớp học dưới sự quan sát của GV (3.1.NC1a). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày về nhiệm vụ của người nói, 1 nhóm trình bày về nhiệm vụ của người nghe. - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung trực tiếp bằng lời nói. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ làm việc nhóm và khen ngợi kỹ năng chủ động kiểm tra học liệu số trước giờ thuyết trình của các thành viên (3.1.NC1a). - GV chốt kiến thức chuẩn lên màn hình Tivi:	điểm nhìn, tình huống, lời văn, giọng điệu...). + Trình bày phát hiện cá nhân có chiều sâu; tôn trọng các góc nhìn, cảm nhận đa dạng khác. - <i>Quy trình:</i> + Lựa chọn đề tài (khai thác trực tiếp từ bài viết trước). + Tóm tắt hệ thống luận điểm thành các từ khóa, luận điểm ngắn gọn, dễ nhớ. + Thiết kế và chạy thử phương tiện trực quan (slide/sơ đồ số) hỗ trợ bài nói (3.1.NC1a). 2. Đối với người nghe - Tìm hiểu trước về tác phẩm truyện sẽ được nghe thuyết trình. - Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng. - Chuẩn bị sẵn sổ tay ghi chép hoặc thiết bị để ghi lại luận điểm chính và các câu hỏi cần phản hồi.
---	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- **Năng lực đặc thù:** Thực hành thuyết trình mạch lạc theo bố cục 3 phần về một đặc điểm nghệ thuật kể chuyện; ghi chép chủ động, phản biện và tương tác lịch sự giữa người nói và người nghe.

- Phát triển Năng lực số (NLS):

+ Biết vận hành thiết bị trình chiếu tại lớp để hiển thị slide/sơ đồ số hỗ trợ trực quan, tương tác nhịp nhàng giữa lời nói và màn hình.

+ Áp dụng đúng quy định sở hữu trí tuệ khi trình chiếu các hình ảnh, tư liệu minh họa trong slide bài nói.

b. Nội dung: HS đại diện các nhóm thực hiện bài thuyết trình văn học kết hợp trình chiếu công nghệ; cả lớp theo dõi, ghi chép và tiến hành trao đổi, phản biện công khai.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình trực tiếp của HS kết hợp tệp trình chiếu số hóa; các câu hỏi tương tác và phản hồi của người nghe.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia không gian lớp học thành một buổi "Hội thảo văn học số". - GV giao nhiệm vụ cho đại diện các nhóm lên thuyết trình một trong hai đề tài dưới đây theo bố cục 3 phần theo Cấu trúc bài nói số GV cung cấp: 1. <i>Tình huống truyện ngắn Vợ nhặt (Kim Lân).</i> 2. <i>Chất thơ trong tác phẩm Dưới bóng hoàng lan (Thạch Lam).</i> - GV yêu cầu người nói phối hợp điều khiển thiết bị chiếu (3.1.NC1a); người nghe tập trung ghi chép, chuẩn bị câu hỏi phản biện dựa trên tinh thần đạo đức, lối sống văn minh. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm có 2 phút chuẩn bị nhanh, kiểm tra thiết bị điều khiển slide của nhóm mình (3.1.NC1a). - Các thành viên còn lại chuẩn bị sẵn vở ghi chép luận điểm hoặc mở biểu mẫu đánh giá của lớp trên thiết bị cá nhân. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Người nói thực hiện: Đại diện nhóm lên thuyết trình. Sử dụng lời nói tự nhiên kết hợp cử chỉ phi ngôn ngữ; một tay linh hoạt bấm chuyển các slide/sơ đồ số trên màn hình Tivi để minh họa cho luận điểm (3.1.NC1a). Khuyến khích HS chỉ rõ các hình ảnh trích dẫn có bản quyền và nguồn uy tín trên slide (4.2.NC1a). - Người nghe thực hiện: Chú ý lắng nghe, ghi chép lại các thông tin cốt lõi. Sau khi bạn kết thúc bài nói, người nghe đặt câu hỏi chất vấn, nêu các điểm băn khoăn về nội dung nghệ thuật văn học. - Tương tác: Người nói và người nghe đối thoại trực tiếp bằng lời nói với thái độ nhã nhặn, tôn trọng sự khác biệt. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét chi tiết về: nội dung phân tích văn học, kỹ năng diễn giảng, sự kết hợp nhịp nhàng với công nghệ (3.1.NC1a), và ý thức tôn trọng luật sở hữu trí tuệ của bài nói (4.2.NC1a).	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ 1. Thực hành nói 1. Thực hành nói (Cấu trúc bài nói số) - <i>Mở đầu:</i> Giới thiệu ngắn gọn tác phẩm; dùng câu hỏi, hình ảnh hoặc âm thanh trên slide để thu hút người nghe ngay từ đầu, tránh đọc lại văn bản viết. - <i>Triển khai:</i> Trình bày tóm lược hệ thống luận điểm. Thiết kế các slide đơn giản, thoáng chữ, hiển thị sơ đồ hoặc từ khóa trọng tâm để hỗ trợ cho lời nói. - <i>Kết luận:</i> Khái quát giá trị nghệ thuật của tác phẩm; mở ra câu hỏi gợi mở, khuyến khích người nghe chia sẻ góc nhìn khác. 2. Trao đổi, đánh giá (Văn hóa tương tác) - <i>Người nói:</i> + Lắng nghe, ghi nhận tất cả thắc mắc từ người nghe. + Trả lời thẳng vào trọng tâm với thái độ cởi mở, cầu thị, chân thành. + Làm rõ thêm các phát hiện cá nhân độc đáo. - <i>Người nghe:</i> + Chỉ ra những điểm hợp lí, hấp dẫn, sáng tạo trong bài nói và slide của bạn. + Sử dụng ngôn từ lịch sự để phản biện những điểm còn băn khoăn, chưa đồng tình. + Đặt câu hỏi mở để người nói làm sâu sắc thêm vấn đề văn học.
---	---

- GV chuẩn hóa quy trình thực hành nói và kỹ năng tương tác phản hồi lên màn hình và lưu ý văn hóa tương tác khi nói và nghe.	
---	--

PHỤ LỤC 1 (Đã thay đổi so với bản W cũ)

Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung tiêu chí đánh giá	KẾT QUẢ Đạt
1	Nội dung văn học: Giới thiệu đầy đủ, ngắn gọn thông tin cốt lõi của tác phẩm truyện (tác giả, hoàn cảnh ra đời, vị trí văn học); tránh việc đọc lại bài viết cũ.	
2	Kỹ năng phân tích: Chỉ ra và phân tích thấu đáo tối thiểu một phương diện nghệ thuật kể chuyện độc đáo của tác giả (ngôi kể, điểm nhìn, tình huống...) có kèm lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.	
3	Ứng dụng công nghệ: Vận hành thiết bị trình chiếu trơn tru; phối hợp nhịp nhàng giữa lời nói trực tiếp với các slide/sơ đồ số hỗ trợ trực quan (3.1.NC1a); tuân thủ luật sở hữu trí tuệ khi trích dẫn hình ảnh/tư liệu (4.2.NC1a).	
4	Tương tác & Văn hóa ứng xử: Duy trì giao tiếp bằng mắt, cử chỉ phi ngôn ngữ tự nhiên; sử dụng ngôn từ nhã nhặn, tôn trọng sự khác biệt khi đối thoại, phản biện trực tiếp hoặc trên môi trường số.	

PHỤ LỤC 2: BÀI THUYẾT TRÌNH THAM KHẢO

Chủ đề: Chất thơ trong truyện ngắn "Dưới bóng hoàng lan" (Thạch Lam)

1. Mở đầu (Kích hoạt không gian tương tác)

- Kính chào thầy/cô và các bạn. Trên màn hình lúc này là hình ảnh một lối đi lát gạch Bát Tràng rêu phủ và nhành hoa hoàng lan vàng ruộm trong nắng.

[Trình chiếu Slide 1: Hình ảnh khu vườn xưa và nhành hoa hoàng lan]

Khi nhìn những hình ảnh này, các bạn có cảm thấy lòng mình dịu lại sau một ngày học tập mệt mỏi không? Đối với tôi, đó chính là cảm giác khi bước vào thế giới văn chương của Thạch Lam – nơi không có những xung đột gay gắt, mà chỉ có giọng điệu thủ thỉ tâm tình và một chất thơ bàng bạc trên từng trang văn. Hôm nay, nhóm chúng tôi xin phép được đưa mọi người cùng trở về quê hương, cùng lắng đọng tâm hồn qua bài thuyết trình: *Chất thơ trong truyện ngắn "Dưới bóng hoàng lan"*.

2. Triển khai (Kết hợp tóm lược luận điểm và phân tích trực quan)

- Trước hết, để các bạn dễ theo dõi, nhóm chúng tôi đã sơ đồ hóa khái niệm "chất thơ" ngay trên màn hình.

[Trình chiếu Slide 2: Sơ đồ tư duy định nghĩa "Chất thơ trong truyện ngắn"]

Hiểu một cách đơn giản, chất thơ là tính chất trữ tình được tạo nên khi nhà văn không chú trọng kể lại một biến cố gay gắt, mà đi sâu khai thác mạch cảm xúc, tâm trạng tinh tế của nhân vật thông qua những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng. Và trong *Dưới bóng hoàng lan*, chất thơ ấy được chưng cất từ hai phương diện lớn: **Tình đời, tình người** và **Không gian nghệ thuật cổ tích**.

[Trình chiếu Slide 3: Luận điểm 1 - Chất thơ từ tình đời, tình người]

Đầu tiên, chất thơ bộc lộ qua tình đời, tình người thiết tha. Đó là vẻ đẹp của một khu vườn cổ tích lọt thỏm giữa cuộc đời xô bồ với con mèo già, bể nước mưa, giàn hoa thiên lý và hình ảnh người bà mái tóc bạc phơ như một bà tiên phúc hậu. Hãy cùng tôi lắng nghe đoạn văn Thạch Lam tả cảnh nhân vật Thanh trở về: *"Thanh lách cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người, trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió..."*.

Sự tĩnh lặng tuyệt đối ấy đã xoa dịu tâm hồn con người sau những ngày tháng bận rộn nơi phố thị. Và trong chính khung cảnh ấy, một tình cảm đôi lứa chớm nở giữa Thanh và Nga – cô bạn hàng xóm thuở nhỏ. Đó chưa hẳn là tình yêu, nhưng cũng không còn là tình bạn thuần túy. Nó thanh khiết, e ấp và khê khàng như mùi hương hoàng lan *"thoang thoang bay trong gió mát"*, khiến chàng vương phải cái gì *"dịu ngọt chẳng to"*. Chính cái đẹp giản dị, trong ngần này đã thức tỉnh tâm hồn con người, hướng chúng ta đến những giá trị đạo đức và lối sống tốt đẹp.

[Trình chiếu Slide 4: Luận điểm 2 - Kiểu truyện không có cốt truyện và Không gian nghệ thuật]

Phương diện thứ hai làm nên chất thơ chính là việc Thạch Lam kiến tạo một kiểu truyện cốt truyện đơn giản đến mức gần như không có. Truyện chỉ xoay quanh việc Thanh đi xa trở về thăm bà, gặp lại Nga rồi hôm sau lại ra đi. Mạch truyện không chuyển động theo sự kiện mà vận động theo mạch cảm giác: từ cái nóng bức của phố xá chuyển sang cái mát rượi của ngôi nhà cổ, đem đến cho Thanh sự nhẹ nhõm như *"tắm suối"*.

Đặc biệt, không gian quê hương trong tác phẩm hiện lên như một lý tưởng sống êm đềm. Ngay cả tên của hai nhân vật chính là Nga và Thanh cũng đều là những thanh bằng (không dấu), tạo nên một âm hưởng nhẹ nhàng, ngân vang độc đáo. Hương hoàng lan xuất hiện xuyên suốt vừa là chứng nhân cho mỗi tình đầu e ấp, vừa là sợi dây níu giữ kí ức tuổi thơ, nhắc nhở con người ta luôn hướng về cội nguồn, về chốn bình yên sâu thẳm trong tâm hồn mỗi khi vấp ngã.

3. Kết luận (Khái quát và mở rộng phản biện)

[Trình chiếu Slide 5: Tổng kết giá trị tác phẩm & Câu hỏi gợi mở cho người nghe]

- Tóm lại, tác phẩm *Dưới bóng hoàng lan* tựa như một bài thơ trữ tình. Đúng như nhà văn Nguyễn Tuân từng nhận định, tác phẩm đã *"đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm, thơm lành và mát dịu"*. Chất thơ ấy được chưng cất từ đời sống bình dị bằng chính tình yêu cái đẹp và niềm tin vào thiện căn của con người ở Thạch Lam.

- Bài trình bày của nhóm chúng tôi đến đây là kết thúc. Để buổi thảo luận thêm phần sôi nổi, tôi rất muốn nghe chia sẻ từ các bạn: *Liệu trong cuộc sống hiện đại ngày nay, những tác phẩm "không có cốt truyện" và dịu mát như thế này có còn đủ sức cuốn hút người đọc trẻ tuổi hay không?*

Xin cảm ơn thầy/cô và các bạn đã chú ý lắng nghe. Sau đây, nhóm chúng tôi sẵn sàng nhận các câu hỏi góp ý và phản biện từ cả lớp!

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- **Năng lực đặc thù (Nói và Nghe):** Tự lực lựa chọn chủ đề, xây dựng bài tham luận và thực hành thuyết trình kết hợp tranh luận trong không gian sinh hoạt câu lạc bộ văn học.

- **Phát triển năng lực số (NLS):**

+ Biết ứng dụng phần mềm thiết kế và các trang web dùng chung (Padlet/Drive) để xây dựng "Triển lãm sản phẩm số" cho câu lạc bộ; biết cách biên tập, định dạng nội dung tham luận số chính chu, chuyên nghiệp trước khi xuất bản lên không gian chung.

+ Thể hiện văn hóa ứng xử mạng văn minh, có trách nhiệm khi chia sẻ sản phẩm học tập trên không gian số.

- **Phẩm chất (Đạo đức, Lối sống):** Phát huy tinh thần trách nhiệm, nuôi dưỡng lòng trắc ẩn và lối sống nhân văn thông qua việc thấu hiểu thế giới nghệ thuật của các nhà văn cách mạng (Nam Cao, Kim Lân);

b. Nội dung:

- Học sinh chuẩn bị bài tham luận, thiết kế học liệu số hỗ trợ tại nhà và tham gia buổi sinh hoạt câu lạc bộ ngoại khóa trực tiếp kết hợp triển lãm số trực tuyến.

c. Sản phẩm:

- **Sản phẩm văn học:** Bài tham luận hoàn chỉnh và các câu hỏi chất vấn của các thành viên câu lạc bộ.

- **Sản phẩm số:** Không gian triển lãm trực tuyến của Câu lạc bộ (Mã QR/Đường link Padlet chứa các slide, sơ đồ tư duy và bài viết của cả lớp) **(3.1.NC1a)**.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn và phát động buổi sinh hoạt ngoại khóa với chủ đề: "<i>Câu lạc bộ người yêu truyện - Thanh âm văn học</i>". - GV chia lớp thành các phân ban và giao 2 đề tài lớn để HS chuẩn bị bài tham luận cá nhân hoặc nhóm: 1. <i>Vẻ đẹp nghệ thuật (tâm lý nhân vật, giọng điệu) trong một truyện ngắn của Nam Cao.</i> 2. <i>Ấn tượng về nghệ thuật kể chuyện (ngôn ngữ mộc mạc, tình huống) của Kim Lân.</i> - Nhiệm vụ số hóa: GV khởi tạo một bức tường số (Padlet) của Câu lạc bộ. Yêu cầu mỗi cá nhân/nhóm sau khi viết xong bài tham luận và thiết kế slide/poster hỗ trợ, phải tự biên tập định dạng chỉnh chu rồi đăng tải lên bức tường số này trước buổi sinh hoạt 02 ngày. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tự lực nghiên cứu tác phẩm, viết bài tham luận văn học ở nhà. - HS thiết kế slide, poster hoặc sơ đồ số để làm phương tiện trực quan cho bài thuyết trình (3.1.NC1a). - HS truy cập đường link của lớp, đăng tải sản phẩm số của mình lên đúng phân ban ban tổ chức quy định (3.1.NC1a). Bước 3: Báo cáo, thảo luận (Tổ chức buổi sinh hoạt CLB) - Phần 1: Tham quan triển lãm số: GV trình chiếu giao diện Bức tường số của câu lạc bộ lên màn hình lớn để cả lớp cùng chiêm ngưỡng bức tranh toàn cảnh các bài tham luận (3.1.NC1a). - Phần 2: Thuyết trình và Chất vấn: Chủ tọa câu lạc bộ điều hành, mời đại diện các phân ban lên trình bày bài tham luận trực tiếp kết hợp bấm slide trình chiếu (3.1.NC1a). Các thành viên dưới lớp đóng vai trò phản	Sản phẩm của Buổi sinh hoạt Câu lạc bộ người yêu truyện: 1. Nội dung văn học (Hệ thống tham luận): - <i>Về Nam Cao:</i> Làm rõ được nghệ thuật phân tích tâm lý nhân vật bậc thầy, dòng ý thức phức tạp và giọng điệu dửng dưng mà trĩu nặng yêu thương, từ đó thấu hiểu nỗi đau và vẻ đẹp của con người trước Cách mạng. - <i>Về Kim Lân:</i> Khắc họa được nghệ thuật tạo tình huống truyện độc đáo, ngôn ngữ đối thoại/độc thoại nội tâm mang đậm hơi thở của đồng ruộng, bộc lộ tình xót thương và niềm tin vào sự sống của người nông dân. 2. Không gian học liệu số (Triển lãm trực tuyến): - Link/Mã QR bức tường số (Padlet) của Câu lạc bộ được sắp xếp khoa học, đẹp mắt (3.1.NC1a). - Các tệp tham luận, slide thuyết trình được định dạng chuẩn mực, thoáng chữ, không lỗi chính tả (3.1.NC1a). - Các bình luận, tương tác nhận xét chéo giữa các thành viên trên không gian số thể hiện sự lịch sự, văn hóa và tôn trọng bản quyền (1.2.NC1a).

biện, đặt câu hỏi tranh luận sâu về phong cách nghệ thuật của Nam Cao/Kim Lân trên tinh thần cầu thị, nhã nhặn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV tổng kết những giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống nhân văn cao đẹp của các nhân vật trong truyện Nam Cao, Kim Lân; từ đó khơi dậy lí tưởng sống cống hiến cho học sinh. - GV đánh giá kỹ năng thuyết trình, năng lực thiết kế học liệu số (3.1.NC1a) và tuyên dương ý thức ứng xử văn minh trên môi trường mạng của tập thể lớp (1.2.NC1a)	
--	--

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 1)

a. Mục tiêu:

- **Năng lực đặc thù:** Khái quát được đặc trưng truyện ngắn hiện đại; phân tích, so sánh được hình tượng nhân vật nữ và giá trị nhân đạo trong sáng tác của Nam Cao và Kim Lân.
- **Năng lực số: 3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** Biết cách định dạng văn bản hệ thống hóa kiến thức và tải sản phẩm học tập của nhóm lên thư mục lưu trữ số dùng chung của lớp.
- **Phẩm chất:** Bồi đắp tình cảm nhân đạo, sự đồng cảm với con người; thể hiện lối sống văn minh thông qua văn hóa tương tác và tôn trọng bản quyền học liệu trực tuyến.

b. Nội dung:

HS thảo luận nhóm lớn để giải quyết hệ thống 3 câu hỏi củng cố toàn bài học, thực hiện số hóa kết quả và báo cáo, thảo luận tại lớp.

c. Sản phẩm:

Bảng tổng hợp luận điểm (Sơ đồ tư duy số) của các nhóm được đăng tải trực tuyến lên hệ thống dùng chung của lớp học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận 3 câu hỏi lớn:
 - + *Nhóm 1 (Câu 1): Qua bài học này, theo bạn, điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại?*
 - + *Nhóm 2 (Câu 2): Suy nghĩ của bạn về hình tượng các nhân vật nữ: thị Nở (Chí Phèo – Nam Cao) và người vợ nhặt (Vợ nhặt – Kim Lân). Từ đó, hãy đánh giá giá trị nhân đạo của mỗi tác phẩm.*
 - + *Nhóm 3 (Câu 3): Tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nam Cao (Lão Hạc, Đời thừa, Bài học quét nhà...) và Kim Lân (Con chó xấu xí, Làng...); từ đó phân tích những nét nổi bật trong cách kể chuyện của từng tác giả.*
- **Hướng dẫn thao tác số (3.1.NC1a):** GV yêu cầu các nhóm thảo luận trực tiếp, thư ký nhóm ghi nhận nội dung và sử dụng thiết bị số để tổng hợp nhanh kết quả dưới dạng sơ đồ tư duy số, đăng tải lên thư mục lưu trữ chung của lớp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS các nhóm thảo luận, lật mở lại tri thức đã học để thống nhất câu trả lời.
- HS nhóm 3 chủ động dùng thiết bị cá nhân để tìm kiếm thông tin về các truyện ngắn đọc thêm trên internet, tuân thủ nguyên tắc tôn trọng bản quyền học liệu (1.2.NC1a).
- Thư ký hoàn thiện sơ đồ số của nhóm và tải lên không gian mạng đúng quy định (3.1.NC1a).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV mở thư mục dùng chung của lớp để trình chiếu sản phẩm sơ đồ tư duy của cả 3 nhóm lên màn hình lớn **(3.1.NC1a)**.
- GV gọi đại diện các nhóm HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi bằng lời nói dựa trên sơ đồ.
- GV bổ sung, hướng dẫn và chốt đáp án văn học cho các nhóm.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV đánh giá tư duy khái quát văn học và kỹ năng vận dụng công nghệ số để quản lý tri thức của học sinh **(3.1.NC1a)**.
- GV giáo dục ý thức trân trọng giá trị đạo đức, tình thương người nông dân và khơi dậy lý tưởng sống có trách nhiệm cho HS.
- GV yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá chéo kết quả làm việc dựa trên nội dung chuẩn kiến thức như gợi ý dưới đây:

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Điều làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại:

- Truyện ngắn có dung lượng nhỏ, ngắn gọn mà cô đúc nên có sức ám ảnh lớn. Nó tập trung vào một hoặc một vài biến cố trong một không gian, thời gian nhất định, tạo ra ấn tượng mạnh mẽ và sự liên tưởng cho người đọc.
- Đề tài, nội dung truyện ngắn có thể lấy ở nhiều mặt của cuộc sống, nhiều vấn đề có tính chất thời sự xã hội.
- Nhân vật trong truyện ngắn đa phần được khắc họa bằng nội tâm chứ ít khi thông qua sự đối thoại như văn bản kịch.
- Về điểm nhìn và phương thức kể chuyện đa dạng, linh hoạt,...

Câu 2:

1. Hình tượng nhân vật người phụ nữ

a. Thị Nở (Chí Phèo – Nam Cao)

- **Ngoại hình:** Miêu tả khách quan, trần trụi:
 - + Ngần ngơ: hành động theo bản năng.
 - + Xấu ma chê quỷ hờn: từng đường nét trên khuôn mặt không giống với những gì nên có trên khuôn mặt con người.
 - + Đã vậy, Thị còn nghèo và nhà có mả hủi.
- ⇒ Thị khó có được hạnh phúc bởi một con người mang trên mình toàn những điều bất lợi.
- **Phẩm chất tốt đẹp, giàu tình người:** Nam Cao xây dựng hình tượng nhân vật thị Nở xấu ma chê quỷ hờn không phải để miệt thị mà nhằm làm nổi bật nội tâm đầy tình thương của Thị Nở:
 - + Thị Nở quan tâm đến Chí Phèo, nấu cháo hành cho Chí ăn khi hắn bị ốm. Bưng bát cháo hành thị Nở đưa cho “hắn thấy mắt mình hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho”.
 - + Chính thị Nở đã suy nghĩ về Chí Phèo: “Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người” ⇒ một cái nhìn khác với những cái nhìn của người làng Vũ Đại.
 - + Tình cảm và sự quan tâm của Thị Nở với Chí Phèo đã như một liều thuốc chữa lành bao nhiêu “vết thương, vết rạch” để Chí Phèo quay trở lại thành một người với sự lương thiện trong căn tính.
- **Khát khao hạnh phúc gia đình:**

- + Thị Nở thích cuộc sống gia đình có vợ có chồng.
- + Suy nghĩ rất nghiêm túc về mối quan hệ với Chí.
- + Đối với Chí, cảm giác “ngượng ngượng mà thỉnh thích”.
- + Bởi khát khao và suy nghĩ nghiêm túc về hạnh phúc gia đình nên Thị đã trở về xin phép bà cô và thái độ tức giận khi bà cô từ chối.

- Là nhân vật góp phần làm nổi bật chủ đề tác phẩm: bi kịch cuộc đời Chí Phèo.

- + Ban đầu, thị Nở và Chí Phèo đến với nhau chỉ bởi sự chung đụng về mặt thể xác.
- + Sau đó, chính tình thương của thị Nở đã làm thức dậy sự lương thiện vốn có trong Chí.
- + Khi Thị Nở từ chối Chí, Chí Phèo từ chỗ khát khao và hạnh phúc đến tột cùng bị đẩy xuống tận cùng của nỗi tuyệt vọng ⇒ đẩy Chí đến những hành động sau này: uống rượu, xách dao đi giết Bá Kiến và tự sát.

⇒ **Nhận xét chung:** Thị Nở là nhân vật thúc đẩy sự phát triển của câu chuyện, đồng thời cho người ta cảm nhận sâu sắc hơn bi kịch của nhân vật chính: Chí Phèo.

b. Người vợ nhặt (Vợ nhặt – Kim Lân)

- Lai lịch, xuất thân và hoàn cảnh của Thị:

- + Không có quê hương gia đình → nạn đói năm 1945 đã khiến biết bao con người bị dứt khỏi quê hương, gia đình.
- + Tên tuổi cũng không có và qua tên gọi “vợ nhặt” → cho thấy sự rẻ rúng của con người trong cảnh đói.

+ Hoàn cảnh:

- ++ Không việc làm cụ thể, cuộc sống bấp bênh, bị nạn đói dồn đẩy đến trên bờ vực cái chết.
- ++ Cái đói quay quắt đã dồn đẩy chị, làm chị đánh mất cả sĩ diện và lòng tự trọng.

⇒ Thị là nạn nhân của nạn đói với số phận bi thảm, đáng thương.

- Chân dung ngoại hình của Thị:

- + Quần áo tả tơi như tổ đũa, gầy sọp.
- + Khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt.
- + Cái ngực gầy lép nhô lên.

⇒ Ngoại hình không mấy dễ nhìn, là hiện thân của sự nghèo đói, khốn khổ.

- Hành động, cử chỉ:

- + **Lần thứ nhất:** khi nghe câu hò vui của Tràng, thị đã vui vẻ giúp đỡ → đây chính là sự hồn nhiên vô tư của người lao động nghèo.

+ **Lần thứ hai:**

- ++ Thị sừng sủa mắng Tràng, từ chối ăn giàu để được ăn một thứ có giá trị hơn.
- ++ Khi được mời ăn tức thì ngồi sà xuống, mắt sáng lên, “ăn một chặp bốn bát bánh đúc”.
- ++ Khi nghe Tràng nói đùa “đằng ấy có về với tớ... cùng về”, thị đã theo về thật → Trong cái đói khổ, đó là cơ hội để thị bầu vịu lấy sự sống.

⇒ Cái đói khổ không chỉ làm biến dạng ngoại hình mà cả nhân cách con người, khiến người ta mất đi cả lòng tự trọng, sĩ diện và sự e thẹn, dịu dàng vốn có của người phụ nữ.

- Phẩm chất, vẻ đẹp tâm hồn của Thị

- + Có khát vọng sống mãnh liệt:

++ Quyết định theo Tràng về làm vợ dù không biết về Tràng, chấp nhận theo không về không cần sinh lễ vì thị sẽ không phải sống cảnh lang thang đầu đường xó chợ.

++ Khi đến nhà thấy hoàn cảnh nghèo khổ, trái ngược lời tuyên bố “rích bố cu”, thị “nén một tiếng thở dài”, dù ngao ngán nhưng vẫn chịu đựng để có cơ hội sống.

+ Thị là người ý tứ và nét na:

++ Trên đường về, thị cũng rón rén e thẹn đi sau Tràng, đầu hơi cúi xuống, thị ngại ngùng cho thân phận vợ nhặt của mình.

++ Khi vừa về đến nhà, Tràng đơn đả mời ngồi, chị ta cũng chỉ dám ngồi móm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, thể hiện sự ý tứ khi chưa xác lập được vị trí trong gia đình.

++ Khi gặp mẹ chồng, ngoài câu chào thị chỉ cúi đầu, “hai tay vôn vê tà áo đã rách bợt”, thể hiện sự lúng túng ngượng nghịu.

++ Sáng hôm sau, thị dậy sớm quét tước nhà cửa, không còn cái vẻ “chao chát, chỏng lỏn” mà hiền hậu, đúng mực.

++ Lúc ăn cháo cám, mới nhìn “mắt thị tối lại”, nhưng vẫn điềm nhiên và vào miệng thể hiện sự nể nang, ý tứ trước người mẹ chồng, không muốn làm bà buồn.

=> Cái đói có thể cướp đi nhân phẩm trong khoảnh khắc nào đó chứ không vĩnh viễn cướp đi được tâm hồn con người.

+ Thị còn là người có niềm tin vào tương lai: kể chuyện phá kho thóc trên Thái Nguyên, Bắc Giang để thắp lên hi vọng cho cả gia đình, đặc biệt là cho Tràng.

=> **Nhận xét chung:** Nhân vật người vợ nhặt là nhân vật thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm, tiêu biểu cho những người nghèo khổ, khốn cùng bị cái đói, cái chết đe dọa, dồn đẩy đến bước đường cùng. Thị luôn khao khát hạnh phúc gia đình, đem đến làn gió tươi sáng, ấm áp cho gia đình anh Tràng và cả người dân ở xóm ngụ cư trong hoàn cảnh bi đát nhất.

2. Giá trị nhân đạo

a. Chí Phèo – Nam Cao

- Niềm cảm thương sâu sắc đối với những số phận khổ đau, bất hạnh như Chí Phèo, thị Nở.
- Khẳng định, đề cao nhân tính, đề cao con người.
- Nam Cao phê phán những thế lực bạo tàn chà đạp con người.
- Nam Cao đề ra giải pháp mang tính nhân đạo, mang ý nghĩa hiện thực và triết lí sâu sắc: lật đổ xã hội tàn bạo để bảo toàn nhân tính của con người.

b. Vợ nhặt – Kim Lân

- Niềm cảm thương, đồng cảm sâu sắc của nhà văn trước số phận của những người nghèo khổ.
- Là tiếng nói khẳng định, đề cao những tình cảm cao đẹp của người lao động nghèo khổ: đó là tình yêu thương đùm bọc, tình mẫu tử, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc.
- Thể hiện niềm tin, niềm hi vọng vào cuộc sống vào tương lai dù ở trong tình cảnh khốn khó nhất.
- Lên án tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp.

Câu 3:

* Một số truyện ngắn của Nam Cao (*Lão Hạc, Đời thừa, Bài học quét nhà, cái chết của con mực,...*) và Kim Lân (*Con chó xấu xí, Làng,...*)

* Những nét nổi bật trong cách kể chuyện của từng tác giả:

1. Nhà văn Nam Cao

- **Đề tài, chủ đề:** Nam Cao thường hướng ngòi bút của mình vào miêu tả những cái nhỏ nhất, xoàng xĩnh cuộc sống hàng ngày, từ đó đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, những triết lý sâu sắc về con người, cuộc sống, nghệ thuật.
- **Cốt truyện, kết cấu:** Trong nhiều tác phẩm của ông cốt truyện được hư cấu rất đơn giản, dường như không cần đến sự tổ chức, sắp xếp. Có nhiều truyện của Nam Cao không có cốt truyện.
- **Nghệ thuật miêu tả và phân tích tâm lý nhân vật:** Hướng ngòi bút vào thế giới bên trong của con người, miêu tả tâm lý trong chiều sâu của sự vận động và phát triển của nhân vật.
- **Ngôn ngữ, giọng điệu:**
 - + Ngôn ngữ trong sáng tác của Nam Cao là ngôn ngữ đa âm, phức điệu, hiện đại. Ông không chỉ sử dụng đặc địa đại từ nhân xưng: nó, hắn, y, thì, gã mà còn có khả năng hóa thân, nhập vai vào tất cả các nhân vật, suy nghĩ và nói năng bằng tiếng nói của nhân vật. Có sự hòa quyện giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật, có sự chuyển hóa, trao đổi từ ngôn ngữ người kể chuyện sang ngôn ngữ nhân vật.
 - + Trong truyện của Nam Cao ta thường bắt gặp một giọng điệu có sắc thái tương chừng đối lập nhau. Ấy là giọng khách quan lạnh lùng, tàn nhẫn bên ngoài mà cảm thông, thương xót bên trong.

2. Nhà văn Kim Lân

- **Nghệ thuật xây dựng nhân vật:** Nhân vật: Kim Lân khắc họa được hình tượng sinh động. Bà cụ Tứ, Tràng, ông Hai tiêu biểu cho những người lao động cơ cực, nhưng vẫn nguyên vẹn tấm lòng nhân hậu, trong sáng, tình nghĩa, thủy chung.
- **Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo:** Kim Lân thường đưa nhân vật vào những tình huống éo le, độc đáo để làm nổi bật tính cách, suy nghĩ, vẻ đẹp nội tâm của nhân vật.
- **Sử dụng ngôn ngữ bình dân, tinh tế, có duyên:** mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi đáng kể.
- **Nghệ thuật trần thuật tự nhiên, hấp dẫn:** Trần thuật thông qua đối thoại giữa các nhân vật cũng là một nét đặc sắc của Kim Lân.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Hoàn thiện sản phẩm học tập (Bài học số):

- Các cá nhân rà soát lại kiến thức, các nhóm hoàn chỉnh sơ đồ tư duy số của phần Củng cố và nộp lại trên hệ thống lưu trữ trực tuyến của lớp đúng thời hạn **(3.1.NC1a)**.
- Ứng dụng các phần mềm học tập, trang web thiết kế đồ họa hoặc sơ đồ tư duy trực tuyến trên mạng Internet để đồng bộ hóa, lưu trữ học liệu phục vụ cho việc tự ôn tập lâu dài **(3.1.NC1a)**.

2. Chuẩn bị bài mới (Chủ động xây dựng học liệu):

- Đọc trước nội dung Tri thức Ngữ văn của Bài 2: Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình.
- Đọc và tìm hiểu trước các từ khóa cốt lõi, hoàn thành phiếu chuẩn bị bài số hóa (nếu có) cho Văn bản 1: Nhớ đồng (Tố Hữu) **(3.1.NC1a)**.
- Chủ động tra cứu, tìm kiếm các tư liệu văn học, hình ảnh hoặc các bài đọc diễn cảm uy tín về tác giả Tố Hữu trên Internet; ghi nhớ việc chọn lọc nguồn chính thống và tôn trọng luật bản quyền khi lưu trữ học liệu **(1.2.NC1a)**.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....